

Trường TH

Đồng Tháp

THƯ VIỆN

STK

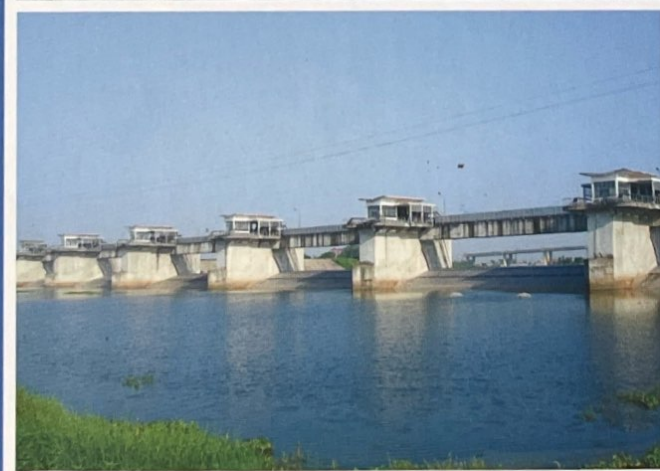
Số: 1847

GV

HUYỆN ỦY ĐAN PHƯỢNG

TẬP BÀI GIẢNG LỊCH SỬ HUYỆN ĐAN PHƯỢNG

(Dành cho học sinh Tiểu học, Trung học cơ sở,
Trung học phổ thông và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp -
Giáo dục thường xuyên)



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

HUYỆN ỦY ĐÀN PHƯỢNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐỒNG THÁP

THƯ VIỆN

Số:.....1847.....

TẬP BÀI GIẢNG
LỊCH SỬ HUYỆN ĐÀN PHƯỢNG

(Dành cho học sinh Tiểu học, Trung học cơ sở,
Trung học phổ thông và Trung tâm
Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên)

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

BAN CHỈ ĐẠO

Đ/c Lê Văn Thìn	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện	<i>Trưởng ban</i>
Đ/c Nguyễn Thị Hiền	UVBTV, Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Giám đốc Trung tâm Chính trị huyện	<i>Phó Trưởng ban</i>
Đ/c Phạm Thị Kim Oanh	UVBTV, Chủ tịch UBMTTQ huyện	<i>Ủy viên</i>
Đ/c Nguyễn Gia Hiễn	UVBTV, Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy	<i>Ủy viên</i>
Đ/c Nguyễn Tiến Toàn	UVBTV, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy	<i>Ủy viên</i>
Đ/c Đào Thị Hồng	HUV, Phó Chủ tịch UBND huyện	<i>Ủy viên</i>
Đ/c Phan Công Tuyển	HUV, Chánh Văn phòng Huyện ủy	<i>Ủy viên</i>
Đ/c Bùi Thị Thu Hằng	HUV, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	<i>Ủy viên</i>
Đ/c Phan Công Tính	HUV, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin huyện	<i>Ủy viên</i>
Đ/c Nguyễn Văn Đức	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy	<i>Ủy viên</i>

TỔ GIÚP VIỆC

Đ/c Nguyễn Thị Hiền	UVBTV, Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Giám đốc Trung tâm Chính trị huyện	<i>Tổ trưởng</i>
Đ/c Nguyễn Văn Đức	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy	<i>Tổ phó</i>
Đ/c Phạm Văn Dũng	Chính trị viên BCHQS huyện	<i>Thành viên</i>
Đ/c Nguyễn Quý Liễu	Phó Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	<i>Thành viên</i>
Đ/c Nguyễn Đức Thuận	Phó Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin huyện	<i>Thành viên</i>
Đ/c Hoàng Thị Hồng Ngọc	Hiệu trưởng Trường THPT Đan Phượng	<i>Thành viên</i>
Đ/c Nguyễn Thị Phương Thảo	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy	<i>Thành viên</i>

LỜI NÓI ĐẦU

Đan Phượng là vùng đất có bề dày truyền thống lịch sử văn hóa, là quê hương của phong trào phụ nữ “Ba đảm đang”, nghệ thuật hát ca trù nổi tiếng và là địa chỉ của nhiều di tích lịch sử - văn hóa. Cùng với truyền thống tốt đẹp về văn hóa, Nhân dân huyện Đan Phượng đã hun đúc nên truyền thống yêu nước nồng nàn. Truyền thống ấy biểu hiện rõ nét qua các thời kỳ lịch sử, nhất là qua các phong trào đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Dân ta phải biết sử ta / Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”. Lịch sử địa phương là một bộ phận quan trọng của lịch sử dân tộc, do đó, việc nghiên cứu và học tập lịch sử địa phương là yêu cầu rất cần thiết, không chỉ bồi đắp cho Nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ kiến thức lịch sử hào hùng của dân tộc, khơi dậy niềm tự hào về truyền thống đấu tranh dựng nước, giữ nước, mà còn nâng cao nhận thức về nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay.

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, công tác giáo dục lịch sử truyền thống huyện Đan Phượng được các nhà trường quan tâm với nhiều nội dung và hình thức phong phú: liên hệ, tích hợp trong các bài học chính khóa; tham quan các điểm di tích lịch sử, điểm lưu niệm sự kiện cách mạng... qua đó góp phần cung cấp những kiến thức, hiểu biết về lịch sử cho giáo viên và học sinh trong các nhà trường.

Tuy nhiên, trong quá trình giáo dục truyền thống lịch sử huyện Đan Phượng, tư liệu lịch sử chưa được biên soạn một cách hệ thống, đầy đủ, khoa học và phù hợp cho từng đối tượng học sinh ở các trường học trên địa bàn huyện.

Nhằm phát huy truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng trong giai đoạn mới, giúp các em học sinh hiểu rõ và tự hào về những giá trị văn hóa tiêu biểu của địa phương,

Huyện ủy Đan Phượng tổ chức nghiên cứu, biên soạn và xuất bản cuốn sách **“Tập bài giảng lịch sử huyện Đan Phượng** (dành cho học sinh Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên)”.

Tập bài giảng được trình bày trên cơ sở bám sát nội dung cuốn “Lịch sử cách mạng huyện Đan Phượng (1930 - 2015)” với những kiến thức cơ bản về mảnh đất, con người, lịch sử truyền thống văn hóa, lịch sử cách mạng đáng tự hào của huyện Đan Phượng. Đây là tài liệu sử dụng để giảng dạy và học tập thống nhất trong tất cả các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trên địa bàn huyện.

Huyện ủy Đan Phượng trân trọng cảm ơn sự đóng góp trách nhiệm của các đồng chí nguyên lãnh đạo huyện qua các thời kỳ; các đồng chí thành viên Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc, Ban biên soạn, các thầy giáo, cô giáo và Nhân dân trên địa bàn huyện.

Trong quá trình biên soạn khó tránh khỏi những thiếu sót, rất mong tiếp tục nhận được ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên, các thầy giáo, cô giáo và Nhân dân để cuốn sách được hoàn thiện hơn và thực sự phát huy hiệu quả.

Trân trọng cảm ơn!

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý TRONG BIÊN SOẠN - GIẢNG DẠY LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG

Giao dục lịch sử địa phương trong nhà trường là một phần bổ trợ giúp giáo viên và các em học sinh hiểu biết sâu sắc hơn mối liên hệ giữa kiến thức lịch sử của đất nước với sự kiện lịch sử diễn ra ở quê hương, củng cố những kiến thức cơ bản về truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng, lịch sử về sự hình thành và phát triển, những đặc trưng văn hóa của địa phương. Từ đó góp phần hình thành tình yêu quê hương, đất nước và bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức tốt đẹp trong tư duy và hành động của học sinh. Vì vậy, cần lưu ý các nội dung sau:

- Các trường căn cứ vào chương trình lịch sử của sách giáo khoa, căn cứ vào quy định tiết học lịch sử địa phương của ngành giáo dục - đào tạo; nội dung các bài lịch sử của địa phương để soạn giáo án giảng dạy sao cho phù hợp với thực tế độ tuổi học sinh từng cấp.

- Khi biên soạn giáo án, các thầy cô giáo ở các cấp học cần chú ý đi sâu vào những nội dung, kiến thức đã biên soạn trong tập bài giảng nhưng phải gắn liền với tiến trình lịch sử chung của dân tộc để học sinh dễ hiểu, dễ nhớ và có giá trị giáo dục truyền thống, khích lệ tuổi trẻ học tập, rèn luyện và cống hiến.

- Kết hợp giảng dạy trên lớp với các hình thức như tham quan, thuyết minh thực tế tại nơi diễn ra sự kiện, nơi có di tích lịch sử; xem trên băng hình; nghe nhân chứng lịch sử nói chuyện; tổ chức thi hỏi đáp; thi kể chuyện lịch sử địa phương để làm phong phú chương trình giảng dạy và học tập.

- Để nội dung bài học đạt kết quả tốt, giáo viên cần gắn liền hệ thực tế với hoạt động giữ gìn bảo vệ di tích ở địa phương đối với các bài học về di tích lịch sử - văn hóa, di tích cách mạng có giá trị.

- Các thầy giáo, cô giáo cần đổi mới phương pháp dạy học truyền thống bằng cách tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong giờ học. Kết hợp với việc dạy học trải nghiệm, giáo viên nên gợi ý và hướng cho học sinh cách tự tra cứu trên mạng Internet thông tin về lịch sử của quê hương mình đang sinh sống nhằm phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin.

- Tăng cường khuyến khích sự sáng tạo trong sản phẩm học tập của học sinh như: làm phim, làm poster, làm sách giới thiệu lịch sử địa phương...

- Giáo viên dạy lịch sử ở các cấp học, các trường trên địa bàn cần đọc thêm sách: *Lịch sử cách mạng huyện Đan Phượng (1930 - 2015)*; *Đan Phượng - Di tích lịch sử văn hóa và cách mạng*; *Bác Hồ với Đan Phượng*; *Bác Hồ với Hà Tây...* để góp phần nâng cao chất lượng bài giảng và nhận thức của học sinh.

Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Văn hóa và Thông tin, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, phụ huynh học sinh cần có sự phối hợp chặt chẽ để chương trình giảng dạy, học tập lịch sử truyền thống huyện Đan Phượng đạt kết quả tốt.

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY ĐAN PHƯỢNG



Bản đồ hành chính huyện Đan Phượng

Bài mở đầu

KHÁI QUÁT VỀ HUYỆN ĐAN PHƯỢNG

I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH HUYỆN ĐAN PHƯỢNG

1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Huyện Đan Phượng nằm ở phía Tây Thành phố Hà Nội, cách trung tâm Thủ đô gần 20 km; phía Đông giáp quận Bắc Từ Liêm; phía Tây giáp huyện Phúc Thọ; phía Nam giáp huyện Hoài Đức; phía Bắc giáp huyện Mê Linh.

Huyện có diện tích tự nhiên 77,35 km², dân số 173.851 người (tính đến tháng 6/2019).



Sông Hồng chảy qua địa bàn huyện Đan Phượng

Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, khí hậu ở Đan Phượng được phân làm 4 mùa rõ rệt: xuân - hạ - thu - đông, với đặc trưng mưa nhiều vào mùa hạ, hanh khô về mùa đông. Nhiệt độ trung bình năm là 23°C, độ ẩm trung bình từ 80 - 85%/năm, lượng mưa trung bình từ 1.400 - 1.600 mm/năm.

Xưa kia, địa bàn huyện thuộc dải đất có sông Hồng, sông Nhuệ, sông Đáy chảy qua, địa hình tương đối bằng phẳng, chủ yếu là đất phù sa. Tuy nhiên, qua quá trình đắp đê chống lụt,

dòng sông biến đổi nhiều, dấu tích sông Nhuệ cổ trên đất Đan Phượng nay chỉ còn là một con ngòi chảy từ Hạ Mỗ xuôi về Tân Hội, Tân Lập... Đan Phượng có Quốc lộ 32, Tỉnh lộ 422, 417 chạy qua.

Với lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên như trên, Đan Phượng có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa với các vùng miền trong cả nước.

2. Lịch sử hình thành huyện Đan Phượng

Huyện Đan Phượng là vùng đất cổ, hình thành cách ngày nay khoảng 3.500 đến 4.000 năm. Tên gọi “Đan Phượng” có từ trước thời Trần (thế kỷ XII), có nghĩa là “chim phượng đỏ”. Thời thuộc Minh đổi là huyện Đan Sơn. Từ thời Lê Sơ đổi lại thành Đan Phượng và ổn định tên gọi cho đến nay.

Trải qua các thời kỳ lịch sử, địa giới hành chính của huyện có nhiều thay đổi.

Sau Cách mạng tháng Tám (1945), huyện Đan Phượng thuộc tỉnh Hà Đông.

Từ tháng 3/1947, các huyện Đan Phượng, Hoài Đức, Thanh Trì, Thanh Oai và thị xã Hà Đông được chuyển về Thành phố Hà Nội.

Từ tháng 3/1947 đến tháng 5/1948, huyện Đan Phượng được gộp vào liên quận huyện IV - Hoài Đức và Đan Phượng.

Từ tháng 5 đến tháng 10/1948, địa bàn huyện Đan Phượng thuộc huyện Liên Bắc, tỉnh Lưỡng Hà.

Từ tháng 10/1948 đến tháng 3/1954, địa bàn huyện Đan Phượng thuộc huyện Liên Bắc, tỉnh Hà Đông.

Tháng 4/1954, huyện Đan Phượng được tái lập và thuộc tỉnh Sơn Tây⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Sơn Tây là một tỉnh cũ của nước ta, được thành lập năm 1831 (dưới thời vua Minh Mạng), tồn tại đến năm 1965 thì giải thể. Tỉnh Sơn Tây gồm 5 phủ: Quốc Oai, Quảng Oai, Tam Đới, Đoan Hùng và Lâm Thao. Địa bàn huyện Đan Phượng lúc đó thuộc phủ Quốc Oai.

Tháng 8/1954, huyện Đan Phượng được chuyển về tỉnh Hà Đông.

Ngày 21/4/1965, tỉnh Hà Tây được thành lập trên cơ sở hợp nhất tỉnh Hà Đông và tỉnh Sơn Tây. Huyện Đan Phượng thuộc quyền quản lý của tỉnh Hà Tây.

Năm 1975, tỉnh Hòa Bình và tỉnh Hà Tây hợp nhất thành tỉnh Hà Sơn Bình. Huyện Đan Phượng trở thành một trong 24 đơn vị hành chính của tỉnh Hà Sơn Bình.

Từ ngày 29/12/1978 đến ngày 12/8/1991, huyện Đan Phượng được chuyển về thành phố Hà Nội.

Năm 1991, tỉnh Hòa Bình và tỉnh Hà Tây được tái lập trên cơ sở giải thể tỉnh Hà Sơn Bình. Theo đó, chuyển huyện Đan Phượng của Thành phố Hà Nội về tỉnh Hà Tây.

Đến ngày 01/8/2008, toàn bộ tỉnh Hà Tây được hợp nhất vào Hà Nội. Theo đó, huyện Đan Phượng thuộc Thành phố Hà Nội quản lý.

Hiện nay, huyện Đan Phượng ổn định với 1 thị trấn là thị trấn Phùng và 15 xã: Đan Phượng, Song Phượng, Đồng Tháp, Phương Đình, Thọ An, Thọ Xuân, Trung Châu, Thượng Mỗ, Hạ Mỗ, Hồng Hà, Liên Hồng, Liên Hà, Liên Trung, Tân Hội, Tân Lập.

II. KHÁI QUÁT VỀ TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA, LỊCH SỬ

1. Truyền thống văn hóa tốt đẹp

a) Các loại hình văn hóa dân gian

Nói đến những giá trị văn hóa tiêu biểu của vùng đất Đan Phượng không thể không nhắc tới các loại hình nghệ thuật văn hóa dân gian đặc sắc như: hát ca trù (xã Thượng Mỗ), hát chèo tàu (xã Tân Hội), hát chèo bè trên sông của dân chài Vạn Vỹ (xã Hồng Hà)...

Xã Thượng Mỗ tự hào là quê hương của nghệ thuật ca trù. Nơi đây còn lưu giữ một số di tích cổ thờ bà chúa ca trù, là bà Nguyễn Thị Hồng, người có công dạy hát ca trù cho 12 dòng họ ở Thượng Mỗ. Trải qua quá trình phát triển, ngày nay nghệ thuật hát ca trù trở thành một loại hình văn hóa phi vật thể có vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân Việt. Ngày 01/10/2010, nghệ thuật hát ca trù được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp.



Câu lạc bộ ca trù xã Thượng Mỗ được Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam công nhận là “Địa chỉ văn hóa dân gian”

Hát chèo tàu (tàu tượng) ở Tân Hội là một làn điệu dân ca nghi lễ đặc sắc, mô phỏng hình ảnh các bà, các chị chèo thuyền chở quân đi đánh giặc. Do đó nghệ thuật hát chèo tàu mang âm hưởng của truyền thống đánh giặc giữ nước. Trải qua thời gian, hát chèo tàu bị mai một nhiều, nay được hồi sinh trong lễ hội truyền thống ở Tân Hội, góp phần bảo tồn và phát triển giá trị văn hóa độc đáo của dân tộc.



Biểu diễn hát chèo tàu của học viên lớp hát chèo tàu (xã Tân Hội)

b) Di tích lịch sử - văn hóa

Đan Phượng còn là nơi có nhiều di tích lịch sử - văn hóa của quốc gia. Tính đến tháng 8/2020, trên địa bàn huyện có 155 di tích, trong đó có 1 di tích xếp hạng quốc gia đặc biệt, 37 di tích xếp hạng cấp quốc gia và 35 di tích xếp hạng cấp tỉnh, thành phố. Hệ thống di tích phân bố dày đặc và đa dạng về loại hình như: đình, đền, chùa, miếu, lăng mộ, nhà thờ họ, văn chỉ, các di tích cách mạng, kháng chiến. Mỗi di tích mang những giá trị về lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật...

Đình Đại Phùng là công trình văn hóa tiêu biểu, nổi tiếng của huyện, thuộc làng Đại Phùng, xã Đan Phượng. Đình được xây dựng cách ngày nay trên 300 năm, có giá trị lớn về lịch sử, văn hóa và nghệ thuật. Ngày 31/01/2019, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1954/QĐ-TTg xếp hạng đình Đại Phùng là Di tích quốc gia đặc biệt.

Ngoài đình Đại Phùng, Đan Phượng còn có nhiều Di tích lịch sử văn hóa đặc sắc khác như: chùa Đồi Hôi, đền Tam Phủ (xã Song Phượng), đình Đông Khê (xã Đan Phượng), đền Sông (xã Đồng Tháp), đền Văn Hiến (xã Hạ Mỗ), đình Bồng Lai (xã Hồng Hà), miếu Voi Phục, lăng Văn Sơn (xã Tân Hội), chùa Hạ Hội (xã Tân Lập), đình Trung Hà, đền Hai Bà Trưng (xã Trung Châu)...

Tại xã Hạ Mỗ còn có dấu tích thành cổ Ô Diên của Nhà nước Vạn Xuân (544 - 603).



Miếu Hàm Rồng (làng Hạ Mỗ, xã Hạ Mỗ) - chứng tích còn sót lại trên khu thành cổ Ô Diên, xưa là phủ đệ của Hoàng tử Lý Bát Lang

c) Lễ hội truyền thống

Đan Phượng nổi tiếng với những lễ hội truyền thống đặc sắc như: lễ hội vùng sông nước đặc trưng ở làng Vạn Vũ (xã Hồng Hà), hội thả diều ở làng Bá Dương (xã Hồng Hà), lễ hội đền Bà Sa Lãng (xã Liên Hà, Liên Trung), hội vật võ truyền thống ở xã Thọ An, Trung Châu, Thượng Mỗ, Hồng Hà...



Rước kiệu hội đền Bà Sa Lãng (xã Liên Hà)

d) Truyền thống lao động sản xuất

Nhân dân Đan Phượng vốn có truyền thống cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất. Xưa kia, ba con sông gồm sông Hồng, sông Đáy, sông Nhuệ chảy qua, mang theo phù sa tạo thành những cánh đồng màu mỡ, là điều kiện để Nhân dân phát triển các nghề trồng trọt, chăn nuôi. Người dân ven sông biết quăng chài, kéo lưới đánh bắt tôm, cá. Nghề dệt vải phát triển ở vùng Gối⁽¹⁾, dệt dũi ở vùng Dày⁽²⁾. Nghề rèn được du nhập vào Tân Hội từ thế kỷ XV và phát triển mạnh mẽ đến nửa sau

⁽¹⁾ Vùng Gối: Tân Hội, Tân Lập.

⁽²⁾ Vùng Dày: Liên Hà, Liên Trung, Liên Hồng.

thế kỷ XX. Đại Phùng có nghề dệt lụa vừa đẹp vừa bền. Hạ Mỗ có nghề thêu ren, trước đây nổi tiếng là trung tâm đào tạo thợ và truyền nghề trong huyện và cả nước.

e) Truyền thống hiếu học

Từ xa xưa, Đan Phượng nổi tiếng là vùng đất hiếu học. Theo cuốn “Khoa bảng Hà Tây”, Đan Phượng có tới 13 vị đỗ đại khoa - tiến sĩ trong các kỳ thi dưới các triều đại phong kiến.

Làng Vĩnh Kỳ (xã Tân Hội) có 4 người đỗ tiến sĩ, đó là ông Đỗ Bá Lược, ông Nguyễn Quang Hiến, ông Nguyễn Trọng Oánh, ông Nguyễn Nhân An. Ông Đỗ Bá Lược sinh năm 1436, thi đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (năm 1463), làm quan đến chức Chuyển vận sứ, Thừa chỉ Viện Hàn Lâm. Ông Nguyễn Quang Hiến sinh năm 1447, thi đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (năm 1475). Năm 1498, ông được vua tin tưởng cử đi sứ nhà Minh, sau đó được thăng làm quan Tả thị lang Bộ hình. Ông Nguyễn Trọng Oánh thi đỗ Hoàng giáp khoa thi Quý Mùi (năm 1523), làm tới chức Phủ doãn Phủ Phụng Thiên, được phong tước Bá. Ông nổi tiếng là người tài hoa, học rộng biết nhiều, nuôi dạy con cháu nghiêm khắc. Con ông Nguyễn Trọng Oánh là Nguyễn Nhân An thi đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (năm 1556), từng được cử đi sứ, làm quan đến Thị lang, tước Phúc Diễn hầu, được thăng đến chức Thượng thư.

Làng Đại Phùng (xã Đan Phượng) có gia đình họ Tạ Đăng 3 đời đậu tiến sĩ: ông Tạ Đăng Vọng, ông Tạ Đăng Huân, ông Tạ Đăng Đạo. Ông Tạ Đăng Vọng sinh năm 1644, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Tý (năm 1684), làm quan đến chức Giám sát Ngự sử. Con trưởng ông Tạ Đăng Vọng là Tạ Đăng Huân sinh năm 1672, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (năm 1700), đến năm 29 tuổi ông đỗ đầu kỳ thi Hương (Giải nguyên). Ông làm quan đến chức Lễ bộ Hữu thị lang kiêm Quốc Tử Giám tế tửu. Cháu nội ông Tạ Đăng Vọng, con trai thứ của ông Tạ Đăng Huân là Tạ Đăng Đạo sinh năm 1731, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (năm 1760).

Ông Đào Hoàng Thực sinh năm 1670, người làng Trúng Dích (xã Hạ Mỗ), thi đỗ Tiến sĩ khoa Đinh Sửu (năm 1697), làm quan đến chức Hình bộ Thượng thư, Binh bộ Thượng thư. Ông là người nổi tiếng trí tuệ uyên thâm, ngay thẳng, giỏi cả y khoa, địa lý, được nhà vua tin tưởng giao cho biên soạn sách y, xem đất, chọn đất đẹp, lập họa đồ. Cuối đời ông về quê dạy học, người theo học rất đông, con cháu của ông nhiều người cũng đỗ đạt cao.

Tên tuổi các vị tiến sĩ được ghi trên bia Văn Miếu ở Hà Nội.

Đặc biệt, tại đền Văn Hiến (xã Hạ Mỗ) còn lưu giữ được bộ mộc bản in sách “Cổ kim truyền lục” với trên 500 bài thơ, văn chia làm 4 tập “Nguyên - Hanh - Lợi - Trinh” do các nhà nho, nhà thơ của Hạ Mỗ sáng tác, xuất bản đầu thế kỷ XX. Bộ sách có nội dung phản ánh hiện thực cuộc sống và tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về mảnh đất và con người của quê hương Hạ Mỗ; đồng thời ca ngợi những vị anh hùng trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, khuyên dạy các thế hệ sau đoàn kết, giữ vững thuần phong mỹ tục của quê hương.



Bộ mộc bản sách “Cổ kim truyền lục” (đền Văn Hiến, xã Hạ Mỗ)

Đan Phượng là nơi sinh ra nhiều người con ưu tú làm rạng danh cho quê hương như: Thái úy Tô Hiến Thành (xã Hạ Mỗ), nhà thơ Quang Dũng (thôn Phượng Trì, xã Đan Phượng)⁽¹⁾, Nghệ sĩ Nhân dân Thương Huyền (xã Thượng Mỗ).

2. Truyền thống đấu tranh anh dũng chống quân xâm lược qua các thời kỳ lịch sử của Nhân dân Đan Phượng

Nhân dân Đan Phượng vốn có truyền thống yêu quê hương, đất nước. Mỗi khi đất nước bị xâm lược, quê hương bị giày xéo, người dân nơi đây lại cùng nhau đoàn kết, kiên cường đánh giặc bảo vệ sự bình yên của xóm làng.

a) Đấu tranh chống phong kiến phương Bắc⁽²⁾ xâm lược

Từ xa xưa, các triều đại phong kiến phương Bắc đã nhiều lần kéo quân sang xâm lược và đô hộ nước ta. Không cam chịu sự áp bức, bóc lột của bọn thống trị, Nhân dân Đan Phượng cùng Nhân dân cả nước liên tục nổi dậy, đánh đuổi quân đô hộ, mở đầu là cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng chống quân Đông Hán vào năm 40 thế kỷ thứ nhất. Trong đó, có Lôi Chấn (Kẻ Phùng), Hải Diệu (Kẻ Thón) tham gia cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng và lập được nhiều chiến công góp phần đánh đuổi giặc Đông Hán.

Thái úy Tô Hiến Thành làm quan dưới 3 triều vua nhà Lý: vua Lý Thần Tông (1128 - 1138), vua Lý Anh Tông (1138 - 1175), vua Lý Cao Tông (1175 - 1210); từng chỉ huy đánh tan giặc quấy rối phía Nam, mở mang bờ cõi dẹp yên bọn phỉ quấy nhiễu vùng biển và kinh lý⁽³⁾ biên giới phía Bắc, góp phần ngăn chặn ý đồ xâm lược của nhà Tống.

⁽¹⁾ Thực hiện Nghị định số 38/2002/NĐ-CP ngày 08/4/2002 của Chính phủ về việc mở rộng địa giới hành chính thị trấn Phùng, ngày 08/4/2002, toàn bộ diện tích đất tự nhiên và dân số của thôn Phượng Trì (xã Đan Phượng) được sáp nhập vào thị trấn Phùng.

⁽²⁾ Phong kiến phương Bắc là các triều đại phong kiến ở phía Bắc ngoài lãnh thổ nước ta (ở Trung Quốc ngày nay) như: nhà Hán, nhà Tống, nhà Mông - Nguyên, nhà Minh....

⁽³⁾ Kinh lý: xem xét, kiểm tra tình hình công việc dưới địa phương.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ ba, dưới sự chỉ huy của tướng quân Đinh Công Tuấn, Nhân dân vùng Gối và vùng Mỗ⁽¹⁾ đã dũng cảm đứng lên kháng chiến chống kẻ thù xâm lược. Truyền thuyết kể rằng: có lần đội dân binh của Đinh Công Tuấn đã tấn công tiêu diệt gọn một đoàn thuyền chiến của giặc đoạn cửa sông Nhuệ, khiến máu giặc nhuộm đỏ cả ruộng đồng các làng Thượng Mỗ, Hạ Mỗ ở hai bên cửa sông. Chiến công này còn lưu dấu trong các sắc phong tại đình làng Ngọc Kiệu và Hạ Hội (xã Tân Lập).

Đầu thế kỷ XV, giặc Minh kéo sang xâm lược nước ta. Nhân dân Đan Phượng cùng Nhân dân cả nước tiếp tục đứng lên kháng chiến chống kẻ thù xâm lược. Tại Tân Hội, tướng quân Văn Dĩ Thành cùng tướng Lê Ngộ chỉ huy một đội quân chiến đấu anh dũng, lập nhiều chiến công hiển hách, khiến quân xâm lược phải nhiều phen khiếp sợ. Nhân dân địa phương đã xây dựng lăng mộ để thờ phụng tướng quân Văn Dĩ Thành, đời đời ghi nhớ công đức của Ngài.



Miếu Voi Phục (xã Tân Hội)

⁽¹⁾ Vùng Mỗ trước đây gồm 2 xã Hồng Phong và Hồng Thái. Nay là địa bàn xã Thượng Mỗ và Hạ Mỗ.



Lãng Văn Sơn (xã Tân Hội)

b) Đấu tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược nước ta. Với truyền thống yêu nước nồng nàn, Nhân dân Đan Phượng đã đứng lên chiến đấu anh dũng. Nhiều người đã tham gia vào những trận đánh quan trọng và các phong trào yêu nước tiêu biểu.

Trận chiến đấu ngày 19/5/1883, ta giết được tên Đại tá Hangri Rivie và nhiều lính Pháp ở Cầu Giấy, trong đó có sự tham gia tích cực của Nhân dân Đan Phượng. Đầu tháng 9/1883, thực dân Pháp hành quân lên với ý đồ đánh chiếm Xứ Đoài (tỉnh Sơn Tây cũ). Khi chúng đến Phùng, Nhân dân Đan Phượng đã chiến đấu 3 ngày liên tục (từ 01 - 03/9), khiến giặc thất bại, buộc phải rút quân về Hà Nội.

Từ năm 1885 đến 1909, nhiều thanh niên yêu nước đã tham gia vào phong trào Cần Vương, khởi nghĩa Yên Thế, nghĩa quân của Đốc Ngũ, phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục.

Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám ở huyện Đan Phượng diễn ra từ ngày 19 - 25/8/1945. Từ huyện đến các xã đã xóa bỏ bộ máy tay sai do đế quốc, phong kiến lập ra, chính quyền cách mạng được thành lập. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám làm thay đổi thân phận người dân lao động từ nô lệ lầm than thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình.

Ngày 19/12/1946, kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ. Trong điều kiện vô cùng khó khăn, bị địch chiếm đóng, càn quét, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, quân và dân Đan Phượng anh dũng chống các đợt càn quét của địch làm nên chiến thắng chợ Gốc Ngô (xã Trung Châu); chiến thắng diệt bớt Thọ Lão (xã Thọ Xuân), Bồng Lai (xã Hồng Hà); chiến thắng “3 ngày 5 trận” ở Tân Hội, Tân Lập... góp phần vào thắng lợi vẻ vang của dân tộc.



Dân quân xã Liên Trì, xã Hạ Mỗ luyện tập quân sự sẵn sàng chiến đấu (năm 1949)

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đan Phượng là nơi khởi nguồn của phong trào phụ nữ “Ba đảm đang”. Từ Đan Phượng, phong trào phát triển thành một cao trào rộng lớn trong cả nước, động viên hàng triệu chị em tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần xứng đáng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc.

Những năm đế quốc Mỹ ném bom bắn phá miền Bắc, toàn huyện xây dựng 10 trận địa súng máy cao xạ, tổ chức nhiều trận bắn trả máy bay Mỹ. Tiêu biểu là trận chiến bảo vệ đập Đá, ngày 28/4/1967 của 9 chiến sĩ⁽¹⁾ dân quân. 9 đồng chí độ tuổi

⁽¹⁾ Tạ Văn Đánh, Tạ Văn Giáp, Nguyễn Văn Cảnh, Nguyễn Văn Sen, Trần Văn Ghi, Tạ Thị Gái, Ngô Thị Lâm, Quách Thị Hợi, Bùi Thị Lầu.

từ 17 đến 32 đã anh dũng hy sinh và được truy tặng Huân chương Chiến công, Huy hiệu Chiến thắng “5-8”⁽¹⁾ và danh hiệu “Dũng sĩ đập Phùng”.



Trung đội súng máy 14,5mm xã Đan Phượng tham gia chiến đấu bảo vệ đập Phùng tại trận địa dốc Dầm (năm 1969)



Trung đội súng máy 12,7mm huyện Đan Phượng tham gia chiến đấu bảo vệ Cầu Giẽ, huyện Phú Xuyên (năm 1971)

⁽¹⁾ Huy hiệu Chiến thắng “5-8” là Huy hiệu danh giá của Bộ Quốc phòng tặng cho những người đã tham gia các trận chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân Mỹ ở miền Bắc nước ta.



*Thanh niên huyện Đan Phượng hăng hái lên đường nhập ngũ
tham gia chiến đấu chống Mỹ, cứu nước*

*c) Đấu tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam (1978) và
biên giới phía Bắc (1979)*

Ngày 22/12/1978, tập đoàn Pôn Pốt (ở Campuchia) huy động lực lượng lớn quân sự tiến đánh Tây Ninh, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lấn biên giới Tây Nam nước ta. Quân đội Việt Nam đã tổ chức chống trả quyết liệt, đẩy lùi quân xâm lược Pôn Pốt khỏi nước ta. Đến ngày 17/2/1979, Trung Quốc mở cuộc tấn công biên giới phía Bắc nước ta từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu). Để bảo vệ lãnh thổ Tổ quốc, quân dân ta anh dũng đứng lên chiến đấu buộc Trung Quốc phải rút quân về nước.

Trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam và phía Bắc, con em quê hương Đan Phượng hăng hái lên đường tham gia chiến đấu bảo vệ biên cương của Tổ quốc và thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả. Đã có hàng nghìn người tham gia lực lượng dân quân, dân công hỏa tuyến, tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu trên các chiến trường. Trong chiến đấu, có nhiều đồng chí đã anh dũng hy sinh và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được Nhà nước tặng nhiều phần thưởng cao quý.

Với những thành tích xuất sắc trong các cuộc kháng chiến, ngày 08/11/2000, Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đan Phượng vinh dự được Chủ tịch nước tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Các xã được tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân như: Song Phượng (năm 1999), Tân Hội (năm 2000), Tân Lập (năm 2005). Nhiều cá nhân được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân như: chị Hoàng Thị Lê (xã Liên Hồng), anh Phan Xích (xã Tân Hội), anh Lê Thao (xã Hạ Mỗ), anh Hoàng Hữu Chuyên (xã Liên Trung).

Bài học:

Huyện Đan Phượng nằm ở phía Tây Thành phố Hà Nội, có sông Hồng, sông Đáy và sông Nhuệ cổ chảy qua.

Đan Phượng là vùng đất có bề dày truyền thống văn hóa, là quê hương của nghệ thuật hát ca trù, hát chèo tàu, hát chèo bè và nhiều di tích lịch sử - văn hóa có giá trị.

Là vùng đất hiếu học, sản sinh ra nhiều người con ưu tú của quê hương, đất nước.

Nhân dân Đan Phượng có truyền thống yêu nước nồng nàn; nhiều tập thể, cá nhân có đóng góp lớn trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược và được Nhà nước tặng nhiều phần thưởng cao quý.

CÂU HỎI:

1. Quan sát bản đồ hành chính huyện Đan Phượng, hãy cho biết về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên của huyện?
2. Đan Phượng là quê hương của những loại hình nghệ thuật văn hóa dân gian nào?
3. Hãy kể tên các đình, đền, chùa tại nơi em sinh sống.
4. Hãy kể tên những vị tiến sĩ dưới thời phong kiến của quê hương Đan Phượng.
5. Em hãy nêu khái quát về truyền thống đấu tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của Nhân dân Đan Phượng.

PHẦN I

BÀI GIẢNG DÀNH CHO

HỌC SINH TIỂU HỌC

Bài 1 (Lớp 4)

THÁI ÚY TÔ HIẾN THÀNH (1 tiết)

I. Thân thế và sự nghiệp của Thái úy Tô Hiến Thành

Thái úy Tô Hiến Thành (1102 - 1179), hiệu là Phi Diên và Đại Liêu, quê quán tại xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng. Ông là con của Phủ doãn Tràng An Tô Trung và bà Nguyễn Thị Doan.

Tô Hiến Thành làm quan dưới ba triều vua: vua Lý Thần Tông (1128 - 1138), vua Lý Anh Tông (1138 - 1175) và vua Lý Cao Tông (1175 - 1210). Năm 1138, nhân có khoa thi ông xin nhà vua ra ứng thi và đỗ Thái học sinh⁽¹⁾. Là người có tài lại ngay thẳng, chính trực nên ông được các vua nhà Lý rất mực tin yêu, trọng dụng, giao cho nhiều chức vụ quan trọng.

Trong thời gian làm quan dưới triều Lý, ông có công lớn trong việc dẹp trừ nội phản⁽²⁾ và ngoại xâm.

Sử sách chép rằng, năm 1140, Thân Lợi tự xưng là con trai Lý Nhân Tông, nổi loạn chống lại vua Lý Anh Tông. Tháng 10/1141, triều đình cử Đỗ Anh Vũ đem quân đi dẹp loạn, bắt được hơn 2.000 người, còn Thân Lợi bỏ quân lính chạy trốn sang Châu Lạng. Bấy giờ, Tô Hiến Thành giữ chức Thái phó⁽³⁾ đã cầm quân đuổi theo và bắt được Thân Lợi giải về kinh thành.

Đến tháng 5/1159, người Ngưu Hống⁽⁴⁾ và Ai Lao (Lào) vào cướp phá biên giới phía Tây nước ta. Đầu năm 1161, Tô Hiến Thành được nhà vua tin tưởng giao nhiệm vụ cầm quân đi dẹp loạn. Đội quân của ông nhanh chóng đẩy lùi cuộc xâm lấn của người Ngưu Hống và Ai Lao, bắt được người, ngựa, trâu, voi và vô số vàng bạc châu báu. Sau đó, ông được vua Lý Anh Tông

⁽¹⁾ Thái học sinh tương đương với học vị Tiến sĩ dưới thời Trần, Hồ.

⁽²⁾ Chỉ những thế lực xuất thân trong nước nổi dậy chống lại triều đình phong kiến.

⁽³⁾ Một trong những chức quan cao và quan trọng thời nhà Lý.

⁽⁴⁾ Ngưu Hống là bộ tộc người Thái Đen định cư trên địa bàn vùng Tây Bắc Việt Nam.

phong làm Thái úy⁽¹⁾. Đến tháng 11/1161, Tô Hiến Thành được phong làm Đô tướng, đem hai vạn quân đi tuần các nơi ven biển Tây Nam. Năm 1175, ông tiếp tục được vua Lý Anh Tông phong làm Tể tướng, chức quan đứng đầu triều đình.

Tô Hiến Thành còn có công trong việc phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, mở mang đất đai. Ông là người chiêu mộ dân khai hoang, lấn biển ở các vùng ven biển tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Thanh Hóa. Năm 1156, Tô Hiến Thành xin lập miếu riêng để thờ Khổng Tử.



Tô Hiến Thành có công lớn trong việc dẹp trừ nội phản và ngoại xâm

II. Sự chính trực của Thái úy Tô Hiến Thành

Không chỉ là một vị đại thần tài giỏi, ông còn nổi tiếng là người khảng khái, chính trực, liêm khiết.

Chuyện kể rằng, năm 1175, vua Lý Anh Tông qua đời, để lại di chiếu cho Tô Hiến Thành phò tá Thái tử Long Cán lên ngôi báu,

⁽¹⁾ Chức quan cao nhất thời Lý - Trần.

đồng thời nắm quyền nhiếp chính⁽¹⁾. Chiêu Linh Thái hậu - mẹ của Long Xưởng đem vàng bạc đúc lốt cho vợ Tô Hiến Thành để mong ông giả di chiếu phế Long Cán và tái lập Long Xưởng lên ngôi. Ông biết chuyện bèn nói: *"Ta là đại thần nhận mệnh tiên đế lo giúp vua còn bé nay lại ăn của đúc lốt mà làm chuyện phế lập thì còn mặt mũi nào mà trông tiên đế ở dưới suối vàng"*. Biết Tô Hiến Thành từ chối, Thái hậu lại cho gọi ông vào cung để thuyết phục, nhưng ông kiên quyết không nghe theo. Ông nói: *"Làm việc bất nghĩa mà được giàu sang, kẻ trung thần nghĩa sĩ không dám, huống chi lời tiên đế còn văng vẳng bên tai... thần không dám vâng mệnh"*. Cuối cùng, Thái tử Long Cán vẫn được lập làm vua, đó là vua Lý Cao Tông lên ngôi khi mới 3 tuổi. Tô Hiến Thành đã trực tiếp giúp vua Lý Cao Tông trị vì điều hành đất nước về các mặt chính trị, kinh tế, quân sự và văn hóa khi còn trẻ.



Tô Hiến Thành là người chính trực, kiên quyết không nhận của đúc lốt để phò tá Thái tử Long Cán lên ngôi

⁽¹⁾ Người cầm quyền thay vua trị vì đất nước khi vua còn nhỏ hoặc vua đi vắng.



Tô Hiến Thành quyết tiến cử người có thực tài thay mình giúp nhà vua, mà không cử người hầu cận bên mình

Đến năm 1179, khi vua Lý Cao Tông lên 6 tuổi, Tô Hiến Thành lâm bệnh nặng. Thái hậu đến thăm, hỏi rằng: “Nếu có mệnh hệ nào thì ai là người có thể thay ông?”. Ông nói: “Nếu Thái hậu hỏi người hầu hạ giỏi thì thần xin cử Vũ Tán Đường (người hầu cận bên mình), còn hỏi người tài ba giúp nước, thì thần xin cử Trần Trung Tá”.

Sau khi ông mất, để tỏ lòng thương tiếc, vua Lý Cao Tông đã cho làm Quốc tang, ăn chay ba ngày, nghỉ thiết triều 6 ngày để cả nước chịu tang ông. Vì mến mộ tài năng và đức độ của ông, Nhân dân nhiều nơi như: Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hải Dương, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An đã lập đền thờ để ghi nhớ công ơn của ông đối với đất nước. Tại quê hương Hạ Mỗ, ông được Nhân dân thờ phụng tại đền Văn Hiến. Văn bia ở Văn Hiến đường ca ngợi rằng: “Công trạng của Ngài còn mãi với đất nước, ân trạch của Ngài còn mãi với xóm thôn, anh linh của Ngài còn mãi trong trời đất”.

Tháng 11/1991, đền Văn Hiến được Bộ Văn hóa - Thông tin và Thể thao (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.



Toàn cảnh đền Văn Hiến tại xã Hạ Mỗ



Lăng mộ danh nhân Tô Hiến Thành tại đền Văn Hiến



Tượng danh nhân Tô Hiến Thành tại đền Văn Hiến

Bài học:

Thái úy Tô Hiến Thành (1102 - 1179) quê quán tại xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng.

Ông làm quan dưới ba triều vua nhà Lý (vua Lý Thần Tông, vua Lý Anh Tông và vua Lý Cao Tông), được phong tới chức Tể tướng, Thái úy. Ông có công trong việc dẹp trừ ngoại xâm và nội phản, phò tá Thái tử Long Cán lên ngôi vua.

Ông được thờ tại đền Văn Hiến (xã Hạ Mỗ).

CÂU HỎI:

1. Hãy nêu vài nét về thân thế của Thái úy Tô Hiến Thành.
2. Thái úy Tô Hiến Thành đã có những đóng góp gì trong việc dẹp tan giặc ngoại xâm và nội phản?
3. Sự khảng khái và chính trực của Thái úy Tô Hiến Thành được thể hiện như thế nào?

Bài 2 (Lớp 5)

BÁC HỒ VỀ THĂM ĐAN PHƯỢNG⁽¹⁾ (1 tiết)

Quê hương Đan Phượng là một trong những địa phương vinh dự được nhiều lần đón Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm và làm việc. Đến đâu Người cũng động viên tinh thần thi đua yêu nước, lao động sản xuất, chiến đấu anh dũng của quân và dân huyện Đan Phượng bằng tình cảm chân thành nhất.

Lần thứ nhất, chiều ngày 21/8/1959, Bác Hồ về thăm đê Liên Trì, xã Liên Trung

Lúc ấy khoảng 3 giờ chiều ngày 21/8/1959. Mọi người nhìn thấy từ trên xe ô tô bước xuống một cụ già quần áo nâu giản dị, chân đi dép cao su, cùng với một số đồng chí khác xuống quan sát quãng đê bị rò rỉ nhiều nhất. Người cởi dép, xắn quần bước xuống xem xét trực tiếp. Bác chỉ tay vào trong xóm và nói với các đồng chí cán bộ cùng đi: “Cần phải chuyển ngay số gia đình ở đây đến chỗ an toàn”. Rồi Bác bước vào trong sân nhà bà Tốn, xem công việc di chuyển đồ đạc, hỏi thăm đời sống và động viên gia đình yên tâm sản xuất.

Tin Bác về thăm đã lan rộng khắp, làm náo nức lòng người. Trên quãng đê ngắn, người tụ tập mỗi lúc một đông, ai cũng muốn tận mắt nhìn thấy Bác, được nghe Bác nói rõ hơn. Bác đứng trên mặt đê nói chuyện thân mật với mọi người. Bác động viên Nhân dân tích cực đắp đê, nhắc mọi người phải thấy việc chống lũ lụt cấp bách như chống giặc, phải kiên quyết giữ vững đê, bảo vệ tính mạng, tài sản của Nhân dân, bảo vệ sản xuất. Đặc biệt, Bác nhắc nhở mọi người phải giữ gìn vệ sinh chung, nhất là cho các cháu nhỏ để phòng bệnh tật trong mùa mưa lũ có thể xảy ra.

Đáp lại lời Bác, mọi người đồng thanh trả lời: “Thưa Bác, vâng ạ!”.

Bác lên xe vẫy tay chào tạm biệt mọi người, để lại trong lòng Nhân dân Liên Trung bao niềm xúc động, với hình ảnh gần gũi, thân thương, triu mến.

⁽¹⁾ Nội dung bài giảng biên soạn theo cuốn “Bác về Đan Phượng”, xuất bản năm 1983.

Lần thứ hai, ngày 25/11/1961, Bác Hồ về thăm Nhân dân xã Song Phượng



Bác Hồ thăm bà con xã viên Hợp tác xã số 2, thôn Thấp Thượng, xã Song Phượng, ngày 25/11/1961

Ngày 25/11/1961, mọi người ra đồng gặt lúa từ sáng sớm. Trên đường liên tỉnh 11A (nay là Quốc lộ 32), một đoàn xe con đang chạy từ hướng Hà Nội lên. Khi tới ngang khu ruộng Cổ Ngựa, chỗ bà con đang gặt lúa, đoàn xe từ từ dừng lại. Một cụ già và mấy người nữa từ xe bước xuống tiến về cánh đồng. Bỗng cô Nhàn và ông Vượng reo lên: “Bác Hồ! Bác Hồ!”. “Bác Hồ thật rồi! Bà con ơi!”.

Sau đó, nhiều người cùng đồng thanh reo to “Hoan hô! Bác Hồ về!”. Những người gặt lúa ở cách đó mấy thửa ruộng vừa chạy vừa vỗ tay reo hò vui sướng.

Bác vẫy tay và bảo mọi người cứ tiếp tục làm việc. Bác bước xuống ruộng, nâng niu những bông lúa chín vàng và thân mật hỏi chuyện bà con:

- Đây là hợp tác xã gì?

Một người nhanh nhẩu đáp.

- Thưa Bác, đây là Hợp tác xã số 2 thôn Thấp Thượng, xã Song Phượng ạ.

Bác hỏi thăm về năng suất lúa. Anh Thân đưa tay gãi gãi đầu trả lời:

- Thưa Bác, mỗi sào được khoảng 4 đến 5 nôi mà mỗi nôi khoảng 20 cân ạ.

Bác nhẩm tính rồi nói: “Mỗi sào được 80 đến 100 cân, như thế năng suất còn thấp. Phải cố gắng đưa năng suất lên cao hơn”.

Với ánh mắt ân cần, trù mẫm, Người căn dặn: “Hôm nay, Bác về thăm lúa Song Phượng, Bác thấy lúa tốt, Bác mừng. Nên tranh thủ những ngày nắng ráo, gặt nhanh, gặt tốt, chớ để vương vãi vì một hạt thóc là một hạt vàng...”.

Bác ngừng lại một lát, nhìn bà con khắp lượt và nói tiếp: “Nên ăn thêm ngô, khoai, sắn như các cơ quan và bộ đội đã làm. Như thế là đã ăn no lại tiết kiệm được thóc gạo...”.

Trước khi lên xe, Người còn dặn thêm là bà con phải làm bù năng suất cho khoảng thời gian gặp Bác. Khi đoàn xe từ từ chuyển bánh, những tiếng hô “Bác Hồ muôn năm” vang lên theo đoàn xe chạy.

Lần thứ ba, ngày 22/5/1962, Bác Hồ về thăm Nhân dân xã Tân Lập

Khoảng 7 giờ sáng ngày 22/5/1962, cụ Nhiếp nghỉ tay gàu tát nước, ngược nhìn phía đường liên tỉnh 11A thấy có mấy chiếc ô tô dừng lại. Cụ đã nhận ra Bác Hồ, cụ luống cuống bước lên bờ và lúng túng chào Bác: “Thưa cụ Hồ! Kính thưa Bác!”. Bác hỏi chuyện về gia đình cụ Nhiếp và khen cụ đã già mà còn chăm chỉ lao động.

Bác chỉ tay lên đường dây điện cao thế, công trường Thú y, doanh trại bộ đội phía Lai Xá, hỏi mọi người có biết đường dây điện công trường, nhà máy, ai làm nên không. Nhiều người thưa với Bác:

- Thưa Bác, Đảng và Bác làm nên ạ.

- Chưa đúng. Bác nói.



*Bác Hồ về thăm Tân Lập tại cánh đồng Cừ, thôn Hạnh Đàn,
ngày 22/5/1962*

Mọi người tranh nhau thưa với Bác. Ai cũng muốn thưa thật to để Bác nghe được tiếng nói của mình. Bác nói:

- Các cụ, các cô, các chú sản xuất ra thóc để ăn, thừa bán cho Nhà nước để nuôi anh em công nhân xây dựng nên công trường, nhà máy, đường dây điện và nuôi anh em bộ đội.

Bác trùu mền nhìn mọi người, tiếp tục căn dặn:

- Các cô, các chú phải cố gắng sản xuất cho thật tốt, chia nhau cho công bằng, cán bộ phải quan tâm đến đời sống của Nhân dân. Bác nói chuyện đã 15 phút rồi. Bây giờ các cô, các chú phải bù vào thời gian nghe Bác nói chuyện. Có làm được không?

Mọi người cùng thưa: “Thưa Bác, làm được ạ”.

Chiếc xe đã đưa Bác đi xa mà tiếng hoan hô “Bác Hồ muôn năm” của bà con còn vang vọng trên khắp cánh đồng.

Lần thứ tư, ngày 17/7/1962, Bác Hồ về làm việc tại đập Đáy và thăm trạm bơm Đan Hoài

Bác về đập Đáy

Rạng sáng ngày 17/7/1962, khi anh em công nhân đang say sưa làm việc trên công trường đập Đáy thì Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm. Bác đến thăm nhà quản lý trước, sau đó đi qua đập Đáy, theo triền đê lên tận công trường đập tràn (cách đập Đáy 1.000 m) rồi trở lại nhà quản lý. Đi cùng với Bác có các đồng chí: Kiều Chí Trung - Trưởng ban quản lý đập Đáy kiêm Trưởng ban chỉ huy công trường đập tràn, Trần Quý Kiên - Thứ trưởng Bộ Thủy lợi, Dương Bạch Liên - Thứ trưởng Bộ Giao thông, Trịnh Duy Đoan - Thường vụ Tỉnh ủy, Đặng Đình Thành - Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Hà Đông, Phạm Văn Tá - Trưởng Ty Thủy lợi Hà Đông.



Bác Hồ về thăm công trường đập Đáy, năm 1962

Tại điểm canh đê cạnh nhà quản lý, đồng chí đại diện Bộ Thủy lợi báo cáo về phương án phòng chống lụt bão năm 1962 của đập Đáy và việc đang làm trên công trường đập tràn. Nghe xong Bác nói:

- Công việc còn nhiều như vậy, chống lụt đến nay gấp rút, thiên nhiên nó không chờ các chú làm xong mới lụt đâu.

Bác niềm nở nhìn mọi người và hỏi:

- Dân công ai cấp?
- Báo cáo Bác, tỉnh Hà Đông ạ. Đồng chí Thành thưa.
- Hà Đông có bao nhiêu dân công?
- Báo cáo Bác, có 25.000 người ạ.
- Cấp cho ở đây 5.000 người có được không?
- Thưa Bác, được ạ.
- Thế đá ai cấp?

Một đồng chí khác thưa:

- Báo cáo Bác, Sơn Tây ạ.
- Trong 5 ngày có đá cấp đủ không?
- Thưa Bác, có đủ ạ.

Sau khi giao nhiệm vụ cho các đơn vị, Bác hỏi mọi người:

- Công việc bàn cụ thể rồi, các chú định làm mấy ngày nữa thì xong?

- Báo cáo Bác 7 ngày xong ạ. Đồng chí Thành thưa.
- Bác cho 8 ngày, nếu 8 ngày không xong thì xấu hổ.

Mọi người cười vui vẻ, cuộc họp kết thúc khoảng 11 giờ 30 phút. Bác ra xe, tiếng hô “Hồ Chủ tịch muôn năm!” của dân công, Nhân dân vang lên cho đến khi Bác rời khỏi đập Đáy.

Bác thăm trạm bơm Đan Hoài

Rời đập Đáy, Bác về thăm trạm bơm Đan Hoài tại xã Liên Trung - một trong những công trình trung thủy nông lớn vào hạng nhất của tỉnh Hà Đông lúc bấy giờ.

Khi đoàn xe vừa dừng bánh, Bác nhanh nhẹn đi thẳng vào phòng ở của anh em công nhân. Bác ôn tồn hỏi:

- Các chú ở đây làm gì?

- Thưa Bác, chúng cháu là công nhân ạ.

Bác vỗ vai đồng chí công nhân đứng gần đó, Bác nói:

- Chỗ ở của các chú thế này là sang lắm rồi.

Anh em chưa kịp thưa gì thêm, Bác đã bước sang phòng bên rồi xuống nhà ăn. Gặp cô cấp dưỡng, Bác ân cần hỏi chuyện về hoàn cảnh gia đình, con cái và mức lương thu nhập hằng tháng của cô. Qua sân nhà trạm bơm, thấy giữa sân có 2 vòng sắt to được tận dụng là bồn trồng hoa. Bác nói:

- Trồng cả ớt lẫn hoa, trồng ớt vừa đẹp lại vừa có ớt ăn.

Tin Bác Hồ về lan truyền rất nhanh, nhiều bà con đang cày bừa, nhổ mạ, làm mùa dưới đồng cũng chạy về trạm đón chào Người. Bác vẫy tay chào mọi người, nhắc nhở sản xuất tốt và phải thực hành tiết kiệm.

Thời gian Bác Hồ đến thăm tuy ngắn nhưng tình cảm ấm áp, chan hòa của Người là nguồn động viên cho cán bộ, công nhân viên của trạm bơm hăng hái thi đua lao động, hoàn thành nhiệm vụ được giao.



Ngày 17/7/1962, Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm, kiểm tra tình hình xây dựng trạm bơm Đan Hoài, xã Liên Trung

Lần thứ năm, ngày 26/8/1965, Bác Hồ về thăm và động viên cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn tên lửa 61, thuộc Trung đoàn 236 (đoàn Sông Đà) đóng tại xã Song Phượng, lập thành tích trận đầu ra quân bắn rơi máy bay Mỹ đêm 11/8/1965

Buổi chiều, Bác cùng đồng chí Văn Tiến Dũng (Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam) và Đại tá Phùng Thế Tài (Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân) bất ngờ đến thăm. Trong bộ quần áo nâu giản dị, chân đi dép cao su, Bác tiến vào các nhà bạt, nơi các anh em chiến sĩ ngủ nghỉ. Thấy một nhà bạt không được nguy trang kín đáo, Bác nhắc nhở: *"Tàu bay Mỹ trên trời, nhưng nó tinh mắt lắm đấy!"*. Sau đó, Bác khen ngợi bộ đội tên lửa đã lập nhiều chiến công trong thời gian qua. Bác căn dặn: *"Không được chủ quan thỏa mãn, phải ra sức học tập rút kinh nghiệm nhiều hơn nữa, làm chủ khoa học kỹ thuật để trận sau thắng lớn hơn trận trước, làm sao bắn rơi nhiều máy bay mà tốn ít đạn..."*.



Bác Hồ thăm Tiểu đoàn tên lửa 61, thuộc Trung đoàn 236, Quân chủng Phòng không - Không quân đóng tại địa bàn xã Song Phượng, ngày 26/8/1965

Như vậy, từ năm 1959 đến năm 1965, Nhân dân Đan Phượng vinh dự được 5 lần đón Bác về thăm (với 6 địa điểm). Dấu chân Bác có mặt ở mọi nơi, trên cánh đồng Người xấn cao quần thăm lúa cùng bà con, trên mặt đê nước lũ tràn nguy hiểm hay trên công trường, Người hòa mình với sự hối hả lao động của anh em công nhân... Mỗi nơi Bác đến với lời thăm hỏi, động viên đều để lại tình cảm thiêng liêng, trân trọng trong mỗi người dân Đan Phượng.

Bài học:

Bác Hồ đã 5 lần về thăm Đan Phượng:

Lần thứ nhất, ngày 21/8/1959, Bác về thăm đê Liên Trì, xã Liên Trung;

Lần thứ hai, ngày 25/11/1961, Bác về thăm Nhân dân xã Song Phượng;

Lần thứ ba, ngày 22/5/1962, Bác về thăm Nhân dân xã Tân Lập;

Lần thứ tư, ngày 17/7/1962, Bác về làm việc tại đập Đáy và thăm trạm bơm Đan Hoài;

Lần thứ năm, ngày 26/8/1965, Bác về thăm Tiểu đoàn tên lửa 61, thuộc Trung đoàn 236 (đoàn Sông Đà) đóng tại xã Song Phượng.

CÂU HỎI:

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm và làm việc với cán bộ và Nhân dân Đan Phượng bao nhiêu lần?

2. Hãy kể tóm tắt bất kỳ một chuyến về thăm Đan Phượng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

3. Qua những lời thăm hỏi, động viên, căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh với cán bộ, chiến sĩ, Nhân dân Đan Phượng, em có cảm nhận gì về Người?

PHẦN II

BÀI GIẢNG DÀNH CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

Bài 1 (Lớp 6)

CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ TIÊU BIỂU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN (2 tiết)

Đan Phượng là vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa góp phần làm phong phú nền văn hóa Thăng Long - Hà Nội. Đặc biệt, Đan Phượng có hệ thống di tích dày đặc và đa dạng, nhiều di tích có giá trị cao về lịch sử, kiến trúc, văn hóa. Có thể kể đến một số kiến trúc tiêu biểu như: chùa Đôi Hôi, đền Sông, đình Đại Phùng, đền Bà Sa Lãng...

TIẾT 1: TÌM HIỂU VỀ DI TÍCH CHÙA ĐÔI HÔI VÀ ĐỀN SÔNG

I. CHÙA ĐÔI HÔI



Tam quan chùa Đôi Hôi (xã Song Phượng)

1. Vị trí và nguồn gốc tên gọi

Chùa Đôi Hôi còn có tên gọi khác là chùa Đình Giá hay chùa Thu Quế, nằm sát bờ đê sông Đáy, trên khu đất rộng, cao ráo, quay hướng chính Tây, thuộc thôn Thu Quế, xã Song Phượng.

Tương truyền, một lần vua Trần đi kinh lý xung quanh thành Thăng Long, khi đến khúc sông làng Thu Quế, thuyền ngự

bất ngờ gặp dòng nước xoáy, cứ quanh quẩn một chỗ. Nhà vua sai người bơi vào bờ xem xét thì thấy có một ngôi đền đã bị bỏ hoang từ lâu. Vua truyền cho người sửa lễ, vào đền dâng hương. Lễ xong thuyền đi được tốt lành. Sau khi trở về kinh đô, vua truyền lệnh cho dân ở đây dựng chùa, tu sửa ngôi đền và đặt tên chùa là “Đôi Hôi tự”, nơi thuyền dừng lại gọi là Đình Giá Xứ hay “Đình Giá” (tức đền Tam Phủ). Như vậy, chùa được xây dựng dưới thời nhà Trần.

2. Kiến trúc

Theo chứng tích ghi trong bia đá và lời kể của các cụ cao niên, chùa xưa kia bề thế gồm: tam quan gác chuông, tiền đường, thượng điện... Song trải qua nhiều năm tháng, quy mô của chùa đã đổi thay, chỉ còn lại tiền đường⁽¹⁾ và tòa thượng điện⁽²⁾. Qua quá trình trùng tu, tôn tạo, hiện nay, chùa gồm các hạng mục như: cổng chùa, nhà khách, tiền đường, thượng điện, gác chuông.



Tòa Thượng điện chùa Đôi Hôi (xã Song Phượng)

⁽¹⁾ Tiền đường: là nơi các Phật tử tụng kinh.

⁽²⁾ Thượng điện: hay còn gọi là chính điện, là lớp kiến trúc tiếp theo sau tòa tiền đường. Đây là nơi đặt các ban thờ Phật và là công trình chính, quan trọng nhất của chùa.

Chùa có kiến trúc kiểu chữ Công (工), mái lợp ngói ta. Tiền đường có 3 gian, 2 chái⁽¹⁾, xây gạch, lợp ngói với 4 hàng cột chắc chắn và 5 bộ cửa kiểu bức bàn. Gian giữa có chiều rộng 3,36 m, hai gian bên mỗi gian rộng 2,96 m, gian chái rộng 2,8 m. Tòa thượng điện có 3 gian, bên trong xây các bệ thờ đặt tượng Phật và các đồ tế khí. Chùa có 76 pho tượng Phật bằng gỗ, đất và nhiều cổ vật có giá trị như: 1 chuông đồng thời Tây Sơn, 1 chiếc khánh thời Nguyễn, 3 bát hương xứ men, đài nến, chuông đồng, khánh đồng, 7 lệnh chỉ⁽²⁾ của chúa Trịnh... Đặc biệt chùa còn giữ được 4 tấm bia đá. Tấm bia có niên đại sớm nhất là bia "Trùng tu Đình Giá tự" dựng năm Mậu Tý, niên hiệu Hưng Trị đời vua Mạc Mậu Hợp (1588).

3. Giá trị lịch sử

Chùa còn được biết đến là địa chỉ liên quan tới phong trào cách mạng thời kỳ tiền khởi nghĩa, là đầu mối liên lạc và hoạt động bí mật của cán bộ Việt Minh.

Trước năm 1945, chùa là địa điểm hoạt động bí mật của các đồng chí cán bộ lãnh đạo Tổng bộ Việt Minh, Xứ ủy Bắc Kỳ, Cơ quan báo Cứu quốc và là nơi cất giấu vũ khí, hộp bàn kế hoạch khởi nghĩa vào đêm 17/8/1945. Chùa là địa điểm phát hành số báo Cứu quốc của Tổng bộ Việt Minh đăng lệnh Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, phát hành ngày 17/8/1945, kịp thời động viên Nhân dân cả nước đứng lên phá tan xiềng xích nô lệ, giành chính quyền về tay Nhân dân.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, chùa Đồi Hối là địa điểm hoạt động bí mật của cán bộ lãnh đạo phong trào kháng chiến ở địa phương. Dưới tòa thượng điện là căn hầm bí mật che giấu cán bộ. Hiện nay, căn hầm đã được san lấp và lát gạch để phục vụ nhu cầu tín ngưỡng của Nhân dân.

⁽¹⁾ 3 gian, 2 chái: là kiểu kiến trúc truyền thống của người Việt, với nhà gian, gian chính ở giữa lớn nhất, hai bên đầu hồi được xây kín gọi là chái.

⁽²⁾ Lệnh chỉ: là một loại văn bản hành chính dưới thời Lê - Trịnh do vua chúa ban ra để yêu cầu thi hành một luật lệnh nào đó của triều đình.

Với những giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, năm 1990, chùa Đồi Hôi được Bộ Văn hóa - Thông tin - Thể thao và Du lịch (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia cần được bảo vệ nghiêm ngặt.

Năm 2010, huyện Đan Phượng đầu tư xây dựng Bia kỷ niệm để ghi dấu sự kiện lịch sử: Địa điểm báo Cứu quốc hoạt động thời kỳ tiền khởi nghĩa và tri ân các đồng chí lãnh đạo Tổng bộ Việt Minh, Xứ ủy Bắc Kỳ cũng như phong trào cách mạng địa phương. Đây là việc làm có ý nghĩa giáo dục và nhắc nhở con cháu luôn khắc ghi tinh thần yêu nước, truyền thống cách mạng của các thế hệ ông, cha.



Bia kỷ niệm sự kiện lịch sử địa điểm hoạt động của báo Cứu quốc, cán bộ Việt Minh và dân quân du kích tại chùa Đồi Hôi (xã Song Phượng)

II. ĐỀN SÔNG

1. Vị trí và nguồn gốc tên gọi

Đền Sông tọa lạc trên một khu đất rộng 4.000 m² bên bờ sông Đáy, thuộc thôn Đại Thần, xã Đồng Tháp, là nơi thờ các vị

đền Sông là điểm hội họp, liên lạc bí mật của cán bộ Việt Minh. Tại đây, ngày 19/5/1947 diễn ra Đại hội Đảng bộ huyện Đan Phượng lần thứ nhất. Đại hội đề ra chủ trương tiếp tục chỉ đạo kháng chiến: *Phải phá tan âm mưu lập phòng tuyến III của địch. Không cho địch tiếp tục đánh chiếm. Nơi nào địch đã chiếm được thì phải phá đồn, tiêu hao sinh lực, không cho chúng kiểm soát... Tổ chức cho Nhân dân tản cư, tiến hành tiêu thổ kháng chiến.* Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 5 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Bá Đoán được bầu làm Bí thư Huyện ủy. Trong kháng chiến chống Mỹ, đền Sông là nơi sơ tán vũ khí của Tổng cục Kỹ thuật - Bộ Quốc phòng.

Ngày 28/9/1990, đền Sông được Bộ Văn hóa - Thông tin - Thể thao và Du lịch (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử cấp quốc gia.



Bia kỷ niệm sự kiện Đại hội Đảng bộ huyện Đan Phượng lần thứ nhất, ngày 19/5/1947 tại đền Sông

CÂU HỎI:

1. Hãy nêu vài nét về nguồn gốc tên gọi, kiến trúc và các hiện vật còn lưu giữ của chùa Đôi Hôi.
2. Nêu tên các vị thần được thờ ở đền Sông. Em có hiểu biết gì về các vị thần này?
3. Hãy nêu khái quát về kiến trúc và các hiện vật còn lưu giữ của đền.
4. Vì sao nói chùa Đôi Hôi và đền Sông là di tích có giá trị về lịch sử cách mạng?

TIẾT 2: TÌM HIỂU VỀ DI TÍCH ĐÌNH ĐẠI PHÙNG VÀ ĐỀN BÀ SA LÃNG

I. ĐÌNH ĐẠI PHÙNG



Đình Đại Phùng sau khi trùng tu (xã Đan Phượng)

1. Vị trí và nguồn gốc tên gọi

Đình Đại Phùng được đặt theo tên làng Đại Phùng, thuộc xã Đan Phượng. Đình nằm bên bờ sông Đáy, trên mảnh đất cao nhất của làng, quay hướng Tây Bắc. Đình Đại Phùng thờ thần Tịch Lịch Hỏa Quang, một trong các vị nhiên thần (Mây - Mưa - Sấm - Chớp) và Tướng quân Vũ Hùng, người có công đánh giặc dưới thời vua Trần Nghệ Tông.

2. Kiến trúc

Đình được xây dựng vào cuối thế kỷ XVII, theo kiến trúc hình chữ Nhất (一), với một tòa nhà lớn (đại đình), chiều dài là 21,05 m và chiều rộng 11,37 m. Đình có 3 gian, 2 chái, 2 dĩ với 6 hàng chân cột, gian giữa là gian lớn nhất với chiều ngang là 4,1 m, chiều dọc là 4,27 m, gian trong là 3,62 m. Đến giữa thế kỷ XIX, hậu cung và tòa tiền tế được dựng thêm. Hậu cung có chiều dài 9,12 m và rộng 7,05 m. Tòa tiền tế được dựng ngay sát mặt trước tòa đại đình có chiều dài 19,1 m, rộng 6,1 m. Như vậy, có thể khẳng định đình Đại Phùng đã có niên đại trên 300 năm.

Giá trị nổi bật nhất của đình thể hiện ở nghệ thuật chạm khắc, với nhiều đề tài như: đấu vật, tắm tiên, vinh quy bái tổ, linh vật và động vật. Trong đó, hình tượng con người được thể hiện ở hầu hết các kiến trúc của đình. Nội dung phản ánh cảnh sinh hoạt của xã hội đương thời.

Đề tài đấu vật được chạm trên các cột, kẻ, ghé có phong thái mạnh mẽ như: bắt lưng, đè người, giật khố... Nét chạm đồ vật mang đậm nét dân gian với thân dài, động tác quyết liệt. Ở bộ cột và kẻ phải của gian giữa, đầu kẻ là cảnh người mặc váy thụng đang múa và có người ngồi đằng sau thưởng thức. Phía trên là hình tượng lão nhân, mỹ nhân cầm quạt, người thổi sáo...



Bức chạm đấu vật



Bức chạm “vinh quy bái tổ”

Đề tài cảnh sinh hoạt của nhà quan cũng được thể hiện khá rõ trên các mảng chạm khắc bên trong đình. Đặc biệt là bức chạm “vinh quy bái tổ”, thể hiện hình ảnh đám rước quan trạng về làng (quan trạng cưỡi ngựa, quân lính mang cờ, lọng tháp tùng). Xung quanh là cảnh người vác cây đàn đáy, hội làng đông vui với nhiều trò diễn, trò chơi mừng quan trạng.

Cũng tại gian giữa, ở bộ phận cột, bên trên chạm khắc một con vật đang cắn ngang một con cá, bên dưới là đôi nam nữ đang ngồi tâm sự. Đối xứng với đôi nam nữ qua đầu rồng là hình chạm người đội mũ bìện, tay vòng lên nắm cổ rắn, trên vai phải có một con vật nhỏ mang hình thức con chuột đang thò đầu, góp phần làm cho bức chạm thêm sinh động.



Bức chạm mèo ngoạm cá



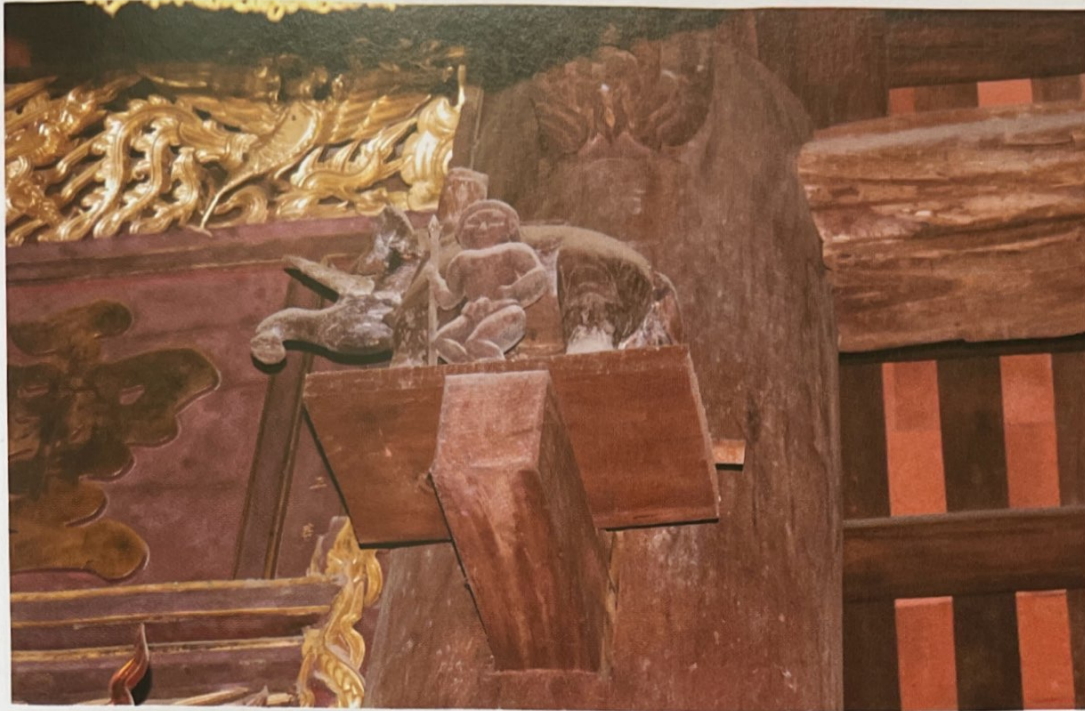
Bức chạm đầu rồng



Bức chạm tắm tiên

Dưới đầu dư thuộc cửa võng là một mảng chạm “tập thể” hình tượng con người khá độc đáo, chưa thấy có ở một ngôi đình nào. Khối tượng gồm 3 tầng mô tả cảnh sinh hoạt đời thường ở nông thôn như: uống rượu, tắm trong đầm sen... thể hiện ước vọng về cuộc sống no đủ, thái bình.

Bên cạnh đề tài con người, hình tượng linh vật như: rồng, phượng, ngựa chiến, voi chiến đến các loài vật gần gũi với người: mèo, chim, cá, thạch sùng... đều được chạm khắc sinh động.



Bức chạm voi chiến



Bức chạm nàng tiên với đôi cánh dang rộng



Tòa đại bái đền Bà Sa Lăng

Nối giữa đại bái và hậu cung là gian trung cung. Mặt ngoài trung cung có bức hoành phi ghi “Nữ trung hào kiệt”. Bên trong có các sập thờ bày các đồ thờ tự. Hai bên tường có treo các câu đối chữ Hán ca ngợi nữ tướng.

Hậu cung có 3 gian với nền cao hơn hẳn đại bái và trung cung. Gian chính giữa bên trong đặt long ngai, kiếm và nhiều đồ thờ tự linh thiêng.

Hiện nay, đền Bà Sa Lăng còn lưu giữ được nhiều hiện vật có giá trị: 8 đạo sắc phong của các triều vua thời Nguyễn; bức hoành phi đề “Mỹ tục khả phong” do vua Tự Đức ban tặng làng năm 1883 ghi nhận làng có phong tục đẹp đáng trân trọng; kiệu bát cống và nhiều hiện vật có giá trị khác. Trong đó, phải kể đến bức phù điêu gỗ được điêu khắc từ thế kỷ XIX, đặt trong hậu cung. Bức phù điêu có hình vuông, đặt trên bệ gỗ, được sơn son thếp vàng, khắc họa hình tượng nữ tướng Sa Lăng hóa thành Thánh Mẫu ung dung ngồi võng đào, đầu đội mũ thần võ, một tay cầm viên ngọc và quạt lông, tay kia tì vào gối thoải mái, nét mặt đôn hậu. Xung quanh là các nữ nhi đang dâng nước, trầu, hoa quả và cảnh hòa tấu đàn ca như ở cung đình.



Cổ long ngai đền Bà Sa Lăng

Hằng năm, từ ngày mùng 07 đến ngày 09/3 âm lịch, Nhân dân địa phương tổ chức lễ hội truyền thống để tưởng nhớ công lao của vị nữ tướng, đồng thời thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Trong đó, ngày 08/3 là chính hội, cứ 5 năm lại mở hội lớn một lần. Lễ hội đền Bà Sa Lăng có quy mô hội vùng, là một trong những lễ hội lớn nhất của huyện Đan Phượng hiện nay.

3. Giá trị

Với những giá trị nổi bật về lịch sử và văn hóa, ngày 06/02/1979, đền Bà Sa Lăng được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp thành phố.

CÂU HỎI:

1. Hãy nêu khái quát về nghệ thuật chạm khắc của đình Đại Phùng.
2. Vị thần nào được thờ tại đền Bà Sa Lãng? Vị thần đó có công lao gì với dân, với nước?
3. Hãy kể tên các công trình trong khuôn viên đền và các hiện vật còn lưu giữ.
4. Hãy kể tên các di tích lịch sử ở địa phương nơi em sinh sống.
5. Là học sinh, em sẽ làm gì để góp phần giữ gìn, bảo vệ các di tích lịch sử của quê hương?
6. Thông qua nội dung bài học, em hãy nêu điểm khác biệt giữa đình và đền?

Bài 2 (Lớp 7)

LỄ HỘI VÀ TRÒ CHƠI DÂN GIAN TIÊU BIỂU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG (2 tiết)

Tiết 1: KHÁI QUÁT VỀ LỄ HỘI VÀ TRÒ CHƠI DÂN GIAN TRÊN QUÊ HƯƠNG ĐAN PHƯỢNG

I. Nghi lễ trong lễ hội

Lễ hội truyền thống ở Đan Phượng là nét văn hóa độc đáo thường diễn ra vào mùa xuân, tại các đình, chùa, đền, miếu... Mỗi lễ hội đều hướng tới một số vị thần linh thiêng được suy tôn. Qua đó, lễ hội là dịp để tưởng nhớ, tỏ lòng tri ân công đức đối với những người được tôn thờ, cầu mong được sự giúp đỡ, che chở, đồng thời là dịp để giáo dục truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ kẻ trồng cây” cho thế hệ trẻ.

Theo lệ, lễ hội truyền thống được chia làm 2 phần: phần lễ và phần hội. Mở đầu lễ hội là phần tế lễ và rước kiệu nhằm tái hiện lại sự tích, công trạng của những người được tôn thờ.

Có thể kể đến một số lễ hội tiêu biểu như:

Lễ hội đền Bà Sa Lãng tổ chức từ ngày 07 đến ngày 09/3 âm lịch hàng năm tại đền Bà Sa Lãng (xã Liên Hà), là dịp để tưởng nhớ công lao đánh đuổi giặc Đông Hán của nữ tướng Sa Lãng. Đây là lễ hội có quy mô hội vùng, một trong những lễ hội lớn nhất của Đan Phượng hiện nay. Ngày hội chính (08/3) được mở đầu với nhiều nghi lễ như: tế thần, rước nước, rước sắc, rước kiệu từ đền Sa Lãng xuống đình chợ Dày.

Hội hát chèo tàu được tổ chức từ ngày 15 đến ngày 20 tháng Giêng, trong đó 20 đến 25 năm mới tổ chức một lần tại làng Văn Sơn và miếu Voi Phục (xã Tân Hội). Lễ hội là dịp để người dân tôn vinh truyền thống đánh giặc của cha ông, đặc biệt là của phụ nữ Việt Nam. Hội hát gồm các nghi lễ: hát thánh ca⁽¹⁾,

⁽¹⁾ Hát thánh ca: là nghi lễ hát trình thắp hương, dâng rượu của từng thôn tại miếu Voi Phục.

hát trạo ca⁽¹⁾ và hát bỏ bộ⁽²⁾. Trong nghi lễ hát trạo ca, các ca nhi và chúa tàu đứng trên tàu vừa hát vừa múa mô phỏng những động tác chèo thuyền, các quân tượng ngồi trên lưng voi vừa hát vừa nâng loa múa mô phỏng động tác gọi loa. Tất cả các nghi lễ trên đều nhằm mô phỏng sự tích chèo thuyền và cưỡi voi đi đánh giặc của cha ông.

Lễ hội đình Vạn Vỹ (xã Hồng Hà) nổi tiếng với “Hội đình trên sông”. Hội chính diễn ra từ ngày 12 đến ngày 13 tháng Giêng hàng năm, với nghi thức thay cát, lấy nước trang trọng, đặc sắc. Theo lệ, 10 giờ đêm, lễ rước bắt đầu từ đình ra bờ sông. Khi đến bờ sông, một chiếc tàu lớn chở đoàn rước cùng nhang án, kiệu, chèo nước ra giữa sông tiến hành nghi thức thay cát, lấy nước, tế ngũ bái, khấn.



Lễ hội đình Vạn Vỹ (xã Hồng Hà) - Tàu chở đoàn rước ra giữa sông tiến hành nghi thức lấy nước, thay cát

⁽¹⁾ Hát trạo ca: là hình thức hát đối đáp giữa các con tàu và quân tượng. Các con tàu và quân tượng đứng trên thuyền và voi để hát những làn điệu cổ - là những bài văn vắn, hoặc bài ở thể lục bát.

⁽²⁾ Hát bỏ bộ: những bài hát trong phần hát bỏ bộ thường có nội dung ngắn gọn, nội dung lời ca và âm nhạc được hình thành độc lập. Hát bỏ bộ trong diễn xướng chèo tàu có thể tách độc lập và mang nội dung hoàn chỉnh.

II. Trò chơi dân gian trong lễ hội

Ngoài phần lễ, phần hội có nhiều hình thức sinh hoạt văn hóa, trò chơi dân gian như: thổi cơm thi, bơi chải, đánh cờ người, bắt vịt, chọi gà, bịt mắt bắt dê, kéo co, đánh đu, đánh vật, đấu võ... Thông qua các hoạt động văn hóa và trò chơi dân gian, người dân có dịp thể hiện tài năng khéo léo, nhanh nhẹn, sáng tạo, tinh thần đoàn kết cộng đồng, đồng thời gián tiếp biểu dương tinh thần thượng võ của dân tộc.



*Thổi cơm thi
tại lễ hội đền Bà Sa Lãng*



*Trò kéo co
tại lễ hội đền Bà Sa Lãng*

Những hoạt động diễn ra trong lễ hội là món ăn tinh thần không thể thiếu, làm phong phú đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân, giúp thế hệ trẻ hiểu thêm về truyền thống văn hóa của ông cha.

Một số hoạt động văn hóa, trò chơi dân gian trong lễ hội truyền thống ở Đan Phượng như:

Hội đền Bà Sa Lãng có trò thổi cơm thi. Sau tiếng trống khai hội, người thi dùng 2 thanh giang cọ mạnh vào nhau để tạo ra lửa. Các đội tham gia phải vừa đi vòng quanh sân đình vừa nấu. Phụ họa cho hội thi là những đôi trai gái hóa trang thành hổ, báo, hươu, nai, người đi câu cá, đi săn... cùng nhau nhảy múa trong tiếng nhạc, tiếng trống. Đội nào nấu nhanh, cơm dẻo, ngon sẽ giành chiến thắng. Hội đình làng Trung Hà (xã Trung Châu) có tục cướp cây bông độc đáo. Cây bông được người dân nhuộm màu vàng, xanh và mang ra sân đình vừa múa vừa hát. Hết tiệc, mọi người cướp cây bông mang về nhà. Theo quan niệm, ai cướp được sẽ gặp nhiều may mắn, quanh năm làm ăn thuận lợi.

Trong lễ hội của các làng ven sông có bơi chải nhằm biểu thị truyền thống chèo thuyền qua sông đánh giặc của cha ông từ xa xưa. Lễ hội đình Bá Dương (xã Hồng Hà) có hoạt động thả diều truyền thống để tưởng nhớ tướng quân Nguyễn Cả - người đã có công giúp Đình Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân. Hội vật võ ở xã Hồng Hà nhằm khích lệ tinh thần thượng võ của người dân và để rèn luyện sức khỏe.



Hội vật võ xã Hồng Hà

CÂU HỎI:

1. Lễ hội truyền thống ở huyện Đan Phượng thường được tổ chức vào thời gian nào, tại đâu? Ý nghĩa của lễ hội.
2. Hãy kể tên một số lễ hội tiêu biểu mà em biết. Trong đó, phần lễ diễn ra những nghi lễ gì?
3. Kể tên một số trò chơi dân gian diễn ra trong lễ hội truyền thống ở Đan Phượng mà em biết.
4. Là học sinh, em cần làm gì để giữ gìn, phát huy giá trị của lễ hội truyền thống và trò chơi dân gian trên quê hương Đan Phượng?

Tiết 2: TÌM HIỂU NÉT ĐẶC SẮC CỦA HỘI HÁT CHÈO TÀU Ở TỔNG GỖI (TÂN HỘI) VÀ HỘI THẢ DIỀU Ở LÀNG BÁ GIANG (HỒNG HÀ)

I. HỘI HÁT CHÈO TÀU Ở TỔNG GỖI (TÂN HỘI)



Hội hát chèo tàu ở Tân Hội

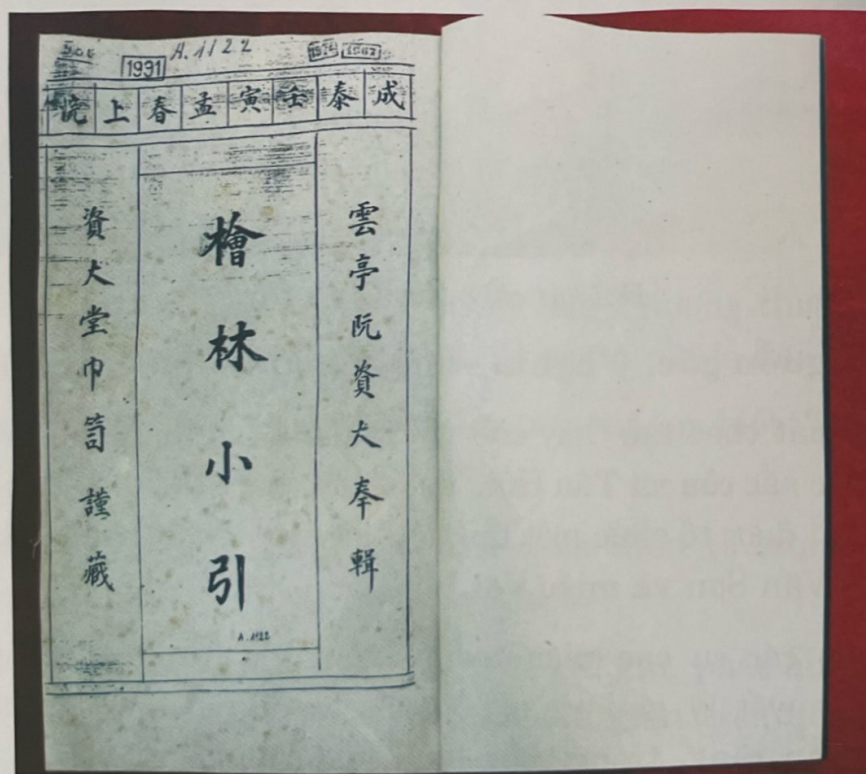
1. Nguồn gốc, ý nghĩa và thời gian tổ chức lễ hội

Hội hát chèo tàu (hay còn gọi là tàu tượng) là lễ hội truyền thống đặc sắc của xã Tân Hội. Theo quy định, từ 20 đến 25 năm lễ hội mới được tổ chức một lần, từ ngày 15 đến 20 tháng Giêng, tại làng Văn Sơn và miếu Voi Phục.

Theo các cụ cao niên trong làng, tại Tân Hội có nhiều truyền thuyết lý giải về nguồn gốc ra đời của hát chèo tàu. Tục truyền rằng, trong cuộc hành quân đánh giặc Hán, Hai Bà Trưng cùng đoàn quân thủy bộ đã hành quân qua địa phận Tổng Gối (Tân Hội ngày nay). Sau này, để tưởng nhớ công ơn Hai Bà Trưng, người dân Tân Hội mở hội tế lễ, hát múa diễn lại cảnh xưa. Trong hội hát có sử dụng mô hình con tàu (thuyền) và con voi (tượng). Theo một lý giải khác, hát chèo tàu xuất phát

từ cuộc khởi nghĩa “Hắc Y”⁽¹⁾ của tướng Văn Dĩ Thành chống quân Minh xâm lược. Đội quân lấy vùng Tổng Gối làm căn cứ, lợi dụng đêm tối chèo thuyền qua sông để tiêu diệt giặc. Tham gia chèo thuyền là các bà, các chị. Sau này, Nhân dân Tổng Gối mở hội và tổ chức hát chèo tàu nhằm diễn tả cảnh những người phụ nữ chèo thuyền chở quân đi đánh giặc. Còn rất nhiều sự tích lý giải nguồn gốc ra đời của nghệ thuật hát chèo tàu. Nhưng nhìn chung hát chèo tàu ở Tân Hội là loại hình dân ca nghi lễ ra đời trong một thời gian dài, được Nhân dân chuyển thể từ các sự tích đánh giặc, giữ nước.

Như vậy, thực chất hát chèo tàu là hát chèo thuyền chở quân đi đánh giặc. Hội hát chèo tàu là dịp để người dân tôn vinh truyền thống đánh giặc anh hùng, bất khuất của cha ông, đặc biệt là của phụ nữ Việt Nam, là dịp để tưởng nhớ công ơn của các vị tướng đã có công đánh giặc, cứu dân làng.



Tập Cối Lâm Tiểu Dẫn trình bày nội dung quy trình tổ chức lễ hội chèo tàu vùng Gối, xã Tân Hội và những lời hát chèo cổ (tài liệu được trưng bày tại Nhà truyền thống huyện Đan Phượng)

⁽¹⁾ Đội quân của Văn Dĩ Thành thường mặc quần áo màu đen khi chiến đấu nên được gọi là “Quân Hắc Y”.

Lễ hội chèo tàu phát triển mạnh vào thế kỷ XVII, lời ca, điệu hát, nghệ thuật diễn xướng được hoàn thiện rực rỡ vào thế kỷ XIX. Lễ hội đầu tiên được tổ chức vào năm 1683, lễ hội sau cùng vào năm 1922. Các năm không mở lễ hội, dân làng vẫn tế lễ, dâng hương và tổ chức hát chèo tàu tại làng Văn Sơn vào rằm tháng Giêng. Năm 1998, lễ hội hát chèo tàu được khôi phục lại ở làng Văn Sơn để tế lễ Đức Thánh Văn Dĩ Thành.

2. Các hoạt động chính trong lễ hội

Công tác chuẩn bị cho lễ hội rất công phu. Hai thôn Thượng Hội và Thúy Hội làm hai con tàu (thuyền) bằng gỗ, dài từ 4 đến 5 m, rộng khoảng 2 m, dưới có những bánh xe bằng gỗ để dễ di chuyển. Thuyền và voi là hai linh vật không thể thiếu, nhằm diễn tả cảnh các vị anh hùng chèo thuyền, cưỡi voi đánh giặc. Đặc biệt, thuyền rồng là biểu tượng ngời ca lòng dũng cảm, khí phách anh hùng của phụ nữ Tống Gối sát cánh cùng chồng con tham gia đánh giặc. Các nhạc cụ dân tộc, loa, chiêng, trống cũng được chuẩn bị đầy đủ.



“Tàu” và “Tượng” là 2 linh vật không thể thiếu trong lễ hội

Người hát chèo tàu phải là nữ. Người được chọn vai diễn Bà Chúa tàu (còn gọi là Mẹ chiêu quân) là người có phẩm hạnh, khoảng 50 tuổi, gia đình gia giáo, vợ chồng hòa thuận, có giọng hát hay. Trong đó, chức danh “Bà mẹ chiêu quân” là đại diện cho các bà mẹ anh hùng của Tổng Gối, có công trong việc vận động, chiêu mộ quân lính cho đội nghĩa binh áo đen. Còn các diễn viên tham gia (gọi là cái tàu, con tàu và quân tượng) phải là thanh nữ (chưa có chồng) trong độ tuổi từ 13 đến 16, là con gái trong các gia đình hòa thuận, nền nếp, hát hay, múa dẻo.

Hội hát gồm 3 phần: hát thánh ca (hát trình, dâng hương, dâng rượu), hát trạo ca (hát trên thuyền, hát chèo thuyền) và hát bỏ bộ. Các nghi lễ được tiến hành theo trình tự. Sáng ngày 15 tháng Giêng lễ hội bắt đầu, người chủ tế hoặc người cao tuổi của từng thôn dẫn chúa tàu, cái tàu, con tàu vào miếu Voi Phục làm lễ hát bài lễ trình, bài dâng hương, dâng rượu. Tiếp đó, con tàu và quân tượng hát xướng họa, hát bỏ bộ. Các con tàu và quân tượng đứng trên thuyền và ngồi trên voi hát đối đáp. Chúa tàu cùng các con tàu đứng trên tàu vừa hát vừa múa mô phỏng những động tác chèo thuyền. Bốn quân tượng khi thì ngồi trên lưng, khi thì đứng cạnh hai tượng vừa hát vừa nâng loa múa mô phỏng động tác gọi loa. Sáng hôm sau, trình tự được lặp lại. 4 thôn nối tiếp nhau tế lễ, diễn xướng trong 7 ngày (từ ngày 15 đến ngày 21 tháng Giêng). Ngày 23 tháng Giêng kết thúc hội là lễ rước kiệu, tàu, tượng từ lăng Văn Sơn về miếu Voi Phục.

Dù trải qua bao thăng trầm lịch sử, một thời gian dài không không được tổ chức, nhưng hát chèo tàu vẫn sống mãi trong lòng người dân Tân Hội, trở thành di sản văn hóa quý giá, độc đáo.

Hiện nay, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, các bài hát chèo tàu được ghi vào băng đài, diễn xướng ghi chép bằng hình ảnh màu, video và lưu trữ ở Trung tâm Lưu trữ quốc gia. Giữ gìn và bảo tồn hát chèo tàu cũng góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

II. HỘI THẢ ĐIỀU LÀNG BÁ GIANG (HỒNG HÀ)

1. Nguồn gốc và ý nghĩa của lễ hội

Hội thả điều làng Bá Giang (xưa có tên là làng Bá Dương Nội), xã Hồng Hà là lễ hội truyền thống được duy trì tổ chức từ ngày 14 đến ngày 15/3 âm lịch hằng năm tại miếu Châu Trần (còn gọi là miếu Điều). Lễ hội là dịp để Nhân dân trong làng tưởng nhớ công lao của ông Nguyễn Cả - vị tướng tài giỏi có công phò tá Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân.

Theo truyền thuyết dân gian, Nguyễn Cả là người làng Bá Giang, thuở nhỏ ông nổi tiếng thông minh, học giỏi, võ nghệ tinh thông, trong vùng không ai sánh kịp. Năm 20 tuổi, ông lập doanh trại để làm nơi hội tụ anh tài. Lúc này, Đinh Bộ Lĩnh đang chiêu mộ hào kiệt để dẹp loạn 12 sứ quân. Nghe uy danh của ông, Đinh Bộ Lĩnh đã sai người vời Nguyễn Cả về Hoa Lư (Ninh Bình) xây dựng nghiệp lớn. Sau khi dẹp được các sứ quân, lập nên Nhà nước Đại Cồ Việt, Nguyễn Cả được phong là Tổng súy thượng tể đại tướng quân. Làm quan chưa được bao lâu, ông từ quan về quê dạy dân trồng trọt, mở mang cơ nghiệp. Lúc rảnh rỗi bày trò chơi điều cùng đám trẻ. Một hôm, trên một gò đất ông bỗng thấy Hầu Công (con khỉ) xuất hiện. Ông cúi đầu làm lễ kính cẩn. Đột nhiên, hiện ra một vầng mây ngũ sắc. Lại thấy cụ già đọc 4 câu thơ:

*“Giáng sinh trên thế tại gò này
Nay lại về trời tựa áng mây
Tình nghĩa cha con, cha xuống đón
Anh hùng sinh hóa thấy đều hay”*

Tiếng thơ vừa dứt thì sấm chớp ầm ầm, mưa gió mù mịt. Nguyễn Cả cũng hóa cùng đám mây ngũ sắc. Sau này, người dân trong vùng lập miếu thờ tướng quân Nguyễn Cả ngay tại gò đất ông hóa năm xưa và suy tôn là Thành hoàng.

Hằng năm, người dân làng Bá Giang tổ chức lễ hội thi thả điều truyền thống để tưởng nhớ tướng quân Nguyễn Cả đã có công với dân, với nước, đồng thời thể hiện ước vọng về một năm mưa thuận gió hòa, vụ mùa tươi tốt.

2. Các hoạt động chính trong lễ hội

Từ tháng 8 năm trước, trong làng đã bắt đầu làm điều. C khau chọn tre, mua giấy, khoét sáo, chuốt dây... được chuẩn rất tỉ mỉ, công phu. Xưa kia, dây điều làm bằng tre bánh tẻ, dài, cuộn lại ngâm vào nước quả cây chuối hột và muối, sau ninh sôi một ngày, làm cho dây vừa dai vừa mềm. Ngày nay dây điều được thay thế bằng dây nylon, điều càng nhẹ càng bay cao. Điều tham gia dự thi bắt buộc phải là kiểu điều truyền thống, có đủ 3 sáo trở lên, mỗi cánh có chiều dài tối thiểu 2,2 m rộng 0,6 m và không gắn đuôi.

Tại làng Bá Dương Nội, xã Hồng Hà, có 3 nghệ nhân làm điều vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ nhân Ưu tú là nghệ nhân Nguyễn Hữu Khiêm, nghệ nhân Phạm Văn Mai, nghệ nhân Nguyễn Gia Độ.

Sáng ngày 14/3 âm lịch, dân làng làm lễ mở cửa miếu, cùng ngày là lễ tuyên sắc các sắc phong của triều đại phong kiến.

Ngày 15/3 âm lịch là chính hội, với các nghi lễ: tế lễ, trình điều (tại trước cửa miếu). Mỗi năm, làng cử ra một người khéo tay làm một chiếc điều to làm biểu tượng, có đề bài thơ:

“Bồng bênh lướt sóng trời mây

Dây trường công đức sao say thiên thần

Ơn sâu nghĩa nặng tình dân

Bốn phương quy tụ sắc xuân hội điều”

Đúng 14 giờ, khai mạc hội điều, cụ chủ tế đánh ba hồi chuông trống cầu phong, cuộc thi bắt đầu. Chủ điều mang điều ra trước cửa miếu Châu Trần để thả.

Hàng năm, lễ hội thu hút hàng trăm người từ khắp các tỉnh, thành trên cả nước đến dự thi. Đặc biệt, những năm gần đây, lễ hội có sự tham gia của chủ điều ở các nước như: Mỹ, Anh, Pháp, Campuchia, Malaysia... Có những điều có thể dài đến 3 m nhỏ thì 1 m. Điều càng bay cao, tiếng sáo càng vang xa.

Đến 18 giờ cuộc thi kết thúc. Điều giành giải nhất là điều đáp ứng các tiêu chuẩn: bay cao nhất, đứng im nhất, tiếng sáo hay nhất. Người được nhận giải lần lượt vào miếu tạ lễ thần, hội thi kết thúc.

Song song với hội thi diều, làng còn tổ chức một số trò chơi dân gian khác như: vật, đánh đu, kéo co, đánh cờ... thu hút đông đảo người dân tham gia.

Lễ hội thả diều làng Bá Giang là lễ hội thả diều lớn nhất miền Bắc được bảo tồn và phát triển cho đến nay. Lễ hội mang ý nghĩa văn hóa tâm linh lớn, thể hiện ước vọng của người dân về một năm mưa thuận gió hòa, vụ mùa tươi tốt và thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn”.



Lễ trình diều



Người tham gia thi chuẩn bị thả diều

CÂU HỎI:

1. Em hãy cho biết hội hát chèo tàu diễn ra vào thời gian nào? Địa điểm tổ chức lễ hội diễn ra tại đâu?
2. Hãy cho biết về nguồn gốc và ý nghĩa của hội hát chèo tàu?
3. Lễ hội thả diều Bá Giang diễn ra vào thời gian nào? Ý nghĩa của lễ hội.
4. Trình tự của lễ hội thả diều diễn ra như thế nào?

Bài 3 (Lớp 8)

NHỮNG TẤM GƯƠNG ANH DŨNG CỦA QUÊ HƯƠNG ĐAN PHƯỢNG (2 tiết)

Tiết 1: NHỮNG TẤM GƯƠNG ANH DŨNG TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, huyện Liên Bắc (Đan Phượng và Hoài Đức ngày nay) là cửa ngõ phía Tây Hà Nội, có vị trí chiến lược quan trọng. Do đó, ngay từ đầu năm 1947, thực dân Pháp liên tục mở các cuộc càn quét với ý đồ bình định Đan Phượng, làm bàn đạp đánh ra vùng tự do. Chúng tăng cường hoạt động do thám, chỉ điểm, lực lượng nguy quân, nguy quyền tiến hành càn quét nhiều nơi. Nhằm chống phá các cuộc càn quét của giặc, các phong trào chống càn, diệt tề, trừ gian, phong trào “mùa đông binh sĩ”, “thanh niên tòng quân giết giặc” vẫn tiếp tục phát triển. Trong chiến đấu, Đan Phượng xuất hiện nhiều tấm gương mưu trí, dũng cảm, lập nhiều chiến công xuất sắc như: liệt sĩ Hoàng Thị Lê, liệt sĩ Phan Xích, liệt sĩ Lê Thao... Tên tuổi của các đồng chí tô thắm thêm truyền thống cách mạng của quê hương Đan Phượng anh hùng.

I. LIỆT SĨ HOÀNG THỊ LÊ - ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

Anh hùng Hoàng Thị Lê sinh năm 1929 tại thôn Thượng Trì, xã Liên Trì (nay là xã Liên Hồng), trong một gia đình giàu truyền thống cách mạng.

Tiếp bước truyền thống gia đình, 16 tuổi chị hăng hái tham gia vào tổ chức Phụ nữ Cứu quốc ở quê hương. Sau đó, chị làm cán bộ phụ vận xã Liên Trì. Với trách nhiệm của người cán bộ phụ vận, chị kiên trì đến từng gia đình vận động các bà, các chị giúp đỡ kháng chiến, đào hầm nuôi giấu cán bộ.

Năm 19 tuổi (1948), chị vinh dự được kết nạp vào Đảng, sau đó làm Bí thư Hội Phụ nữ xã Liên Trì. Nhiệm vụ nặng nề nhưng chị luôn hoàn thành xuất sắc. Trong thời gian tham gia

cách mạng, chị nhiều lần bị giặc bắt giữ và tra tấn dã man. Chúng thâm độc khi dùng xăng đốt cả hai tay chị, nhưng trước sau chị quyết không khai một lời để bảo vệ cơ sở cách mạng. Khi được thả, chị vẫn hăng hái tham gia cách mạng dù cả hai tay mang thương tích nặng. Tinh thần cách mạng của chị càng khích lệ Nhân dân tích cực đấu tranh.



*Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân **Hoàng Thị Lê** (1929 - 1951)*

Năm 1951, chị bị địch bắt, chúng đưa chị ra sân đình tra khảo, bắt chị chỉ cơ sở cách mạng. Chúng tra tấn, đánh đập chị rất dã man, nhưng chị vẫn cắn răng chịu đựng, giữ vững khí tiết cách mạng, kiên quyết không khuất phục kẻ thù. Trước đông đảo dân làng, chị tố cáo tội ác của giặc, kêu gọi bà con hăng hái đấu tranh. Âm mưu không thành, chúng đã sát hại chị tại bốt Bồng Lai và thả xác chị xuống sông Hồng. Chị hy sinh ngày 23/7/1951, khi ấy chị 23 tuổi.

Những năm tháng đẹp nhất của tuổi trẻ, chị Hoàng Thị Lê đã dâng hiến cho Tổ quốc, cho quê hương Đan Phượng, cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Ca ngợi khí phách anh dũng của chị, Nhân dân địa phương đã có câu:

*Chị Lê anh dũng tuyệt vời
Tám gương sáng mãi con người thủy chung*

Với những cống hiến cho cách mạng, năm 2005, chị Hoàng Thị Lê được Đảng và Nhà nước truy tặng danh hiệu cao quý “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”.

II. LIỆT SĨ PHAN XÍCH - ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN



*Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân **Phan Xích** (1923 - 1948)*

Anh hùng Phan Xích tên thật là Nguyễn Thạc Rường, sinh năm 1923, quê ở thôn Phan Long, xã Tân Hội.

Năm 1943, đồng chí Phan Xích được giác ngộ cách mạng và được giao nhiệm vụ đặt cơ sở liên lạc, đưa cán bộ vượt ngục từ Sơn La về ATK (An toàn khu) của Trung ương và Xứ ủy (đặt xung quanh Hà Nội). Lần đầu tiên, đồng chí Bình Phương - Cán bộ Xứ ủy Bắc Kỳ (sau là Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban Nội chính Trung ương khóa V) đưa 3 đồng chí vừa thoát khỏi ngục tù đế quốc về nhà đồng chí Phan Xích. Sau khi đón tiếp, Phan Xích đã đưa 3 đồng chí đến Vạn Phúc (thuộc ATK) an toàn.

Sau đó, đồng chí Phan Xích tham gia vào các tổ chức: Đoàn Thanh niên Cứu quốc, Mặt trận Việt Minh... và trở thành người chiến sĩ cộng sản kiên cường, người chỉ huy mưu trí, dũng cảm. Trên cương vị là một người phụ trách các tổ chức cơ sở Đảng cấp cơ sở, đồng chí Phan Xích đã lãnh đạo và cùng anh em chiến sĩ hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, lập được nhiều chiến công đặc biệt xuất sắc.

Đêm 30/4/1945, tổ Việt Minh thôn Phan Long (Tân Hội) do đồng chí Phan Xích phụ trách đã bí mật treo cờ Việt Minh trên cây đa ở chợ Gối để kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1/5. Cờ đỏ sao vàng tung bay phấp phới làm nức lòng quần chúng Nhân dân trong vùng, củng cố niềm tin của Nhân dân vào đường lối cách mạng của Đảng, đồng thời làm bọn tổng lý run sợ.

Sáng ngày 19/8/1945, theo lệnh cấp trên, đồng chí Phan Xích dẫn đầu một đoàn người Tân Hội nhập với đoàn của phủ Hoài Đức cùng tiến ra Hà Nội tham gia giành chính quyền. Đồng chí được giao phụ trách công tác vận động Nhân dân giúp đỡ nhau trước nạn đói năm 1945, lập hội võ thuật để huấn luyện vũ trang chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa, vận động Nhân dân không đi phu, không đóng thuế cho Nhật.

Cuối năm 1945, đồng chí được điều động làm cán bộ Huyện đội. Sau đó, đồng chí đi dự lớp quân sự ở Khu 12, được cử vào Ban Chỉ huy Quân sự huyện và nhận nhiệm vụ trực tiếp lãnh đạo lực lượng vũ trang khu Gối (Tân Hội, Tân Lập). Trong đấu tranh vũ trang, đồng chí không quản ngại gian khổ, mưu trí, dũng cảm và thường xuyên tạo cách đánh táo bạo, hiệu quả. Chiến thắng “3 ngày 5 trận” tháng 8/1948 là một điển hình. Dưới sự chỉ huy của đồng chí Phan Xích và Lê Thao, trận đánh này ta tiêu diệt 92 tên giặc. Đối với những người lầm lỡ theo giặc, đồng chí kiên trì giáo dục, cảm hóa, đồng thời kiên quyết xử lý những tên tay sai ngoan cố theo địch, phản bội Tổ quốc.

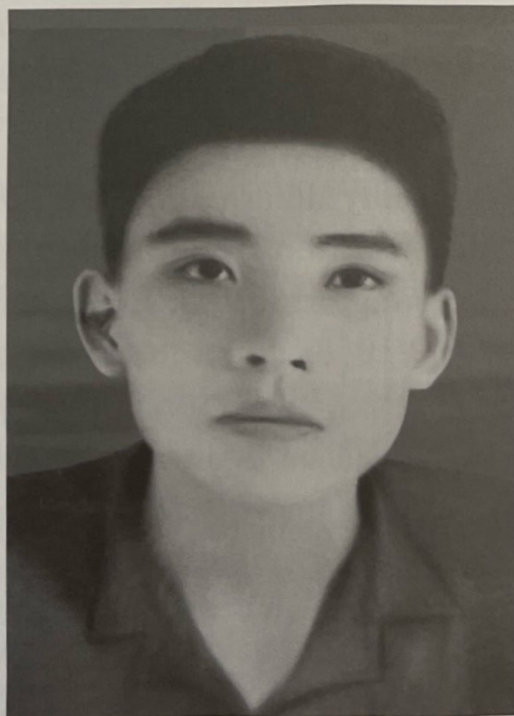
Tên tuổi của đồng chí còn gắn với phong trào xây dựng làng chiến đấu. Phan Xích dày công nghiên cứu và thực hiện xây dựng làng kháng chiến thành trận địa đảm bảo cho tiến công, phòng thủ và rút lui. Lấy địa hình tự nhiên xây dựng hệ thống vọng gác, công sự chiến đấu, 200 hầm bí mật, đào đường hào để di chuyển liên hoàn giữa các thôn trong chiến đấu; gia cố cổng xóm, cổng làng đảm bảo an toàn. Cách này góp phần làm giảm sức mạnh của địch khi chúng phải chia nhỏ quân số và hỏa lực.

Trận đánh ngày 28/10/1948 là trận đánh cuối cùng của đồng chí Phan Xích. Khi đang làm việc ở xã An Thượng, huyện Hoài Đức, đồng chí nhận được tin báo tên quan hai Pháp đồn trưởng

bột Thanh Quang khét tiếng gian ác đang một mình đi xe đạp trên đê sông Đáy, Phan Xích nhanh chóng ra phục kích ở cổng làng, quyết tiêu diệt tên quan hai gian ác, nhưng đồng chí bị tên gián điệp ngầm phát hiện và báo cho địch. Khi đồng chí quật ngã được tên quan hai thì một trung đội lính Âu Phi từ dưới làng xông lên giải cứu. Rơi vào thế bất lợi, Phan Xích dùng dao găm giết tên quan hai, rồi nhanh chóng nhặt một hòn gạch ném vào bọn giặc. Tưởng Phan Xích quăng lựu đạn, chúng nằm rạp xuống. Đồng chí liền bật dậy, nấp vào cổng làng và rút súng tiêu diệt thêm 2 tên. Thấy không thể khuất phục được Phan Xích, chúng bắn xối xả. Đồng chí Phan Xích hy sinh anh dũng.

Phan Xích đã hy sinh nhưng cuộc đời chiến đấu đầy nhiệt huyết cách mạng của đồng chí là biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Tấm gương chiến đấu, hy sinh của Phan Xích sống mãi với Nhân dân Tân Hội, Nhân dân Liên Bắc. Ghi nhận những đóng góp của đồng chí trong kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06/5/2010, đồng chí Phan Xích được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

III. LIỆT SĨ LÊ THAO - ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN



*Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân **Lê Thao** (1929 - 1950)*

Anh hùng Lê Thao tên khai sinh là Lê Hữu Thao, thường gọi là Thóa, bí danh là Hoàng Nam, sinh ngày 27/12/1929, trong một gia đình nông dân nghèo, có truyền thống cách mạng, tại làng Hạ Mỗ, xã Hạ Mỗ.

Đồng chí tham gia cách mạng từ tháng 6/1945 khi mới 17 tuổi. Quá trình tham gia cách mạng, Lê Thao được giao nhiều nhiệm vụ quan trọng: Tháng 6/1945, đồng chí tham gia Mặt trận Việt Minh, được phân công nhiệm vụ trinh sát, bảo vệ an toàn cho công việc chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Tháng 01/1947, là Đại đội trưởng đội tự vệ chiến đấu khu Hồng Thái. Ngày 14/3/1947, đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương - đây là mốc thời gian quan trọng, đánh dấu bước trưởng thành đặc biệt của Lê Thao. Tháng 02/1948, đồng chí được cử về vùng địch tạm chiếm, là cán bộ quân sự Tiểu khu Hồng Thái. Từ tháng 01/1949, là Liên huyện đội phó huyện Liên Bắc (nay là địa bàn 3 huyện Hoài Đức, Đan Phượng, Từ Liêm) đến lúc hy sinh.

Trong quá trình hoạt động cách mạng và kháng chiến, đồng chí đã cùng lãnh đạo địa phương thuyết phục Nhân dân “tiêu thổ kháng chiến”⁽¹⁾ miếu Hàm Rồng, đền Chính Khí... thắng lợi, kịp thời ngăn chặn âm mưu lập căn cứ quân sự của thực dân Pháp tại đây.

Là một cán bộ chỉ huy dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, đồng chí có nhiều sáng kiến, cải tiến trong nhiều trận đánh, gây cho địch nhiều nỗi kinh hoàng, khiếp sợ, lập nhiều chiến công đặc biệt xuất sắc. Tháng 9/1948, đồng chí Lê Thao chỉ huy đánh trận “Độn thổ” ở đê Chèm - Liên Mạc, cách Tân Hội 5 km (nay thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội). Đây là trận đánh táo bạo, sáng tạo

⁽¹⁾ “Tiêu thổ kháng chiến”: Chủ trương của ta trong ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, phá hủy nhà cửa, đường sá không cho địch thực hiện việc “đánh nhanh thắng nhanh”, cầm chân địch ở những nơi chiếm đóng, gây khó khăn trong việc tiếp tế lương thực, vũ khí... Việc “tiêu thổ kháng chiến” biểu hiện lòng yêu nước của Nhân dân ta “thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” (Hồ Chí Minh).

của chiến thuật du kích đánh Tây. Khi quân địch tiến sâu vào trận địa đã được bố trí sẵn, đồng chí Lê Thao bắn 3 phát súng lệnh mở đầu trận đánh. Du kích ta từ các bụi rậm ném lựu đạn giả, khóa đầu, đuôi đội hình địch, quân Pháp sợ hãi nằm rạp xuống tránh lựu đạn nổ. Ngay sau đó, các chiến sĩ từ dưới hầm xông lên dùng súng, dao găm, mã tấu tiêu diệt địch. Trận đánh đó, ta thu 1 khẩu trung liên, 1 súng trường, diệt được nhiều tên giặc, trong đó có tên chỉ huy.

Đặc biệt, trận chống càn “3 ngày 5 trận” ở Tân Hội, Tân Lập diễn ra từ ngày 21 - 24/8/1948. Dưới sự chỉ huy dũng cảm, mưu trí của đồng chí Phan Xích và đồng chí Lê Thao, ta thắng lợi lớn. Tên chỉ huy và 91 quân lính Pháp bị tiêu diệt, nhiều tên bị thương phải rút chạy. Các trận đánh trên đều được Quân khu và Tỉnh đội Hà Đông tuyên dương, tổ chức học tập, phổ biến và nhân rộng.

Trong công tác binh vận, địch vận, đồng chí cũng lập nhiều thành tích xuất sắc. 7 lần cùng đồng đội bí mật đột nhập bắt giặc (bốt La Thạch 2 lần, bốt Bồng Lai 5 lần), Lê Thao đã tuyên truyền, vận động được 19 lính Pháp đảo ngũ, bỏ bốt địch quay về với cách mạng, gây cho địch nỗi hoang mang, khiếp sợ. Quân Pháp từng treo giải thưởng 5.000 đồng tiền Đông Dương cho ai bắt hoặc tiêu diệt được Lê Thao.

Chiến công nối tiếp chiến công, cùng với Phan Xích, Lê Thao trở thành biểu tượng anh hùng cách mạng trong chiến đấu, khiến quân Pháp phải khiếp sợ gọi các đồng chí là “Hùm xám Liên Bắc”.

Trận đánh ngày 23/6/1950 là trận đánh cuối cùng của đồng chí Lê Thao. Sáng ngày 23/6, tại hầm đèn Tri Chỉ, Lê Thao đang cùng các đồng chí khác bàn kế hoạch chống địch càn quét thì bất ngờ bị quân địch bao vây. Đồng chí nhanh chóng vọt ra cửa hầm, chộp nhanh lấy khẩu tiểu liên của đồng chí Phong, bắn tới tấp vào lũ giặc. Lê Thao vừa chiến đấu vừa dụ địch về phía mình để giải thoát an toàn cho đồng đội. Mặc dù bị thương nhưng Lê Thao đã nhanh chóng ném lựu đạn về phía chúng, lũ giặc chết như ngã rạ. Viên đạn cuối cùng đồng chí dành cho tên chỉ huy Pháp.

Trước lúc hy sinh, Lê Thao vẫn kiêu hãnh hô vang “*Hồ Chủ tịch muôn năm*”. Quân Pháp thi nhau nhả đạn, đồng chí Lê Thao anh dũng hy sinh. Sự hy sinh của đồng chí thể hiện ý chí cách mạng kiên cường của người chỉ huy dũng cảm, bản lĩnh, quyết hy sinh để bảo vệ an toàn cho đồng đội.

Với công lao đóng góp cho cách mạng và thành tích xuất sắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18/3/1958, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tặng thưởng Huân chương Chiến thắng hạng Ba và ngày 23/3/2010, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho liệt sĩ Lê Thao.

Các anh hùng liệt sĩ Hoàng Thị Lê, Phan Xích, Lê Thao là những chiến sĩ cộng sản kiên trung, bất khuất của quê hương Đan Phượng. Sự hy sinh anh dũng của các anh, các chị là biểu tượng cao đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, thể hiện sự cống hiến to lớn, hy sinh tuổi xuân cho sự nghiệp đấu tranh chống kẻ thù xâm lược. Các anh, các chị mãi là tấm gương sáng để thế hệ trẻ hôm nay và mai sau noi theo.

CÂU HỎI:

1. Em hãy tóm tắt quá trình tham gia cách mạng của liệt sĩ Hoàng Thị Lê.
2. Em hãy kể về trận đánh cuối cùng của liệt sĩ Phan Xích.
3. Trong quá trình tham gia cách mạng, đồng chí Lê Thao đã từng được phân công những nhiệm vụ nào?
4. Hãy nêu tóm tắt những đóng góp của liệt sĩ Lê Thao trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

Tiết 2: CÁC ANH HÙNG TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC VÀ THỜI KỲ BẢO VỆ BIÊN GIỚI PHÍA BẮC

I. “CHÍN DŨNG SĨ ĐẬP PHÙNG” - NHỮNG NGƯỜI CON TIÊU BIỂU CỦA QUÊ HƯƠNG TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ

Từ cuối năm 1965, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước diễn ra ác liệt. Với âm mưu “biến miền Bắc nước ta trở lại thời kỳ đồ đá”, trong 2 năm (1966 - 1967), đế quốc Mỹ mở rộng và tăng cường đánh phá miền Bắc. Hà Nội là trọng điểm bắn phá của đế quốc Mỹ. Ngày 17/7/1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước. Lời kêu gọi có đoạn: *“Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố có thể bị tàn phá, song Nhân dân Việt Nam quyết không sợ. Không có gì quý hơn độc lập tự do. Đến ngày thắng lợi, Nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”*.



Toàn cảnh đập Đá

Trên địa bàn huyện Đan Phượng, có đập Đáy (đập Phùng) là công trình phân lũ sông Đáy do thực dân Pháp xây dựng năm 1930, nhằm điều tiết nước cho Thành phố Hà Nội mỗi khi lũ lớn trên sông Đáy dâng cao. Đây còn là công trình thủy lợi quốc gia, có ý nghĩa quan trọng phục vụ sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, đập Đáy trở thành mục tiêu bắn phá trọng điểm của đế quốc Mỹ với âm mưu: phá hủy đập gây úng lụt cho Thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận, phá hoại sản xuất nông nghiệp để miền Bắc giảm sức chi viện cho tiền tuyến miền Nam. Thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân dân huyện Đan Phượng cùng các đơn vị bộ đội chủ lực anh dũng chiến đấu, chống trả 43 trận với máy bay Mỹ, bảo vệ an toàn tuyệt đối đập Đáy.

Từ nhận định đập Đáy là mục tiêu tấn công của đế quốc Mỹ, huyện Đan Phượng đã chủ động bố trí các trận địa bắn máy bay địch. Lực lượng phòng không đánh trả không quân Mỹ có dân quân tự vệ thị trấn Phùng, các xã Song Phượng, Đan Phượng, Liên Hợp (nay là xã Đồng Tháp) phối hợp với các đơn vị tên lửa, pháo cao xạ của bộ đội chủ lực. Các chòi quan sát cũng được bố trí ở thị trấn Phùng. Các cụm chiến đấu liên hoàn được bổ sung tên lửa và thường xuyên có người trực chiến. Dân quân thường xuyên cắt cử lực lượng ngày đêm bảo vệ đập. Tất cả đều giương cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu.

Ngày 28/4/1967, từng tốp máy bay “thần sấm”, “con ma” điên cuồng dội bom nhằm phá hoại đập Đáy, các chiến sĩ dân quân đã dũng cảm chiến đấu. Lực lượng phòng không nhân dân đã nổ súng chiến đấu bảo vệ an toàn đập Đáy. Ở cụm chiến đấu liên hoàn, 9 đồng chí tuổi từ 17 đến 32 là: Tạ Văn Đánh, Tạ Văn Giáp, Tạ Thị Gái, Ngô Thị Lâm, Quách Thị Hợi, Bùi Thị Lấu (xã Song Phượng), Nguyễn Văn Cạnh, Nguyễn Văn Sen, Trần Văn Ghi (xã Đồng Tháp) đã anh dũng hy sinh. 9 chiến sĩ được Nhà nước truy tặng Huân chương Chiến công, Ủy ban hành chính tỉnh Hà Tây tặng Huy hiệu Chiến thắng “5-8” và truy tặng danh hiệu “Dũng sĩ đập Phùng”.



Đài tưởng niệm 9 dũng sĩ đập Phùng tại xã Đồng Tháp

Các anh, các chị đã hy sinh anh dũng khi độ tuổi còn rất trẻ, cống hiến trọn đời cho sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà. Tấm gương sáng ngời của các đồng chí mãi mãi khắc sâu trong tâm trí của mọi người dân Đan Phượng hôm nay và mai sau.

II. LIỆT SĨ HOÀNG HỮU CHUYÊN - ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

Anh hùng Hoàng Hữu Chuyên sinh năm 1951⁽¹⁾ tại thôn Hạ, xã Liên Trung. Sinh ra trong một gia đình nghèo, có truyền thống cách mạng, vào tháng 4/1970, khi cả nước sục sôi đánh Mỹ, Hoàng Hữu Chuyên hăng hái lên đường vào Nam chiến đấu.

Trong thời gian kháng chiến chống đế quốc Mỹ, đồng chí đã tham gia 5 chiến dịch lớn, chiến đấu 32 trận, 6 lần bị thương. Sau khi chữa trị, sức khỏe giảm nhiều, đơn vị cho về phía sau nhưng đồng chí vẫn tha thiết xin ở lại trận địa chiến đấu.

⁽¹⁾ Theo tài liệu của Cục Chính sách Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, đồng chí Hoàng Hữu Chuyên sinh năm 1952.

Trong trận chiến đấu tháng 12/1970 ở Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng (Lào), mặc dù địch đông nhưng Hoàng Hữu Chuyên vẫn chỉ huy đồng đội chiến đấu diệt nhiều tên địch, bảo vệ được Nhân dân nước bạn Lào, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của người lính tình nguyện.



*Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân **Hoàng Hữu Chuyên** (1951 - 1984)*

Tháng 12/1971, đồng chí chỉ huy trung đội bí mật luôn rừng, leo núi đánh điểm cao 1663 ở Bắc Phú, Long Chặng (Lào), diệt gọn một đại đội địch.

Tháng 10/1972, đồng chí chỉ huy trung đội chiến đấu ở Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng, mặc dù địch đông gấp nhiều lần, đồng chí vẫn chỉ huy linh hoạt, mưu trí, diệt hơn 100 tên, được Nhân dân nước bạn hết lời ca ngợi.

Trận chiến đấu ngày 10/3/1975, đánh cao điểm Chư Duê ở Buôn Ma Thuật. Mặc dù máy bay, pháo binh bắn phá dữ dội vào đội hình tiến quân của đơn vị, Hoàng Hữu Chuyên vẫn bình tĩnh chỉ huy đại đội đánh nhanh, đánh mạnh. Sau 30 phút chiến đấu ác liệt, đại đội chiếm được điểm cao và cắm cờ trên Sở chỉ huy của Sư đoàn 25 ngụy khiến quân địch hoang mang bỏ chạy.

Năm 1979, chiến tranh biên giới Việt - Trung nổ ra, đồng chí tiếp tục cầm súng tham gia chiến đấu ở chiến trường biên giới phía Bắc.

Giữa năm 1984, đồng chí mang quân hàm Đại úy, là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 3 bộ binh, Trung đoàn 174, Sư đoàn 316, Quân đoàn 6 (sau đổi là Quân đoàn 29), Quân khu 2. Ngày 12/7/1984, địch huy động một lực lượng với hỏa lực mạnh bắn ác liệt vào điểm cao 233, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Tuyên (nay thuộc tỉnh Hà Giang) nhằm ngăn chặn đường tiến quân của ta. Trong trận này, địch ở thế có lợi, nhưng đồng chí không hề nao núng, bình tĩnh chỉ huy tiểu đoàn nhanh chóng đánh nhanh, đánh mạnh, kiên quyết tấn công tiêu diệt địch. Kết quả chỉ sau 30 phút, đơn vị đã đánh chiếm được mục tiêu và diệt hàng trăm tên địch. Địch tập trung hỏa lực bắn hàng nghìn đạn pháo và nhiều loại súng, đồng thời tổ chức lực lượng mở nhiều đợt tấn công hòng chiếm lại trận địa. Hoàng Hữu Chuyên nêu cao tinh thần dũng cảm, bình tĩnh chỉ huy, linh hoạt, mưu trí tiêu diệt địch ở từng đoạn giao thông hào, công sự, đánh bật các đợt tấn công của chúng. Đồng chí anh dũng hy sinh sau khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đồng chí Hoàng Hữu Chuyên đã được tặng thưởng 2 Huân chương Chiến công hạng Nhất, 1 Huân chương Chiến công hạng Nhì, 1 Huân chương Chiến công hạng Ba, truy tặng Huân chương Quân công hạng Nhì và được thăng quân hàm Thiếu tá.

Ngày 29/8/1985, liệt sĩ Hoàng Hữu Chuyên được Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

Liệt sĩ Hoàng Hữu Chuyên là tấm gương sáng ngời về chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, là sự kết tinh của truyền thống đấu tranh yêu nước kiên trung, bất khuất, sắt son, có ý chí, nghị lực quyết tâm chiến thắng mỗi khi ra trận. Hoàng Hữu Chuyên đã hy sinh nhưng gương anh hùng của anh còn sống mãi với quê hương, đất nước.

CÂU HỎI:

1. Vì sao không quân Mỹ chọn đập Đáy làm mục tiêu tấn công?
2. Đập Đáy được quân và dân ta bảo vệ như thế nào? Em hãy kể tên 9 dũng sĩ đã hy sinh anh dũng tại đập Đáy năm 1967.
3. Em hãy kể lại trận chiến đấu ngày 12/7/1984 ở điểm cao 233 Vị Xuyên do Hoàng Hữu Chuyên chỉ huy.
4. Em hãy tìm hiểu thêm những gương liệt sĩ trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ trên quê hương Đan Phượng.
5. Em có suy nghĩ gì trước sự hy sinh của những liệt sĩ trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ của dân tộc?

Bài 4 (Lớp 9)

NHỮNG SỰ KIỆN TIÊU BIỂU CỦA QUÂN DÂN ĐAN PHƯỢNG (1945 - 1967) (2 tiết)

Tiết 1: QUÁ TRÌNH ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

I. CUỘC MÍT TÌNH TUYÊN TRUYỀN NGÀY 12/8/1945 TẠI CHỢ DÀY⁽¹⁾

1. Hoàn cảnh lịch sử

Ngày 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, chủ trương đẩy mạnh phong trào đấu tranh lên hình thức cao hơn như: tuyên truyền xung phong, mít tinh công khai, phát triển các tổ chức chính trị, vũ trang, phá kho thóc của Nhật. Thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, cả nước dấy lên cao trào cách mạng chưa từng có, Nhân dân nhiều nơi nổi dậy khởi nghĩa. Phong trào ở huyện Đan Phượng phát triển mạnh và có chiều sâu vững chắc.

Tại Hạ Trì⁽²⁾, hoạt động của thanh niên càng phát triển mạnh mẽ. Đêm đêm mọi người luyện tập vũ trang, sắm sửa vũ khí.

Tháng 5/1945, tổ Thanh niên Cứu quốc xã Hạ Trì được thành lập.

Để biểu dương lực lượng và thúc đẩy phong trào đấu tranh, đồng chí Phạm Văn Long và Hoàng Văn Phấn dự định tổ chức cuộc mít tinh của thanh niên, học sinh ở chợ Dày. Tổ Việt Minh ở Bạch Mai (Hà Nội) quyết định để thanh niên Hạ Trì mít tinh và biến cuộc mít tinh của thanh niên thành cuộc tuyên truyền vũ trang của Việt Minh Bạch Mai, ấn định tổ chức mít tinh vào ngày 12/8/1945.

⁽¹⁾ Chợ Dày trước kia thuộc xã Hạ Trì, được hình thành từ lâu đời, là nơi trao đổi hàng hóa của Nhân dân trong vùng Hạ Trì. Ngày nay, chợ Dày thuộc xã Liên Trung, huyện Đan Phượng.

⁽²⁾ Hạ Trì là một xã cũ, ngày nay là địa bàn các xã: Liên Trung, Liên Hà và Liên Hồng.

Bầu ta có thể rung được
Máu ta có thể rỏ được
Xương ta có thể nát được
Nhà ta có thể tan được

Tuyên truyền
(gửi lại)

NHƯNG

Nước ta không thể mất được

Giờ đã đến!

Chúng ta hãy muôn người
như một. Nhất quyết

GIẾT GIÁC CỨU NƯỚC

Hỡi sinh dân giết máu cướp
cũng để giữ vững nền độc lập

Tờ truyền đơn tuyên truyền khởi nghĩa của Mặt trận Việt Minh

Các đồng chí trong Tổ Việt Minh Bạch Mai tới dự và bí mật chỉ đạo mít tinh. Đội thanh niên, học sinh Hạ Trì với danh nghĩa thanh niên tiên tiến tổ chức “Lễ chào cờ quẻ ly”⁽¹⁾ để tuyên truyền nếp sống mới một cách hợp pháp, do vậy đã lôi kéo được Tri phủ Hoài Đức là Đinh Gia Trinh⁽²⁾ cùng nhiều hào lý trong vùng đến dự.

2. Diễn biến

Sáng sớm ngày 12/8/1945, thanh niên Hạ Trì đã có mặt đầy đủ ở chợ Dày. Thanh niên các xã được mời dự như: Tân Hội, Thượng Trì cũng lần lượt kéo đến. Đồng chí Phạm Văn Long và Hoàng Văn Phấn trực tiếp chủ trì cuộc mít tinh.

⁽¹⁾ Cờ quẻ ly: Cờ của Chính phủ thân Nhật - Đế quốc Việt Nam, do Trần Trọng Kim làm Thủ tướng.

⁽²⁾ Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Tri phủ Hoài Đức Đinh Gia Trinh giác ngộ và trở thành cán bộ phục vụ cách mạng, phục vụ kháng chiến.



Chợ Dày - nơi diễn ra cuộc mít tinh tuyên truyền chuẩn bị tiến tới giành chính quyền, ngày 12/8/1945



Bia kỷ niệm sự kiện ngày 12/8/1945 tại chợ Dày

Khoảng 10 giờ sáng, khi thanh niên và Nhân dân đã đứng chật từ trên đê đến cuối chợ Dày, cuộc mít tinh bắt đầu. Tri phủ Hoài Đức Đinh Gia Trinh bước lên bục diễn thuyết, nói được mấy câu, đồng chí Lê Văn Diễn (thanh niên Việt Minh Bạch Mai) lấy súng yêu cầu Đinh Gia Trinh lùi ra sau. Ngay lúc đó,

cờ quẻ ly bị giật xuống, lá cờ đỏ sao vàng được kéo lên. Đồng chí Nguyễn Văn Sâm (cán bộ Việt Minh Bạch Mai) lên đọc lời tuyên truyền “kêu gọi đồng bào ủng hộ và tham gia phong trào Việt Minh”.

Sau lời kêu gọi, toàn thể mọi người nắm tay giơ cao hô vang “ủng hộ”, “ủng hộ”. Cuối cuộc mít tinh tất cả đồng thanh hô lớn các khẩu hiệu:

- Đả đảo phát xít Nhật.
- Đả đảo chính phủ bù nhìn tay sai của Nhật.
- Việt Nam độc lập muôn năm!

Buổi diễn thuyết kết thúc thắng lợi, lực lượng thanh niên Bạch Mai rút lui an toàn. Hào lý và Tri phủ Hoài Đức bàng hoàng, sợ hãi.

3. Ý nghĩa lịch sử

Cuộc mít tinh diễn ra nhanh chóng, an toàn. Thành công của buổi mít tinh tuyên truyền đã tạo tiếng vang lớn trong vùng. Đây là sự kiện mở đầu cho cuộc vận động cách mạng tiến tới Cách mạng tháng Tám trên quê hương Đan Phượng nói riêng, Hà Nội nói chung.

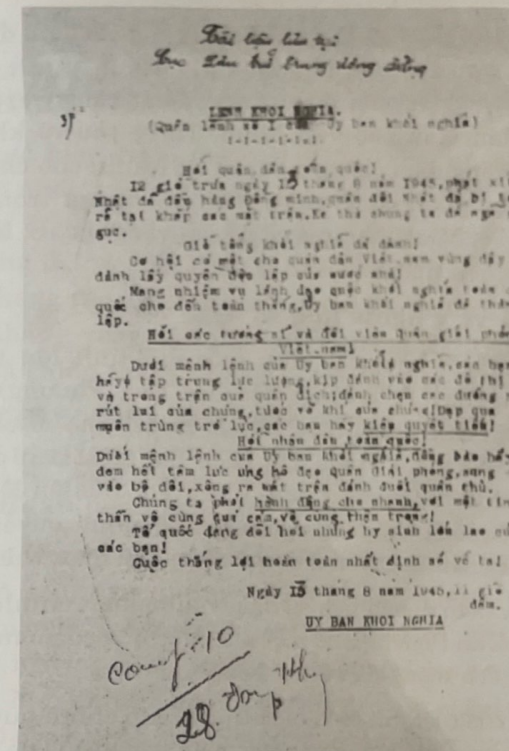
II. CUỘC BIỂU TÌNH GIÀNH CHÍNH QUYỀN CỦA NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG TỪ NGÀY 21 - 23/8/1945

1. Hoàn cảnh lịch sử

Ngày 13/8/1945, ngay sau khi nghe tin phát xít Nhật bại trận và sắp đầu hàng Đồng minh, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập và ra Quân lệnh số 1 kêu gọi toàn dân nổi dậy.

Thời cơ cách mạng đã đến, Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) từ ngày 14 đến ngày 15/8/1945 đã quyết định phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

Ngày 17/8/1945, Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ họp tại Vạn Phúc, Hà Đông quyết định khởi nghĩa ở Hà Nội vào sáng ngày 19/8/1945. Trong 2 ngày (17 - 18/8/1945), Mặt trận Việt Minh Đan Phượng tổ chức cho các đoàn thể cứu quốc bí mật may cờ đỏ sao vàng, xay thóc, giã gạo chuẩn bị cho khởi nghĩa.

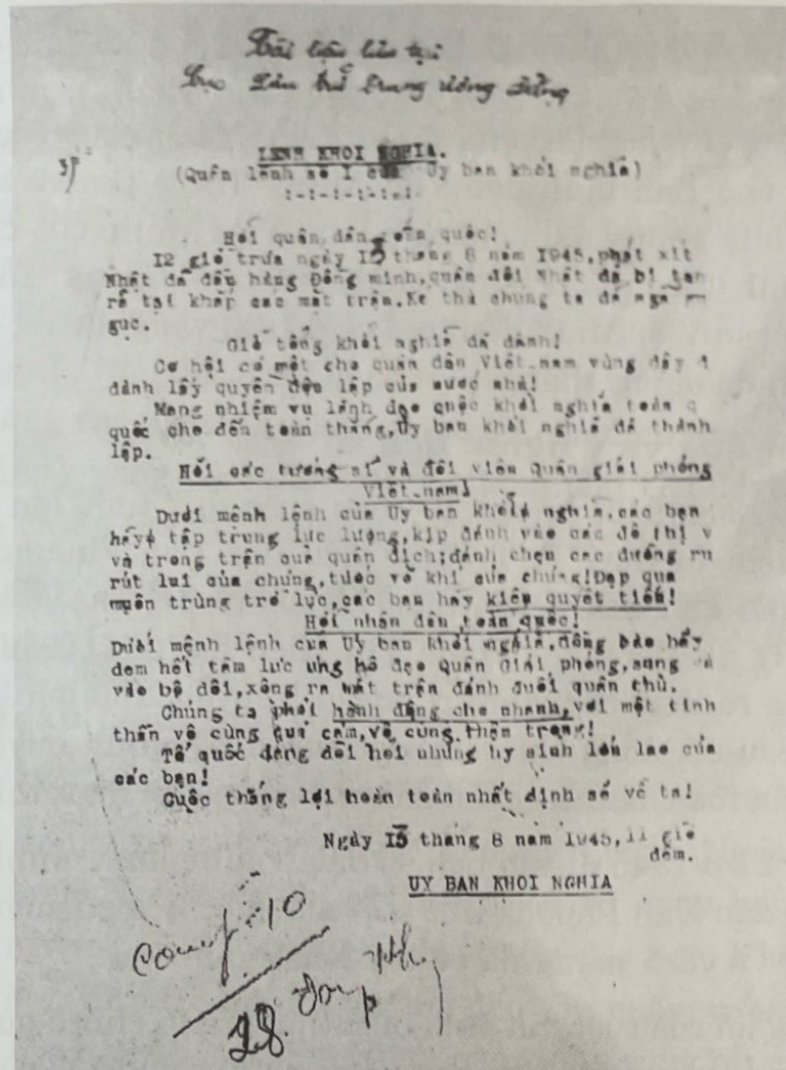


Quân lệnh số 1 ra ngày 13/8/1945 của Ủy ban khởi nghĩa (Tài liệu được trưng bày tại Nhà truyền thống huyện Đan Phượng)

2. Diễn biến

Sáng ngày 21/8/1945, trời mưa rất to, đông người dân quần chúng Nhân dân huyện Đan Phượng giương cờ đỏ sao vàng và vũ khí tập trung tại đền Bách Linh của xã Trì, xã Đan Phượng (nay là tổ dân phố Phường Trì) để tham gia biểu tình vũ trang chiếm huyện.

Đúng 10 giờ, lệnh xuất quân phát ra, đoàn biểu tình từ đền Bách Linh, theo đường trục qua Đông Khê, Phụng, sang Phường Trì vào huyện. Các khẩu hiệu hô vang “Đả đảo phát xít Nhật!”, “Đả đảo Chính phủ Trần Trọng Kim!”, “Lập Chính phủ Cộng hòa dân chủ Việt Nam”, “Việt Nam độc lập muôn năm!” hô vang khắp xóm ngõ, chấn động mi



Quân lệnh số 1 ra ngày 13/8/1945 của Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc
(Tài liệu được trưng bày tại Nhà truyền thống huyện Đan Phượng)

2. Diễn biến

Sáng ngày 21/8/1945, trời mưa rất to, đông đảo lực lượng quần chúng Nhân dân huyện Đan Phượng giương cao cờ đỏ sao vàng và vũ khí tập trung tại đền Bách Linh của thôn Phượng Trì, xã Đan Phượng (nay là tổ dân phố Phượng Trì, thị trấn Phùng) để tham gia biểu tình vũ trang chiếm huyện lỵ.

Đúng 10 giờ, lệnh xuất quân phát ra, đoàn biểu tình tiến từ đền Bách Linh, theo đường trục qua Đông Khê, đến Đại Phùng, sang Phượng Trì vào huyện. Các khẩu hiệu “Đả đảo phát xít Nhật!”, “Đả đảo Chính phủ Trần Trọng Kim!”, “Thành lập Chính phủ Cộng hòa dân chủ Việt Nam”, “Việt Nam độc lập muôn năm!” hô vang khắp xóm ngõ, chấn động một vùng.

Khi tới huyện đường, lá cờ đỏ sao vàng cỡ lớn đã được giương cao trước cửa, Nhân dân đứng kín xung quanh, chứng kiến tri huyện và thừa phái mang triện đồng cùng các loại sổ sách nộp cho Ban lãnh đạo Việt Minh. Tự vệ thu vũ khí, đạn dược. Lính lệ không dám chống cự, ta (Việt Minh) cho chúng về với gia đình. Dọc phố Phùng, trước cửa nhà dân và trong làng nơi đặt trụ sở Việt Minh đều treo cờ đỏ sao vàng rực rỡ, biểu thị Việt Minh đã chiến thắng.

3. Kết quả và ý nghĩa lịch sử

Ngày 23/8/1945, huyện tổ chức cuộc mít tinh lớn tại sân trường Kiêm bị (nay là Trường Tiểu học Đan Phượng), hàng nghìn người dân từ các xã trong huyện về dự. Sau lễ chào cờ, tuyên bố lý do, đồng chí Phạm Thị Hiền đại diện Ban chỉ đạo khởi nghĩa ra lệnh cho viên tri huyện Nguyễn Như lên lễ đài để từ chức. Sau đó, đồng chí đồng dục tuyên bố chính quyền cũ bị xóa bỏ hoàn toàn, chính quyền dân chủ nhân dân được thành lập.

Ngày 21/8/1945 đi vào lịch sử đấu tranh giành chính quyền của Nhân dân Đan Phượng như một dấu mốc lịch sử quan trọng. Chính quyền cách mạng đã về tay Nhân dân.

Thắng lợi của cuộc mít tinh biểu tình giành chính quyền của huyện Đan Phượng có ý nghĩa vô cùng quan trọng, xóa bỏ bộ máy tay sai do đế quốc, phong kiến lập ra, thành lập chính quyền cách mạng. Người dân lao động từ thân phận nô lệ, lầm than thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình.

CÂU HỎI:

1. Em hãy cho biết lực lượng chính tham gia cuộc mít tinh tuyên truyền ngày 12/8/1945 tại chợ Dày.
2. Diễn biến cuộc mít tinh tuyên truyền tại chợ Dày. Nêu ý nghĩa của cuộc mít tinh.
3. Em hãy nêu tóm tắt diễn biến cuộc biểu tình giành chính quyền tại huyện Đan Phượng ngày 21/8/1945.
4. Ý nghĩa lịch sử của cuộc biểu tình giành chính quyền tại huyện Đan Phượng ngày 21/8/1945?

Tiết 2: CHIẾN THẮNG CHỢ GỐC NGÔ (XÃ TRUNG CHÂU) NGÀY 17/8/1948 VÀ CHIẾN THẮNG “3 NGÀY 5 TRẬN” (XÃ TÂN HỘI)

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Liên Bắc lần thứ nhất, trong những năm 1947 - 1948, quân và dân Đan Phượng đẩy mạnh các hoạt động chiến tranh du kích đánh địch, phá tề, trừ gian. Đây là cơ sở để quân và dân Đan Phượng đánh thắng các cuộc tấn công, càn quét của địch, làm nên nhiều chiến thắng vang dội như: chiến thắng chợ Gốc Ngô ở Trung Châu và chiến thắng “3 ngày 5 trận” ở Tân Hội.

I. CHIẾN THẮNG CHỢ GỐC NGÔ (XÃ TRUNG CHÂU) NGÀY 17/8/1948

1. Hoàn cảnh lịch sử

Chợ Gốc Ngô nằm trên một khoảng đất rộng 7.000 m², gần chân đê sông Hồng, thuộc làng Phương Lương Ngoại (nay là làng Phương Ngoại, xã Trung Châu), cứ 10 ngày họp 4 phiên vào các ngày 3, 5, 8, 10 (âm lịch). Cách chợ hơn 1 km có đồn Thượng Mỗ, lính trong đồn thường đến càn quấy, trêu ghẹo phụ nữ, cướp bóc hàng hóa khiến Nhân dân trong vùng rất căm phẫn.

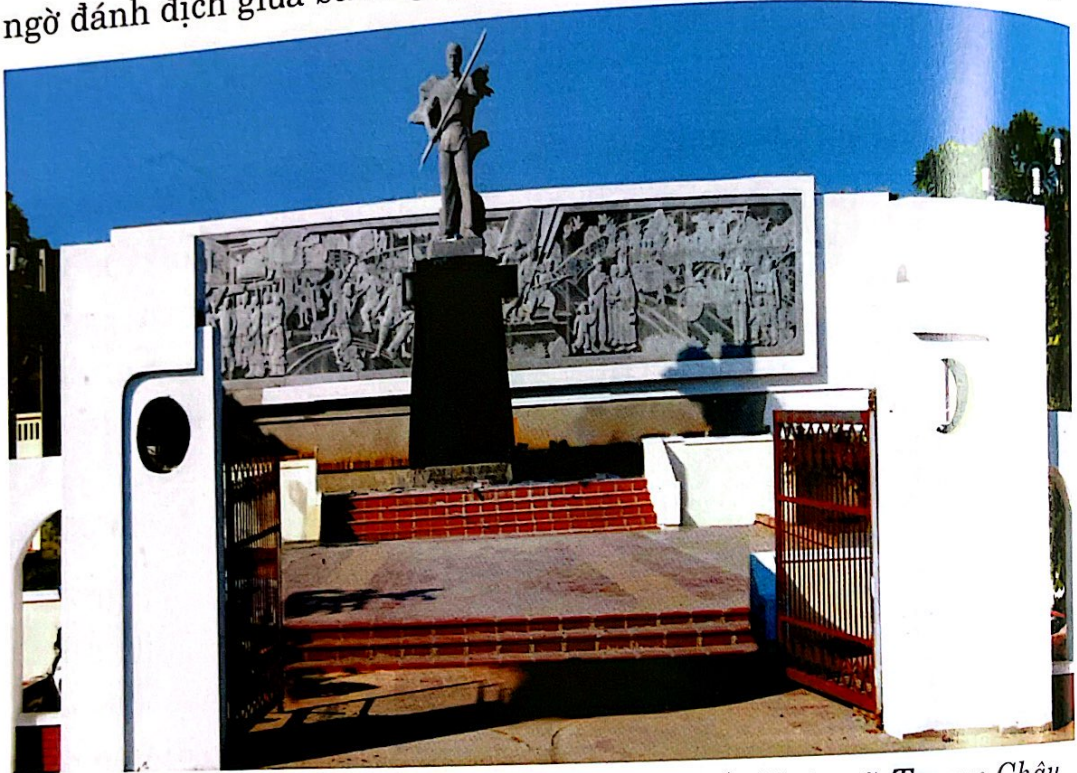
Được sự chỉ đạo của Huyện đội Liên Bắc, dưới sự chỉ huy của đồng chí Chính trị viên Xã đội Thiều Ngọc Trân, du kích xã Ngũ Châu (địa bàn xã Trung Châu ngày nay) tổ chức một trận đánh táo bạo giữa ban ngày tại chợ Gốc Ngô. Trận địa dự kiến được bố trí bí mật từ tối 16/8/1948 (tức ngày 12/7 âm lịch).

2. Diễn biến

Đúng như phán đoán, gần 9 giờ sáng ngày 13/7 (âm lịch), 14 tên lính như thường lệ vác súng xuống chợ.

Theo phương án chiến đấu đã định, lúc chợ đông, 14 chiến sĩ du kích giả làm người đi chợ bí mật theo sát các tên lính. Đồng chí Xã đội phó đứng trên đê bao quát tình hình. Ngoài ra, còn có hai đồng chí công an đặc biệt của huyện đến phối hợp hỗ trợ trận đánh.

Theo dự kiến, động tác phát khăn của đồng chí Xã đội phó là ám hiệu để mọi người hành động. Kế hoạch chưa triển khai thì một người du kích vô tình để lộ con dao găm gài bên mình. Để giành thế chủ động, du kích hành động trước. Cả chợ là một trận quyết chiến. Đòn gánh, đòn càn giấu trên lều chợ được rút xuống. Dao, xiên, cuốc ở bể lò rèn nhanh chóng được du kích mang ra tấn công giặc. Đồng chí Nguyễn Văn Cáp ngụy trang chiếc cuốc chim trên vai đến lò rèn để theo sát một tên giặc, được lệnh, đồng chí dồn sức mạnh đập cuốc vào đầu giặc, tên lính chết ngay tại chỗ. Cứ một đánh một, du kích chủ động, bất ngờ đánh địch giữa ban ngày. Chúng không kịp trở tay nổ súng.



Tượng đài chiến thắng chợ Gốc Ngô tại chợ Gốc Ngô, xã Trung Châu

Người dân trong chợ với đòn gánh, gậy, thúng, quang, sọt phối hợp với du kích đánh địch. Hàng trăm người như sóng, vùng lên tiêu diệt địch.

3. Kết quả, ý nghĩa

Sau 20 phút, du kích được lệnh rút lui về vị trí tập kết.

Kết thúc trận đánh, du kích giết chết 3 tên giặc và thu về 3 khẩu súng trường. Những tên còn lại chạy về bót. Đồng chí Chính trị viên Thiều Ngọc Trân anh dũng hy sinh.

Trận đánh tại chợ Gốc Ngô tuy quy mô nhỏ nhưng đã thể hiện sức mạnh lòng dân, sự trưởng thành của du kích Ngũ Châu với cách đánh có kế hoạch, có tổ chức, mưu trí, dũng cảm, đánh thắng giặc chỉ bằng vũ khí thô sơ. Trận đánh có ý nghĩa mở đầu cho phong trào chiến tranh du kích địa phương. Đối với kẻ thù, đây là đòn cảnh cáo, khiến chúng không dám huênh hoang như trước. Sau chiến thắng ở chợ Gốc Ngô, huyện Liên Bắc tổ chức báo cáo mừng công ở Thái Lai (Yên Lãng, Phúc Yên).

Chiến thắng chợ Gốc Ngô với biểu tượng “đòn gánh đánh giặc” đã in sâu trong lòng Nhân dân với lời ca:

“Hoan hô chiến sĩ Gốc Ngô

Đánh giặc, cướp súng gần trưa chợ nhà

Đúng là tháng Bảy, mười ba

Giết ba tên lính, giặc đà thua to”

II. CHIẾN THẮNG “3 NGÀY 5 TRẬN” NĂM 1948 Ở TIỂU KHU GỐI (TÂN HỘI, TÂN LẬP)

1. Hoàn cảnh lịch sử

Giữa tháng 8/1948, du kích xã Tân Hội⁽¹⁾ thường xuyên đánh trống báo động, loan tin Việt Minh về làng nhằm lừa địch đến để đánh. Đúng như dự đoán, bọn chúng tập trung quân ở bột Phùng, Lai Xá, Bồng Lai, Hạ Trì... tràn vào Tân Hội. Suốt từ ngày 22 - 24/8, địch tràn 5 trận vào xã.

2. Diễn biến

Ngày thứ nhất: Ngày 22/8, một trung đội lính Âu - Phi và một trung đội lính ngự ở Lai Xá về Tân Lập. Đến cầu Xây (Hạnh Đàn), quân địch lọt vào trận địa phục kích của lực lượng dân quân du kích do đồng chí Nguyễn Văn Chín (Tân Lập) chỉ huy. Kết quả, ta tiêu diệt 10 tên địch, làm nhiều tên khác bị thương.

⁽¹⁾ Trước năm 1956, xã Tân Hội cũ là địa bàn của 2 xã Tân Hội và Tân Lập ngày nay.

Ngày thứ hai: Sáng 23/8, địch từ bột Bông Lai kéo vào Tân Hội. Đến miếu Voi Phục, địch rơi vào ổ phục kích của dân quân du kích và Trung đội 121. Trận đánh diễn ra ác liệt, ta tiêu diệt 13 tên địch, nhiều tên còn lại bị thương.

Chiều cùng ngày, 2 trung đội lính Âu - Phi, lính ngự từ bột Phùng và Thượng Mỗ đi qua làng Vĩnh Kỳ tiến xuống chợ Gối. Trên đường đi, địch trúng vào mìn của ta. Bị đánh bất ngờ, chúng hoảng sợ bỏ chạy về bột Phùng. Ta tổ chức truy kích.

Như vậy, trong hai ngày, chúng đã vấp phải 3 trận phục kích ở Tân Hội. Bị tổn thất liên tiếp, bọn chỉ huy ở bột Phùng đã điện cho các đồn bột xung quanh chuẩn bị tập trung phối hợp trận càn lớn vào Tân Hội.

Để chủ động đối phó, tối 23/8, đồng chí Phan Xích triệu tập Hội nghị liên tịch (tại nhà bà Tổng Cự, thôn Thúy Hội, xã Tân Hội). Đồng chí Lê Thao cùng dự họp. Hội nghị quyết định triển khai kế hoạch tác chiến cho ngày hôm sau: *"Phải nhử địch vào sâu các ngõ xóm kín có nhiều cổng, cửa vững chắc, nằm trong hệ thống liên hoàn, tạo điều kiện thuận lợi để tiêu diệt địch"*. Địa bàn chiến đấu chính là đầu làng Vĩnh Kỳ và Thúy Hội. Hội nghị kết thúc, các lực lượng dân quân, du kích và Trung đội 121 nhanh chóng di chuyển về vị trí mai phục địch.

Ngày thứ ba: 5 giờ sáng ngày 24/8, đúng như dự đoán, một binh lực lớn gồm quân Âu - Phi và lính ngự từ các bột xung quanh tiến vào bao vây Tân Hội.

Địch lọt vào trận địa phục kích của ta ở Thúy Hội, khi đến xóm Giếng thì quả mìn 5 kg nổ, quân địch chạy tản ra và bắn xối xả vào trận địa của ta. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt. Ta và địch giành giật nhau từng ngõ xóm, từng ngôi nhà. Bị đánh bất ngờ, chúng vội vã rút về Vĩnh Kỳ để hội quân và xin tiếp viện.

Ngay lúc đó, đồng chí Phan Xích, Lê Thao đến từng trận địa để động viên tinh thần chiến sĩ với quyết tâm "quyết biến Tân Hội làm mồ chôn giặc Pháp".

12 giờ trưa, địch mở cuộc tấn công, nhưng chúng đi đến đâu đều bị ta chặn đánh ở đó. Đến 3 giờ chiều, chúng buộc phải rút lui, để lại 69 xác chết. Trên đường tháo chạy, chúng điên cuồng đốt phá, làm cháy hơn 100 nóc nhà. Lực lượng ta có 1 đồng chí anh dũng hy sinh và 2 đồng chí bị thương.



Đồng chí **Phan Xích** (bên phải), **Lê Thao** (bên trái)

3. Kết quả, ý nghĩa

Kết thúc “3 ngày 5 trận”, ta đã liên tục bẻ gãy nhiều cuộc càn quét quy mô lớn của địch, tiêu diệt 92 tên, làm nhiều tên bị thương, thu nhiều vũ khí.

Thực dân Pháp nể sợ gọi đồng chí Phan Xích, Lê Thao là “Hùm xám Liên Bắc”. Còn Nhân dân trong vùng gọi các đồng chí là “Hùm xám của Liên Bắc”.

Chiến công của quân và dân tiểu khu Gối (Tân Hội, Tân Lập) làm nức lòng Nhân dân, có tác dụng động viên tinh thần chiến đấu của quân và dân trong vùng. Tự hào về chiến công “3 ngày 5 trận”, quân và dân Tân Hội, Tân Lập có câu ca:

*“Ba ngày năm trận liên miên
Đánh cho giặc Pháp chết liên trăm tên”*

CÂU HỎI:

1. Em hãy nêu khái quát về diễn biến trận đánh chợ Gốc Ngô ngày 17/8/1948 tại Trung Châu.
2. Chiến thắng “3 ngày 5 trận” diễn ra như thế nào? Ý nghĩa lịch sử của chiến thắng đó?

PHẦN III
BÀI GIẢNG DÀNH CHO
HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Bài 1 (Lớp 10):
TRUYỀN THỐNG BA ĐẢM ĐANG
CỦA PHỤ NỮ ĐAN PHƯỢNG (1 tiết)

I. Hoàn cảnh ra đời của phong trào phụ nữ “Ba đảm đang”

Ngày 05/8/1964, sau khi dựng lên “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ”, đế quốc Mỹ cho máy bay đánh phá nhiều nơi ở miền Bắc, hòng ngăn chặn viện trợ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến miền Nam. Nhân dân miền Bắc nói chung và Đan Phượng nói riêng ra sức thi đua sản xuất, chiến đấu với các phong trào hành động cách mạng sôi nổi. Thanh niên có phong trào “Ba sẵn sàng”, quân đội có phong trào “Ba quyết tâm”, ngành Công nghiệp có phong trào “Ba điểm cao”. Giữa phong trào thi đua sôi nổi của các ngành, các giới, đòi hỏi Hội Phụ nữ huyện Đan Phượng phải có một phong trào thi đua riêng. Trước yêu cầu đó, đầu năm 1965, Hội Phụ nữ huyện xin ý kiến Huyện ủy Đan Phượng phát động phong trào thi đua của phụ nữ với tên gọi “Ba đảm nhiệm”.

Ngày 08/3, Hội Phụ nữ huyện chính thức phát động phong trào thi đua “Ba đảm nhiệm”. Phong trào lôi cuốn được đông đảo chị em phụ nữ toàn huyện tham gia. Tính đến ngày 16/3, cả huyện đã có 5.635 chị em nộp đơn đăng ký.

Ngày 18/3, trên trang nhất báo Nhân Dân đăng tin phụ nữ Đan Phượng phát động phong trào “Ba đảm nhiệm” và gây được tiếng vang lớn. Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đánh giá cao 3 nội dung của phong trào và quyết định nhân rộng.

Ngày 19/3/1965, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chính thức phát động phong trào “Ba đảm nhiệm” thành một cao trào rộng khắp miền Bắc với ba nội dung rút gọn: *Đảm nhiệm sản xuất thay thế chồng con đi chiến đấu; đảm nhiệm gia đình để chồng con yên tâm chiến đấu; Đảm nhiệm sẵn sàng phục vụ chiến đấu khi cần thiết.*

CHỈ THỊ

Về mở cuộc vận động phong trào "Ba đảm nhiệm"
trong phụ nữ, tăng cường đẩy mạnh sản xuất
sẵn sàng chiến đấu

**I. - TÌNH HÌNH NHIỆM VỤ MỚI, TĂNG CƯỜNG
ĐẨY MẠNH SẢN XUẤT SẢN SÀNG CHIẾN ĐẤU :**

Đã gần thế kỷ ở miền Nam, hiện nay đế quốc Mỹ đang điên cuồng, âm mưu tính toán tiến thêm một bước phiêu lưu mạo hiểm mới, mở rộng chiến tranh ra toàn cõi Đông Dương. Chúng liên tiếp đưa thêm hàng vạn quân Mỹ và quân của bọn tay sai Nam Triều-tiên cùng nhiều loại vũ khí đạn dược, máy bay chiến đấu và tên lửa phòng không vào miền Nam ; đi đôi với hành động tấn công khiêu khích miền Bắc ngày càng trắng trợn và càng tiến sâu thêm vào lãnh thổ của ta để oanh tạc bắn phá. Chúng đang dùng không quân và cả hải quân để trực tiếp gây chiến tranh đối với miền Bắc, uy hiếp nghiêm trọng đến an ninh của tổ quốc và sự nghiệp lao động hòa bình của nhân dân ta.

Tình hình hiện nay, không cho phép chúng ta suy nghĩ và hành động như lúc bình thường, mà phải đặt mình vào một tình thế mới : miền Bắc không phải hoàn toàn hòa bình nữa mà đang trong tình thế có chiến tranh, chúng ta đang sống trong một hoàn cảnh toàn dân chống đế quốc Mỹ. Cách mạng miền Nam nhất định sẽ tiến lên với yêu cầu ngày càng cao và đế quốc Mỹ càng gần ngày thất bại thì chúng sẽ càng hung hãn và liều lĩnh. Vì vậy, lúc này hơn lúc nào hết chúng ta phải đề cao cảnh giác, tỏ rõ quyết tâm kiên quyết chiến đấu đến cùng cho sự nghiệp thống nhất Tổ quốc ; quyết không chùn bước trước bất cứ sự uy hiếp nào của đế quốc Mỹ, trước mắt phải đẩy mạnh sản xuất sẵn sàng chiến đấu để ra sức nỗ lực xây dựng và bảo vệ cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc làm cho miền Bắc mạnh mẽ và vững chắc về mọi mặt, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu và hành động đen tối của kẻ thù, đồng

*Chỉ thị số 03/CTH ngày 22/3/1965 của Ban Thường trực Trung ương
Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về mở cuộc vận động phong trào
"Ba đảm nhiệm" trong phụ nữ, tăng cường đẩy mạnh sản xuất,
sẵn sàng chiến đấu, mở đầu xây dựng phong trào
phụ nữ "Ba đảm đang" trên cả nước*

Phong trào nhanh chóng được triển khai đến mọi miền, mọi nhà. Sau 2 tháng, toàn miền Bắc đã có 1,7 triệu phụ nữ đăng ký tham gia. Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú ý đến phong trào của chị em phụ nữ và chỉ thị sửa từ "Ba đảm nhiệm" thành "Ba đảm đang". Trong "Lời kêu gọi nhân ngày 20-7" năm 1965, Người đã kêu gọi: "Chị em phụ nữ hãy thực hiện thật tốt "Ba đảm đang" góp phần đắc lực đánh thắng giặc Mỹ xâm lược...".

Như vậy, từ một đốm lửa "Ba đảm nhiệm" ở Đan Phượng đã được nhân rộng và chuyển thành một cao trào thi đua rộng lớn khắp miền Bắc. Từ đây, phụ nữ Đan Phượng được Nhân dân cả nước biết đến với tên gọi "Quê hương người gái đảm" và trở thành nơi khởi nguồn của phong trào "Ba đảm đang".

II. Phong trào “Ba đảm đang” tại Đan Phượng trong thời kỳ chống Mỹ

Sau khi xác định được mục tiêu của phong trào, với tinh thần “Ruộng rẫy là chiến trường, cuốc cày là vũ khí”, chị em hội viên “tay cày, tay súng” thi đua sôi nổi, mỗi người làm việc bằng hai, bằng ba, đồng thời tham gia bảo vệ công sự và trực tiếp chiến đấu.

Trong sản xuất, chị em làm cả phần việc của nam giới để chồng con yên tâm ra trận, kể cả việc cày bừa. Tại các xã Trung Châu, Thọ An, Thọ Xuân, Phương Đình, chị em tranh thủ làm đất ban đêm để kịp thời vụ gieo trồng hoa màu. Chỉ trong một tuần lễ, chị em 4 xã trên đã cày bừa xong 2.500 mẫu bãi. Năm 1970, Tỉnh đoàn Hà Tây tổ chức Hội thi những người cày giỏi toàn tỉnh theo kỹ thuật mới, cặp cày chị Chín, chị Thụy (xã Song Phượng) đã giành giải nhất với mức cày 4 sào 9 thước một ngày. Sau đó, các chị được đi dự Hội thi cày toàn miền Bắc. Với những đóng góp của các chị, Đan Phượng trở thành huyện có cánh đồng đạt 5 tấn thóc/ha đầu tiên của miền Bắc.

Bên cạnh việc lao động sản xuất theo phong trào chung của huyện, phụ nữ các xã còn tổ chức những đợt thi đua ngắn với các phong trào “3 không, 3 đảm”⁽¹⁾, phong trào “Nhuộm màn, dệt xô vì miền Nam”. Chị em vùng bãi có phong trào “Làm ngày không đủ tranh thủ làm đêm”, “2 con, 3 cây” (con lợn, con cá, cây ngô, cây lúa, cây dâu). Các bà, các chị ở Hồng Hà, Hồng Thái, Liên Minh, Trung Châu, Song Phượng thi đua nuôi lợn hay ăn chóng lớn, bán nhiều thịt cho Nhà nước, có nhiều phân xuất chuồng cho hợp tác xã. Phong trào “Ba đảm đang” ở Trung Châu đã được tặng Cờ luân lưu về sản xuất giỏi, chăn nuôi giỏi. Những việc làm tích cực của các bà, các chị truyền tới chiến trường xa, giúp cho người thân nơi tiền tuyến yên tâm đánh giặc cứu nước.

⁽¹⁾ 3 không là: không cấy ruộng cày bừa đôi, không cấy ruộng không bón lót, không hô phân rã mạ. 3 đảm là: đảm bảo thời vụ, đảm bảo diện tích, đảm bảo kỹ thuật.



Giấy chứng nhận Ba đảm đang của Ban Thường trực Tỉnh hội Phụ nữ Hà Tây tặng bà Chu Thị Nghê, thôn Đoài Khê, xã Đan Phượng

Sau khi phát động phong trào “Ba đảm đang”, phụ nữ Đan Phượng viết hàng trăm lá thư động viên chồng con yên tâm chiến đấu, một trong những lá thư đó được in trên báo Quân đội nhân dân số 1180 (ngày 18/02/1965). Có bà, có chị là vợ liệt sĩ chỉ có một người con trai mà 4, 5 lần viết đơn, dẫn con lên Huyện đội xin cho con mình nhập ngũ. Điển hình là bà Bùi Thị Lập (Đan Phượng), bà Trần Thị Ngũ, bà Nguyễn Thị Bảy (Tân Lập), bà Nguyễn Thị Liêm (Trung Châu)... Tính đến năm 1973, huyện Đan Phượng có 1.643 chị có chồng đi chiến đấu, có 4.046 bà mẹ có từ 1 đến 5 con nhập ngũ.

Không chỉ động viên chồng con lên đường chiến đấu, mà họ còn trực tiếp tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Năm 1975, tỷ lệ phụ nữ vào dân quân chiếm 75%. Cả 16 xã, thị trấn đều có trung đội dân quân nữ cơ động và trung đội dân quân có con nhỏ. Tại trận địa đều có những tay súng nữ ngày đêm luân phiên nhau trực chiến. Điển hình là các trung đội dân quân nữ xã Đan Phượng, Đồng Tháp, Song Phượng... Đặc biệt nhất, Trung đội dân quân nữ xã Song Phượng đã chiến đấu với giặc suốt 43 trận mà vẫn vững tay súng. Trong chiến đấu đã có nhiều tấm gương hy sinh anh dũng, nổi bật là tấm gương 4 đồng chí

nữ dân quân (Tạ Thị Gái, Ngô Thị Lâm, Quách Thị Hợi, Bùi Thị Lầu) trực chiến bảo vệ đập Đáy ngày 28/4/1967, được tỉnh Hà Tây truy tặng danh hiệu "Dũng sĩ đập Phùng".



Đồng chí Nguyễn Thị Kim Dung - Chính trị viên Trung đội Minh Khai, quyền Xã đội trưởng xã Liên Hồng (1963 - 1965)

Sau 10 năm phát triển, phong trào "Ba đảm đang" ở Đan Phượng trở thành hậu phương vững chắc cung cấp cho tiền tuyến nguồn sức mạnh vật chất và tinh thần to lớn, góp phần cùng toàn quân, toàn dân đưa sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

Nhằm giáo dục truyền thống phong trào phụ nữ "Ba đảm đang" cho các thế hệ trẻ, đáp ứng tình cảm, nguyện vọng của cán bộ, hội viên phụ nữ và Nhân dân trong huyện, tháng 10/2018,

Ban Thường vụ Huyện ủy quyết định xây dựng tượng đài kỷ niệm phong trào phụ nữ “Ba đảm đang”. Công trình được khởi công xây dựng từ ngày 18/10/2008, đến ngày 08/10/2009 hoàn thành và là công trình chào mừng Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.



Tượng đài Phụ nữ Ba đảm đang tại trung tâm thị trấn Phùng

Tượng đài cao 5,2 m, làm bằng đá, đặt tại trung tâm thị trấn Phùng, khắc họa hình ảnh một người phụ nữ trong tư thế hiên ngang, vai đeo súng, vừa chắc tay cày vừa bế con, vừa sản xuất vừa chiến đấu.

III. Phát huy truyền thống phụ nữ “Ba đảm đang” trong thời kỳ mới

Ngày nay, phát huy truyền thống quê hương người gái đảm, phụ nữ huyện Đan Phượng đang tích cực góp sức mình cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa quê hương, đất nước. Thành tựu của quê hương Đan Phượng ngày nay có sự đóng góp rất lớn của phụ nữ.

Phụ nữ Đan Phượng đã tham gia tích cực vào mọi mặt của đời sống xã hội, nhiều người nắm giữ những chức vụ quan trọng trong hệ thống chính trị, nhiều người đã trở thành bác sĩ, kỹ sư, doanh nhân thành đạt, đặc biệt, phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong vận động gia đình mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, hình thành các mô hình kinh tế cho thu nhập cao. Điển hình là mô hình trồng ổi, đu đủ, bưởi tôm vàng tại xã Thượng Mỗ; trồng hoa tại các xã Hạ Mỗ, Đồng Tháp, Song Phượng, Đan Phượng; chăn nuôi bò sữa tại xã Phương Đình, chăn nuôi lợn ở xã Trung Châu, trồng rau an toàn ở xã Đan Phượng...



Mô hình trồng rau sạch công nghệ cao Cuối Quý, xã Đan Phượng



Chăn nuôi bò sữa tại xã Phương Đình



Đoàn đại biểu phụ nữ tiêu biểu huyện Đan Phượng chụp ảnh lưu niệm với đồng chí Phó Chủ tịch nước **Nguyễn Thị Doan** tại Phủ Chủ tịch, ngày 03/3/2014

Phát huy tính cần cù, siêng năng, ham học hỏi, nhiều chị em đã tích cực mở các xưởng may, xưởng kẹo để tăng thu nhập cho gia đình, góp phần phát triển kinh tế.

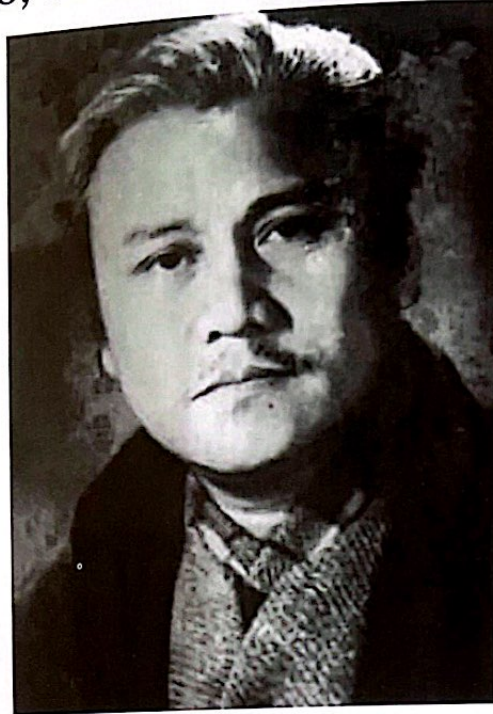
CÂU HỎI:

1. Hãy nêu khái quát hoàn cảnh ra đời phong trào phụ nữ “Ba đảm đang” ở Đan Phượng.
2. Hưởng ứng phong trào “Ba đảm đang”, phụ nữ Đan Phượng đã có những đóng góp gì trên mặt trận lao động sản xuất và phục vụ chiến đấu?
3. Phát huy truyền thống quê hương người gái đảm, phụ nữ Đan Phượng ngày nay đã có đóng góp gì cho quê hương, đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa? Kể tên một số tấm gương tiêu biểu.
4. Hãy nêu suy nghĩ của em về vai trò và vị trí của người phụ nữ trong thời đại hiện nay?

BÀI 2 (Lớp 11)

MỘT SỐ NHÂN VẬT TIÊU BIỂU TRONG LĨNH VỰC VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT, ÂM NHẠC (1 tiết)

I. NHÀ THƠ, CHIẾN SĨ QUANG DŨNG



Nhà thơ *Quang Dũng* (1921 - 1988)

1. Cuộc đời và tiểu sử

Quang Dũng tên thật là Bùi Đình Dẫu, tức Bùi Đình Diệm, sinh năm 1921 tại làng Phượng Trì, xã Đan Phượng (nay là tổ dân phố Phượng Trì, thị trấn Phùng), huyện Đan Phượng.

Trước Cách mạng tháng Tám, ông học Ban Trung học Trường Thăng Long. Sau khi tốt nghiệp, ông đi dạy học tư ở Sơn Tây. Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam, ông hăng hái gia nhập quân đội, trở thành phóng viên tiền phương của báo Chiến đấu khu II.

Năm 1947, ông được điều đi học Trường Bổ túc trung cấp quân sự Sơn Tây. Sau khóa học, ông được phân công làm Đại đội trưởng Tiểu đoàn 212, Trung đoàn 52 Tây Tiến. Ông tham gia chiến dịch Tây Tiến đợt hai, mở đường qua đất Tây Bắc. Trong thời gian này, ông còn được cử làm Phó đoàn võ trang tuyên truyền Việt - Lào.

Cuối năm 1948, sau chiến dịch Tây Tiến, ông làm Trưởng tiểu ban Tuyên huấn của Trung đoàn 52 Tây Tiến, rồi làm Trưởng đoàn Văn nghệ Liên khu III. Tháng 8/1951, ông xuất ngũ.

Sau năm 1954, ông làm Biên tập viên báo Văn nghệ, rồi chuyển về Nhà xuất bản Văn học.

Ông mất ngày 13/10/1988 tại Bệnh viện Thanh Nhàn, Hà Nội.

2. Sự nghiệp

Từ năm 1948, Quang Dũng đã bắt đầu sáng tác thơ và là nhà thơ nổi tiếng của văn học Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Ông là tác giả của nhiều tác phẩm nổi tiếng như các tập thơ: Bài thơ sông Hồng (1956), Rừng biển quê hương (1957), Mây đầu ô (1986); truyện ngắn Mùa hoa gạo (1950); hồi ký Làng Đồi đánh giặc (1976)... Hồn thơ của ông phóng khoáng, lãng mạn, thể hiện rõ trong bài thơ "Tây Tiến" in trong tập "Mây đầu ô". Một số bài thơ của ông đã được phổ nhạc như Tây Tiến (Phạm Duy phổ nhạc), Đôi mắt người Sơn Tây (Phạm Đình Chương phổ nhạc từ bài thơ Đôi bờ và Đôi mắt người Sơn Tây), Kẻ ở (Cung Tiến phổ nhạc). Đặc biệt bài thơ Em mãi là 20 tuổi được 3 nhạc sĩ phổ nhạc khác nhau (Việt Dũng, Phạm Trọng Cầu, Khúc Dương).

Quang Dũng là nghệ sĩ đa tài, không chỉ là nhà thơ nổi tiếng mà còn là một họa sĩ, nhạc sĩ tài hoa. Ông đã viết rất nhiều truyện ngắn xuất bản và viết kịch, cũng như đã triển lãm tranh sơn dầu cùng với các họa sĩ nổi danh. Ngoài ra, ông chính là tác giả của ca khúc khá nổi tiếng trong những năm kháng chiến - ca khúc "Ba Vì".

Với những đóng góp cho nền văn học nghệ thuật, năm 2001, Quang Dũng được Chủ tịch nước truy tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

Hiện nay, tại Trường Tiểu học thị trấn Phùng có đặt một bức tượng bán thân Quang Dũng trong trang phục người lính Tây Tiến.

II. NGHỆ SĨ NHÂN DÂN THƯƠNG HUYỀN



Nghệ sĩ Nhân dân Thương Huyền (1923 - 1989)

1. Cuộc đời và tiểu sử

Thương Huyền tên thật là Nguyễn Thị Thường, nghệ danh là “Thương Huyền” nghĩa là “Thường”. Bà sinh năm 1923, tại xã Thượng Mỗ, huyện Đan Phượng.

Nghệ sĩ Nhân dân Thương Huyền được biết đến với giọng hát hay, mềm mại và truyền cảm. Con đường ca hát của bà bắt đầu từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, với những bài hát tiền chiến⁽¹⁾ của nhạc sĩ Văn Cao, Phạm Duy, gây được nhiều tiếng vang. Bà là một trong những nghệ sĩ đầu tiên hát nhạc của Văn Cao với những ca khúc như “Suối mơ”, “Thiên thai”, “Đàn chim Việt”...

Nghệ sĩ Nhân dân Thương Huyền còn là thầy của nhiều ca sĩ, nghệ sĩ, trong đó có những nghệ sĩ nổi tiếng như: Nghệ sĩ Nhân dân Lê Dung, giảng viên Hồ Mộ La.

⁽¹⁾ Nhạc tiền chiến: là dòng nhạc xuất hiện trước thời kỳ chiến tranh mang âm hưởng trữ tình, lãng mạn, xuất hiện vào cuối thập niên 1930. Sau này, khái niệm nhạc tiền chiến được mở rộng bao gồm một số sáng tác trong chiến tranh giai đoạn 1945 - 1954.

2. Sự nghiệp

Sự nghiệp ca hát của bà gắn liền và phát triển theo từng thời kỳ lịch sử của đất nước. Tháng 9/1945, tại sân khấu Nhà hát Lớn Hà Nội, bà đã hát 2 ca khúc "Suối mơ" và "Thiên thai" trong buổi khai mạc chương trình "Tuần lễ vàng" và "Hũ gạo cứu đói" do Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động. Đây là bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp ca hát của bà, trở thành một trong những ca sĩ đầu tiên đi theo cách mạng.

Trong những năm 1945 - 1946, Thương Huyền trở thành nữ danh ca nổi tiếng ở Hà Nội. Bà hát nhiều thể loại, từ ca khúc trữ tình, tiền chiến như: "Trào lòng" (Nguyễn Văn Khánh), "Chinh phụ hoài khúc" (Lê Xuân Ái), "Hòn Vọng Phu 1" (Lê Thương)... cho tới những sáng tác cách mạng mới như: "Nhớ chiến khu" (Đỗ Nhuận), "Lên đàng" (Lưu Hữu Phước)...

Tháng 12/1946, kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ, Thương Huyền tham gia Đoàn kịch Giải phóng⁽¹⁾ đi biểu diễn ở nhiều nơi trên các chiến trường, các khu sơ tán.

Năm 1947, bà được mời về công tác tại Đài Tiếng nói Việt Nam ở chiến khu Việt Bắc. Tại đây bà được thu âm và phát sóng nhiều bài hát như "Người Hà Nội" (Nguyễn Đình Thi), "Cảm tử quân" (Hoàng Quý), "Mơ đời chiến sĩ" (Lương Ngọc Trác), "Đoàn vệ quốc quân" (Phan Huỳnh Điểu), "Sông Lô", "Làng tôi", "Ca ngợi Hồ Chủ tịch" (Văn Cao), "Du kích sông Thao" (Đỗ Nhuận)... Tiếng hát của bà thường xuyên được phát trên sóng phát thanh, góp phần cổ vũ tinh thần chiến đấu của chiến sĩ, khuyến khích tình yêu lý tưởng cộng sản.

Từ năm 1953, bà học những làn điệu dân ca, hát chèo của các nghệ sĩ lão thành và đóng thành công vai Tấm trong vở chèo *Chị Tấm anh Diên* (cải biên từ vở *Tấm Cám* của Thế Lữ và Lưu Quang Thuận). Với giọng hát mượt mà, trong sáng tự nhiên

⁽¹⁾ Đoàn kịch Giải phóng có các ca sĩ, nhạc sĩ tham gia như: Song Kim, Lưu Bách Thụ, Phạm Văn Đôn, Hoàng Oanh, Phạm Duy, Phạm Đình Viêm (Hoài Trung sau này), Văn Cao, Mai Khanh.

và kỹ thuật rung hột (một kỹ thuật diễn hình của quan họ) ấn tượng, bà thể hiện rất thành công nhiều ca khúc dân ca Bắc Bộ, đặc biệt là dân ca quan họ Bắc Ninh, trở thành giọng hát dân ca Bắc Bộ số một trong thập niên 1950 - 1960.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, bà trở về Hà Nội công tác. Bà cùng đội hợp xướng Hòa Bình sang Trung Quốc thu những đĩa hát đầu tiên của Việt Nam. Năm 1957, trong Đại hội Liên hoan Thanh niên và sinh viên lần thứ VI tổ chức tại Matxcova, bà giành Huy chương Bạc ở cuộc thi hát dân ca quốc tế. Đây cũng là lần đầu tiên một ca sĩ Việt Nam giành giải thưởng quốc tế.

Với tài năng thiên phú về âm nhạc, trong những năm 1950 - 1960, Thương Huyền đã trở thành một trong những ca sĩ tên tuổi nhất ở miền Bắc. Bà nổi tiếng với những ca khúc như: "Câu hò bên bến Hiền Lương" (Nguyễn Tài Tuệ), "Hà Nội - Huế - Sài Gòn" (Hoàng Vân), "Tình trong lá thiếp" (Phan Huỳnh Điểu), "Đảng là người mẹ hiền" (Đỗ Minh), "Trăng sáng đôi miền" (An Chung), "Ru con" (dân ca Nam Bộ).

Với những đóng góp cho nền âm nhạc nước nhà, bà được Nhà nước trao tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú vào năm 1984 và danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân năm 1988. Bà mất năm 1989 tại Hà Nội.

CÂU HỎI:

1. Hãy nêu khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của nhà thơ chiến sĩ Quang Dũng. Đọc thuộc bài thơ "Tây Tiến" của nhà thơ.
2. Hãy nêu khái quát về thân thế và sự nghiệp ca hát của nghệ sĩ Thương Huyền qua từng thời kỳ lịch sử.
3. Hãy kể tên một số nhân vật nổi tiếng hoạt động trong lĩnh vực: văn học, thơ, ca nhạc, hội họa... là người con của quê hương Đan Phượng mà em biết.

Bài 3 (Lớp 12):

DÂN PHƯƠNG TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI (1986 - 2020)

(1 tiết)

I. Khái quát tình hình Dân Phương trong thời kỳ đổi mới (1986 - 2010)

1. Hoàn cảnh lịch sử

Bước vào năm 1986, tình hình kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng. Tình hình thế giới cũng có những biến động lớn, tác động sâu sắc đến các nước xã hội chủ nghĩa. Để đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng, đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải đổi mới.

Tháng 12/1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra đường lối đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế, trong đó trọng tâm là từ kinh tế tự cấp, tự túc sang kinh tế thị trường với 3 chương trình kinh tế lớn: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Đảng bộ và Nhân dân huyện Dân Phương đã tiếp thu, vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chủ động sáng tạo đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và từng cơ sở; trong đó từng bước đổi mới cơ cấu kinh tế, nhất là trong nông nghiệp và phân phối lưu thông hàng hóa.

2. Quá trình thực hiện đường lối đổi mới

Trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới đất nước, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân huyện Dân Phương không ngừng phấn đấu thực hiện thắng lợi các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đề ra.

Giai đoạn 15 năm đầu thực hiện đường lối đổi mới (1986 - 2000), huyện đạt được những kết quả quan trọng: Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; sản xuất nông nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ chuyển hướng phù hợp với nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa; nhiều công trình phúc lợi công cộng được xây dựng,

bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền thường xuyên được củng cố, tăng cường, đổi mới hoạt động, hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của tổ chức trong hệ thống chính trị.

Trong thời kỳ đổi mới, huyện đạt được nhiều thành tích quan trọng, trong đó ngày 23/9/2000, Đảng bộ và Nhân dân xã Đan Phượng được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới. Đây là xã đầu tiên của tỉnh Hà Tây được nhận danh hiệu cao quý này.

Qua quá trình tìm tòi, áp dụng khoa học kỹ thuật, từ nhiệm kỳ 2000 - 2005, huyện đã xác định hướng đi đúng trong phát triển sản xuất nông nghiệp là đưa những cây, con phù hợp cho năng suất cao vào sản xuất. Từ đó hình thành nhiều mô hình sản xuất mới.

Đặc biệt, trong nhiệm kỳ 2005 - 2010, huyện tăng cường thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Năm 2009 và 2010, toàn huyện chuyển được 484 ha diện tích trồng cây lương thực hiệu quả thấp sang trồng các loại cây cho giá trị thu nhập cao như: bưởi Diễn, hoa, cây cảnh, rau an toàn, tập trung ở một số xã: Tân Hội, Tân Lập, Hồng Hà, Thọ Xuân, Thọ An, Liên Hồng, Trung Châu, Thượng Mỗ, Đan Phượng, Song Phượng... Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha canh tác tăng từ 34,5 triệu đồng (năm 2005) lên gần 100 triệu đồng (năm 2010).

Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp có bước chuyển hướng phù hợp với việc hình thành các cụm, điểm công nghiệp, trở thành điểm nhấn quan trọng trong quá trình phát triển sản xuất của huyện. Đến năm 2009, huyện có 1 cụm công nghiệp và 4 điểm công nghiệp làng nghề, thu hút 54 doanh nghiệp và 456 hộ đầu tư sản xuất kinh doanh, góp phần giải quyết việc làm cho trên 3.000 lao động.

Cùng với phát triển kinh tế, lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được cải thiện. Quốc phòng, an ninh được đảm bảo.

Ngày 29/5/2008, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 15/2008/QH12 về việc điều chỉnh địa giới hành chính Thành phố Hà Nội và một số tỉnh có liên quan, trong đó hợp nhất toàn bộ diện tích tự nhiên 219.341,11 ha và dân số 2.568.007 người của tỉnh Hà Tây vào Thành phố Hà Nội. Thực hiện Nghị quyết số 15 của Quốc hội, từ ngày 01/8/2008, huyện Đan Phượng chính thức là đơn vị hành chính cấp huyện của Thành phố Hà Nội. Từ đây mở ra nhiều thời cơ, động lực mới để Đan Phượng hội nhập và phát triển toàn diện trong giai đoạn tiếp theo.

II. Đảng bộ huyện Đan Phượng lãnh đạo Nhân dân xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020

1. Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2015

a) Thuận lợi và khó khăn

Bước vào thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, huyện có những thuận lợi và khó khăn đan xen. Về thuận lợi: Huyện luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Thành phố. Tình hình chính trị, kinh tế - xã hội của huyện giai đoạn 2000 - 2010 ổn định và phát triển. Huyện có các làng nghề truyền thống nổi tiếng, tạo điều kiện cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế và giải quyết việc làm cho người lao động. Về khó khăn: Huyện có xuất phát điểm thấp, bình quân các xã chỉ đạt 10/19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ, nhiều công trình xuống cấp chưa được đầu tư.

b) Chủ trương thực hiện

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” và Chương trình 02-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội “Về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, từng bước nâng cao đời sống nông dân giai đoạn 2011 - 2015”, Huyện ủy Đan Phượng đã ban hành nhiều nghị quyết, chương trình, kế hoạch về xây dựng nông thôn mới. Ngày 15/12/2009, Huyện ủy ban hành Nghị quyết số 08-NQ/HU về xây dựng nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2020,

trong đó đến năm 2015 có 7/15 xã đạt chuẩn nông thôn mới, các xã còn lại đạt từ 60% tiêu chí trở lên. Ngày 14/01/2010, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND về triển khai thực hiện xây dựng mô hình nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong đó chọn xã Song Phượng làm điểm xây dựng mô hình nông thôn mới, vừa làm vừa rút kinh nghiệm và nhân rộng trong toàn huyện...

c) Biện pháp thực hiện

Để Nhân dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của Chương trình xây dựng nông thôn mới, huyện đã tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Nhờ đó, Chương trình xây dựng nông thôn mới nhận được sự đồng thuận của Nhân dân. Các đề án xây dựng nông thôn mới cấp huyện, xã được xây dựng và đồng loạt triển khai thực hiện. Trong 5 năm (2010 - 2015), tổng số vốn huy động đầu tư xây dựng nông thôn mới đạt 2.044 tỷ đồng.

d) Kết quả

Toàn huyện đã hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng đạt tiêu chí nông thôn mới với 25,13 km đường trục xã, liên xã; 22 km đường trục thôn; 19 km rãnh thoát nước theo đường; 80,6 km đường trục chính nội đồng; 235.787 km đường điện trung thế, 111.726 km điện hạ thế, 28 trạm biến áp; xây dựng thêm 11 trường học đạt chuẩn quốc gia (nâng tổng số trường đạt chuẩn lên 35/48 trường), 15 nhà văn hóa xã. Các nhóm tiêu chí về phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất, văn hóa - xã hội, môi trường, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh được quan tâm thực hiện.

Với quyết tâm cao, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn thể Nhân dân, ngày 31/5/2013, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân huyện Đan Phượng vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động. Cuối năm 2013, huyện có 6 xã đạt chuẩn nông thôn mới: Song Phượng, Đan Phượng, Đồng Tháp, Tân Hội, Liên Trung, Liên Hồng. Năm 2014, huyện có 7 xã đạt chuẩn nông thôn mới: Phương Đình, Thọ An, Trung Châu, Liên Hà, Tân Lập, Thượng Mỗ, Hạ Mỗ. Năm 2015, huyện có 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới là Thọ Xuân và Hồng Hà.

Ngày 23/10/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1810/QĐ-TTg công nhận huyện Đan Phượng đạt chuẩn nông thôn mới. Huyện Đan Phượng vinh dự là đơn vị đầu tiên của Thủ đô và là một trong 10 huyện tiêu biểu trong cả nước được công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015.

2. Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020

a) Mục tiêu trọng tâm

Phát huy những kết quả đạt được, trong giai đoạn 2016 - 2020, huyện Đan Phượng tiếp tục phấn đấu xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu. Các nhiệm vụ trọng tâm của giai đoạn 2016 - 2020 được khái quát thành phương châm: “Sản xuất phát triển, đường có hoa, nhà có sổ, hạ tầng kiên cố, cán bộ nâng tầm, Nhân dân đồng thuận”. Huyện chọn 3 xã là Đan Phượng, Song Phượng, Liên Trung để xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

b) Kết quả đã huy động tổng nguồn vốn đầu tư xây dựng, chỉnh trang, kết cấu hạ tầng là 1.643 tỷ đồng

Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2016 - 2020, toàn huyện đã huy động tổng nguồn vốn đầu tư xây dựng, chỉnh trang kết cấu hạ tầng là 1.643 tỷ đồng; xây dựng được 15,92 km đường trục xã; 65,64 km đường trục thôn; 22,1 km đường nội đồng... Diện tích lúa giảm do chuyển đổi sang các loại cây trồng khác có giá trị kinh tế cao như: rau, hoa, cây ăn quả. Nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho hiệu quả kinh tế cao, tiêu biểu như mô hình trồng hoa lan hồ điệp tại xã Phương Đình, Đan Phượng; mô hình trồng rau hữu cơ tại xã Đan Phượng, Song Phượng, Thọ Xuân... Chăn nuôi được duy trì và có bước phát triển.

Năm 2018, chỉ trong vòng 6 tháng, toàn huyện đã hoàn thành việc gắn biển chỉ dẫn đường và biển số nhà với 38.900 biển số nhà và 3.806 biển chỉ dẫn công cộng. Toàn huyện có 3 xã Đan Phượng, Song Phượng, Liên Trung được công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đầu tiên của Thành phố Hà Nội. Năm 2019, huyện có thêm 6 xã là Đồng Thấp, Phương Đình, Trung Châu, Liên Hà, Tân Hội, Tân Lập hoàn thành

các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao. Các xã còn lại phấn đấu hoàn thành xây dựng nông thôn mới nâng cao trong năm 2020.

Như vậy, trong 10 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (2010 - 2020), với những nỗ lực, cố gắng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân toàn huyện, quê hương Đan Phượng đã khoác lên mình diện mạo mới. Kinh tế phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung ứng dụng công nghệ cao. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển nhanh, nổi bật là hệ thống đường giao thông trục xã, liên xã, trục thôn, ngõ xóm. Chất lượng giáo dục và đào tạo được nâng cao, với 52/52 trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có 14 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng lên. Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 61,2 triệu đồng. Tỷ lệ hộ nghèo còn 0,16%.

Những kết quả đạt được là tiền đề để cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong huyện tiếp tục nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi những mục tiêu tiếp theo.



*Đồng chí **Phạm Quang Nghị** - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội về thăm mô hình nông thôn mới tại xã Song Phượng, huyện Đan Phượng, ngày 06/9/2011*



Nhân dân thôn La Thạch, xã Phương Đình thi công xây dựng đường xóm ngõ, năm 2012



*Đồng chí **Trương Tấn Sang** - Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về thăm mô hình nông thôn mới huyện Đan Phượng, ngày 19/10/2013*



*Đồng chí **Vũ Văn Ninh** - Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ trao Bằng công nhận Huyện đạt chuẩn nông thôn mới, ngày 28/10/2015*



*Đồng chí **Nguyễn Phú Trọng** - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng cùng các đồng chí lãnh đạo Trung ương, Thành phố Hà Nội trồng cây lưu niệm tại Đài tưởng niệm liệt sĩ huyện Đan Phượng, ngày 15/11/2015*



Đồng chí **Hoàng Trung Hải** - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội
về thăm và làm việc tại huyện Đan Phượng, ngày 20/6/2016



Đồng chí **Vương Đình Huệ** - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội
làm việc với Ban Thường vụ Huyện ủy Đan Phượng, ngày 05/5/2020



Khu đô thị mới Tân Tây Đô (xã Tân Lập)



Đường Hùng Đông (xã Đan Phượng) - tuyến đường kiểu mẫu

CÂU HỎI:

1. Hãy nêu khái quát những thành tựu huyện Đan Phượng đạt được trên các lĩnh vực trong thời kỳ đổi mới (1986 - 2010).
2. Hãy nêu khái quát quá trình xây dựng nông thôn mới ở huyện Đan Phượng giai đoạn 2010 - 2015.
3. Thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, huyện Đan Phượng đạt được những kết quả gì?

PHẦN IV

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. MỘT SỐ TẤM GƯƠNG TIÊU BIỂU TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC VÀ PHONG TRÀO ĐÀO HẦM NUÔI GIẤU CÁN BỘ BẢO VỆ CƠ SỞ KHÁNG CHIẾN

Đan Phượng là địa bàn chiến lược quan trọng trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước. Nhân dân nơi đây có truyền thống yêu nước, đoàn kết và ý chí kiên cường cách mạng. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Đan Phượng là một trong những địa bàn diễn ra nhiều trận đánh ác liệt. Nhiều người con của quê hương đã dũng cảm tham gia kháng chiến và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ như: đồng chí Giang Văn Hạnh, đồng chí Nguyễn Văn Ngọ, chị Nguyễn Thị Hạng, em Nguyễn Gia Nga cùng nhiều tấm gương sáng trong phong trào đào hầm, nuôi giấu cán bộ, bảo vệ cơ sở kháng chiến.

Liệt sĩ Giang Văn Hạnh - Xã đội trưởng dũng cảm, kiên trung của xã Hồng Hà

Đồng chí Giang Văn Hạnh (hay còn gọi là Dương Đức Hùng) sinh năm 1930, tại thôn Tiên Tân, xã Hồng Thái (nay thuộc địa phận xã Hồng Hà).

Trong những năm 1948 - 1949, đồng chí được phân công giữ chức Xã đội trưởng⁽¹⁾. Đồng chí đã chỉ huy nhiều trận đánh, phá được nhiều mìn khiến địch khiếp sợ.

Tháng 02/1949, trong một trận khùng bố, đồng chí bị địch bắt và đưa về bốt Phụng. Trong nhiều ngày, chúng tìm mọi thủ đoạn tra tấn dã man, bẻ gãy gần hết hai hàm răng, đến độ mua chuộc, song đồng chí vẫn giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản, không để lộ bất cứ thông tin nào. Mặc dù bị giặc chặt đứt hai cánh tay và hai chân nhưng anh vẫn nghiến răng chịu đựng. Trước sau như một, anh vẫn trả lời chúng bằng sự im lặng. Biết không khai thác được thông tin, cuối cùng chúng ngấm ngấm thủ tiêu anh. Ngày 23/02/1949, đồng chí Giang Văn Hạnh đã anh dũng hy sinh trước mặt kẻ thù.

Đồng chí hy sinh khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên địa bàn huyện Đan Phượng bước vào giai đoạn ác liệt nhất,

⁽¹⁾ Xã đội trưởng: Người trực tiếp chỉ huy đội dân quân du kích tại địa phương.

là tấm gương sáng ngời về khí phách người cộng sản trước đòn roi tra tấn của kẻ thù được nhiều chiến sĩ cộng sản khác noi theo. Sự hy sinh của đồng chí đã khơi dậy lòng căm thù giặc của quần chúng Nhân dân, thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh cách mạng tại quê hương.

Liệt sĩ Nguyễn Văn Ngọ - người chiến sĩ kiên cường của xã Đan Phượng

Đồng chí Nguyễn Văn Ngọ quê ở thôn Phượng Trì, xã Đan Phượng (nay là tổ dân phố Phượng Trì, thị trấn Phùng) là cán bộ tiểu khu của Huyện ủy Liên Bắc. Trước đó, đồng chí đã từng tham gia khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám, là người đã cắm lá cờ chiến thắng lên nóc đồn Phùng vào tháng 8/1945.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, đồng chí được giao giữ chức Xã đội trưởng, tham gia chỉ huy nhiều trận đánh quan trọng ngay tại cơ quan đầu não của địch ở đồn Phùng và quận lỵ, khiến cho quân giặc khiếp sợ.

Năm 1949, trong một lần đi làm nhiệm vụ đồng chí bị địch phát hiện, chúng lập tức bủa quân bao vây. Một mình với khẩu súng ngắn, đồng chí vẫn kiên cường chiến đấu. Bọn giặc bắn đồng chí bị thương rồi đưa về bốt Phùng. Bị bắt giữa lúc đang làm nhiệm vụ nên địch biết khá rõ về công việc của đồng chí, chúng dùng mọi thủ đoạn mua chuộc, dụ dỗ, tra tấn hòng làm lung lay tinh thần và ý chí chiến đấu của đồng chí. Bị tra tấn dã man, mất máu nhiều, mặt mũi sưng vù nhưng đồng chí kiên quyết không khai báo. Biết không thể khuất phục được người chỉ huy kiên cường, chúng đã bắn chết đồng chí ngay tại nơi tra tấn. Nhân dân Đan Phượng vô cùng tự hào và khắc ghi công lao, sự hy sinh anh dũng của đồng chí cho quê hương, đất nước.

Liệt sĩ Nguyễn Thị Hạng - người chiến sĩ giao liên⁽¹⁾ dũng cảm.

Giao thông liên lạc trong kháng chiến chống thực dân Pháp là một nhiệm vụ rất quan trọng. Đó cũng là một nhiệm vụ

⁽¹⁾ Giao liên: Người làm công tác liên lạc, dẫn đường qua vùng địch hoặc gần vùng địch.

khá nguy hiểm, nhiều khi phải đổi bằng máu của người chiến sĩ giao liên. Nhằm cắt đứt đường dây liên lạc và lấy tài liệu, lần theo đó đánh phá cơ sở cách mạng của ta, địch thường xuyên khủng bố, tăng cường phục kích bắn giết các chiến sĩ giao liên. Trên mặt trận này đã xuất hiện nhiều tấm gương sáng. Người chiến sĩ giao liên kiên cường Nguyễn Thị Hạng là một trong muôn vàn tấm gương đẹp đó.

Chị Nguyễn Thị Hạng sinh năm 1931, tại thôn Bá Nội, xã Hồng Thái⁽¹⁾. Gia đình chị là một trong những gia đình nông dân nghèo giàu lòng yêu nước, vì vậy khi còn nhỏ chị đã mơ ước được tham gia cách mạng. Khi Cách mạng tháng Tám thành công, chị tham gia vào Đội Thiếu niên cứu quốc.

Những năm 1947 - 1948, thực dân Pháp tấn công và chiếm đóng quê hương, gia đình chị trở thành cơ sở cách mạng. Chị tham gia du kích rồi làm giao liên thôn, xã. Dáng người của chị nhỏ bé, nhanh nhẹn nên khi làm giao liên địch không để ý. Có lần được giao nhiệm vụ thăm dò tình hình địch, chị đã vào tận bót Bồng Lai để trinh sát. Trên đường công tác, anh chị em cán bộ, đội qua Hồng Thái lúc bấy giờ đều yên tâm khi được chị Hạng dẫn đường.

Năm 1949, chị được tuyển lên làm giao thông huyện. Đường dây liên lạc chạy dài từ Hồng Thái qua Tân Hội, Giang Xá, qua Di Trạch đến Vân Côn. Đồn giặc giăng khắp tuyến đường trên trục Bắc Nam huyện Liên Bắc. Nhưng tất cả những chuyến đi của chị đều an toàn. Nhiều lần giữa đường gặp địch, chị đều xử lý rất linh hoạt, tài liệu và anh em cán bộ cùng đi luôn được an toàn. Cuối năm 1949, chị được vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng.

Cuối tháng 9/1951, chị được giao nhiệm vụ vừa mang tài liệu, công văn, chỉ thị của tỉnh và huyện về các xã, vừa dẫn đường cho một số cán bộ về tăng cường cho cơ sở. Trên đường làm nhiệm vụ, chị phát hiện có địch đang phục kích, tình hình rất nguy cấp. Để bảo vệ được tài liệu và cán bộ, với sự mưu trí

⁽¹⁾ Nay là thôn Bá Dương Nội, xã Hồng Hà.

và lòng dũng cảm, chị vừa chạy vừa kêu như gặp ma. Chị lao qua ruộng, vùi tài liệu xuống bùn rồi tiếp tục chạy. Nhờ đó, anh em cán bộ đi sau kịp thời chuyển hướng rút lui an toàn, tài liệu không rơi vào tay giặc.

Bọn địch không nổ súng mà đuổi theo, đánh đập và đưa chị về bốt Phụng. Biết chị là đầu mối giao thông quan trọng, địch dùng mọi cách để dụ dỗ, mua chuộc nhằm lần ra cơ quan Huyện ủy và các cơ sở kháng chiến của ta. Dụ dỗ, dọa nạt không có kết quả, chúng tra tấn chị rất dã man nhưng chị nhất định không khai báo, kể cả lai lịch quê quán của chị. Chúng dùng điện, dao tra tấn vào những chỗ hiểm. Dù chết đi sống lại, song trước sau chị vẫn một lời "Tao không biết". Sau nhiều ngày dụ dỗ, dọa nạt, tra tấn, chúng xả súng bắn chị. Chị hy sinh khi vừa tròn 20 tuổi.

Sự hy sinh anh dũng, kiên cường của chị là tấm gương sáng cho các chị em giao liên khác dũng cảm vượt qua muôn vàn khó khăn, hoàn thành tốt công tác giao thông liên lạc, đảm bảo an toàn cho các cơ sở kháng chiến.

Liệt sĩ Nguyễn Gia Nga - người thiếu niên dũng cảm của xã Tân Hội

Trong đội ngũ các chiến sĩ giao liên còn có nhiều tấm gương cao đẹp, các chị đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ để chấp nối đường dây liên lạc. Trong đó có những chiến sĩ còn rất nhỏ tuổi, tiêu biểu là liệt sĩ Nguyễn Gia Nga.

Liệt sĩ Nguyễn Gia Nga sinh năm 1935, quê ở thôn Thúy Hội, xã Tân Hội, là chiến sĩ giao liên quan trọng của xã, có tinh thần mưu trí, dũng cảm.

Trong một trận càn năm 1949, địch đã phát hiện hầm nơi Nga ở, chúng xuống hầm lôi lên và dùng lời ngon ngọt dụ dỗ Nga khai hầm nơi du kích ở nhưng không thành. Chúng dùng đòn tra tấn nhưng em một mực không khai. Bọn giặc căm tức dùng dao găm xỏ từng miếng trên mặt em. Mặc cho máu chảy ròng ròng, Nga vẫn cắn răng chịu đựng. Hành động tra tấn man rợ

của giặc không thể khuất phục được người thiếu niên dũng cảm. Nguyễn Gia Nga hy sinh anh dũng. Hình ảnh người giao liên xã hy sinh khi còn ở độ tuổi thiếu niên mãi mãi khắc sâu trong tâm trí mỗi người dân Liên Bắc xưa cũng như người dân Đan Phượng ngày nay.

Một số tấm gương trong phong trào đào hầm, nuôi giấu cán bộ du kích

Năm 1951, tình hình ở huyện Liên Bắc (trong đó có huyện Đan Phượng ngày nay) ngày càng khó khăn. Giặc Pháp tăng cường khủng bố các cơ sở kháng chiến, nhiều gia đình cơ sở bị bắt, nhiều cán bộ, du kích bị bắt và bị giết. Nhưng đòn roi, họng súng vẫn không ngăn được lòng yêu nước của Nhân dân Đan Phượng. Trong khi đó, có nhiều gia đình, các chị, các mẹ dù bị địch bắt, tra tấn, nhà cửa bị đốt phá, song vẫn một lòng kiên trung với Đảng, ngày đêm đào hầm bí mật, chắt chiu từng củ khoai, hạt gạo để nuôi giấu cán bộ.

Mẹ Nguyễn Thị Tâm⁽¹⁾ ở xã Liên Trì (nay thuộc xã Liên Hồng) là một trong những tấm gương cao đẹp đó. Nuôi giấu cán bộ, du kích cũng là kháng chiến nên mẹ đào hầm bí mật nuôi giấu cán bộ ngay trong vườn nhà. Có lần bọn địch từ bột Hạ Trì về làng càn quét, chúng phát hiện được hầm trong vườn nhà mẹ. Tên chỉ huy quát bọn lính xuống hầm nhưng chúng đều sợ hãi lảng tránh. Tên chỉ huy bắt mẹ xuống hầm. Không chần chừ bà xuống nói với anh em du kích “Các anh cứ yên tâm, tôi sẽ nói dưới hầm không có ai”. Lên khỏi hầm mẹ thản nhiên nói: “Dưới hầm không có ai cả, nếu các anh không tin thì xuống mà xem. Có ai dưới đó các quan cứ bắn tôi”. Bọn địch không tên nào dám xuống. Chúng lôi một bé gái hàng xóm bắt xuống. Mẹ nhanh trí nói với em: “Đừng sợ, dưới hầm không có ai đâu”. Em bé hiểu ý khi lên khỏi hầm cũng nói như vậy. Bọn địch tức giận ném lựu đạn xuống hầm rồi bỏ đi. Các đồng chí du kích bị thương được mẹ chăm sóc chu đáo lại tiếp tục đánh giặc.

⁽¹⁾ Theo *Truyền thống cách mạng phụ nữ Đan Phượng*, xuất bản năm 1985, tr.49.

Gia đình cụ Lý Nhân ở thôn Phan Long, xã Tân Hội là một cơ sở bảo vệ cơ quan Huyện ủy trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Trước Cách mạng tháng Tám, gia đình cụ đã là cơ sở hoạt động của đồng chí Xuân Thủy, đồng chí Nguyễn Việt. Khi giặc Pháp chiếm đóng quê hương, cụ động viên các con đi kháng chiến, cả hai con của cụ đều hăng hái tham gia du kích. Anh Nguyễn Đăng Bích - con của cụ làm Chủ tịch Mặt trận Việt Minh xã đã hy sinh anh dũng trong trận chiến đấu năm 1948. Cầm thù quân giặc tàn bạo song tuổi già không thể trực tiếp cầm súng giết giặc, cụ đã tích cực bảo vệ cán bộ. Cơ quan Huyện ủy thường xuyên đóng ở nhà cụ. Mặc cho bọn tay sai bán nước rình rập, theo dõi, cụ vẫn ngày đêm nuôi giấu cán bộ. Ban ngày cụ chăm lo từng nắm cơm, viên thuốc cho anh em, ban đêm cụ canh gác cho anh em họp. Trong khó khăn nguy hiểm, cụ luôn vững một niềm tin sắt đá: Kháng chiến nhất định thắng lợi!

Cụ Nguyễn Văn Đạm ở thôn Dịch Trung, xã Liên Minh (nay là xã Phương Đình) rất kiên cường. Cụ đào nhiều hầm để nuôi du kích. Trong nhà, ngoài vườn đều có hầm bí mật. Các cán bộ du kích ở đây đều được cụ nuôi dưỡng chu đáo. Có một lần địch phát hiện được hầm bí mật nơi con trai cụ ẩn nấp. Sau một hồi lâu chiến đấu quyết liệt, anh đã hy sinh anh dũng. Bọn giặc phá nhà, vơ vét của cải và tra tấn cụ rất dã man. Mặc dù vậy, cụ vẫn tiếp tục động viên con gái mình tham gia du kích và tìm cách dành dụm từng bấp ngô, củ cải để nuôi anh em du kích.

Bác Nguyễn Thị Nhĩn ở thôn Nại Sa, xã Trung Châu đào 5 hầm bí mật ở cả trong nhà và ngoài vườn. Có hầm chiếm gần hết ba gian nhà, có căn lọt giữa hai bức tường. Nhiều cán bộ du kích qua lại đều được bác nuôi giấu chu đáo. Có lần địch phát hiện được hầm ở vườn nhà bác, chúng tra tấn bác rất dã man. Trước sau bác chỉ trả lời: "Tôi không biết ai đào cả". Từ đó, địch càng rình mò theo dõi bác. Dù bị bắt nhiều lần và tra tấn dã man, song khi trở về bác vẫn tích cực nuôi giấu anh em du kích.

Gia đình bà Trần Thị Ngữ ở thôn Phan Long, xã Tân Hội cũng là một cơ sở bảo vệ cơ quan huyện. Trước Cách mạng tháng Tám, gia đình bà đã là cơ sở cách mạng. Kháng chiến bùng nổ, chồng con bà đều tham gia chiến đấu. Anh Phan Xích con trai bà đã chiến đấu rất dũng cảm khiến kẻ thù phải khiếp sợ gọi anh là “Hùm xám Liên Bắc”. Không những động viên chồng con đi kháng chiến, bà còn tích cực nuôi giấu cán bộ. Ngày đêm địch rình mò quanh nhà bà. Mỗi bước bà đi đều bị những con mắt của bọn tề theo dõi, song bà vẫn bình tĩnh, mưu trí bảo vệ cán bộ, bảo vệ cơ quan huyện. Năm 1948, anh Phan Xích hy sinh. Nén đau thương, bà càng hăng hái tham gia kháng chiến. Hình ảnh cao đẹp của bà mãi mãi khắc sâu trong lòng Nhân dân Liên Bắc.

Còn nhiều gia đình trên địa bàn huyện đã kiên cường, dũng cảm mặc cho kẻ thù rình mò, bắt bớ, đốt phá song vẫn một lòng bảo vệ cơ sở cách mạng. Sống trong tình thương bao la và tấm lòng nhiệt huyết đóng góp cho sự nghiệp kháng chiến của Nhân dân Liên Bắc, các đồng chí cán bộ, du kích như được tiếp thêm sức mạnh càng hăng hái bám cơ sở, lãnh đạo phong trào.

II. TÀI LIỆU THAM KHẢO VỀ CÁC XÃ, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

THỊ TRẤN PHÙNG



Quang cảnh trung tâm thị trấn Phùng

I. Điều kiện tự nhiên, lịch sử hình thành

Thị trấn Phùng là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội của huyện Đan Phượng, nằm ở cửa ngõ phía Tây của Thành phố Hà Nội. Về địa giới, phía Đông giáp xã Tân Hội và huyện Hoài Đức; phía Tây giáp xã Đồng Tháp; phía Nam giáp xã Song Phượng; phía Bắc giáp xã Đan Phượng. Tổng diện tích đất tự nhiên là 293,3 ha, trong đó đất sản xuất nông nghiệp là 116,522 ha, còn lại là đất chuyên dụng. Đến tháng 6/2019, thị trấn có 2.650 hộ, 10.374 nhân khẩu, sinh sống tại 6 tổ dân phố.

Lịch sử hình thành của thị trấn Phùng gắn với các thời kỳ dựng nước và giữ nước của dân tộc. Trước đây, vùng đất này thuộc tổng Phùng, huyện Đan Phượng, phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây.

Đến tháng 10/1954, thị trấn Phùng được thành lập gồm 4 tổ dân phố: Tây Sơn, Phan Đình Phùng, Nguyễn Thái Học, Phùng Hưng. Năm 2003, thị trấn Phùng được mở rộng địa giới hành chính, sáp nhập thêm thôn Phương Trì của xã Đan Phượng và thôn Thụy Ứng của xã Song Phượng. Năm 2008, Ủy ban nhân dân huyện Đan Phượng quyết định điều chỉnh địa giới, đổi tên thôn, tổ dân phố thuộc thị trấn Phùng. Theo quyết định này, thị trấn Phùng có 6 tổ dân phố: Tây Sơn, Phan Đình Phùng, Nguyễn Thái Học, Phùng Hưng, Thụy Ứng, Phương Trì và ổn định cho đến nay.

II. Chính trị

Nhân dân thị trấn Phùng giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, luôn đoàn kết, giúp đỡ nhau trong đời sống và kháng chiến. Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, Nhân dân địa bàn thị trấn Phùng một lòng theo Đảng đấu tranh đánh đổ ách áp bức bóc lột của đế quốc phong kiến, giành chính quyền về tay Nhân dân.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Nhân dân địa bàn thị trấn Phùng dưới sự chỉ đạo kịp thời của Huyện ủy đã có những phương thức đấu tranh phù hợp, do đó vừa giữ vững được phong trào đấu tranh, vừa đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến của dân tộc. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đã có 29 người con của thị trấn hy sinh anh dũng. Ở Thụy Ứng, 12 gia đình được công nhận là gia đình cơ sở kháng chiến, trong đó 2 gia đình được tặng thưởng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất, 10 gia đình được tặng Bằng khen. Gia đình đồng chí Bùi Trọng Uông và Bùi Trọng Nhai (Phương Trì) được tặng Bằng có công với nước. Hai vợ chồng đồng chí Nguyễn Quý Thuởng (Thụy Ứng) còn là cán bộ của Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Hà Đông.

Năm 1958, để củng cố hệ thống chính trị, Huyện ủy đã thành lập Chi bộ Đảng thị trấn Phùng gồm 4 đảng viên. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, Chi bộ thị trấn Phùng chỉ đạo Nhân dân tập trung thực hiện nhiệm vụ “vừa sản xuất vừa chiến đấu”,

phối hợp chặt chẽ với các đơn vị bạn chiến đấu chống lại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, bảo vệ đập Phùng. Đặc biệt, thị trấn Phùng là đơn vị thực hiện tốt các đợt tuyển quân, tiễn đưa hàng trăm thanh niên lên đường đi bộ đội, đi thanh niên xung phong. Nhiều gia đình ở thị trấn có từ 2 đến 5 người con đi đánh Mỹ, có những gia đình chỉ có một người con, hoặc một con trai duy nhất cũng hăng hái vào bộ đội, trong đó có 96 liệt sĩ. Năm 1973, Chi bộ thị trấn được Huyện ủy chuẩn y thành Đảng bộ. Đến năm 2019, Đảng bộ thị trấn có 530 đồng chí, sinh hoạt trong 13 chi bộ.

Tổng kết các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới, thị trấn Phùng có trên 7.000 lượt người lên đường chiến đấu, trong đó có 133 người anh dũng hy sinh và 91 người bỏ lại một phần xương máu tại các chiến trường, 18 mẹ được phong tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Đất nước thống nhất, Đảng bộ và Nhân dân thị trấn Phùng nhanh chóng cùng Nhân dân cả nước tháo gỡ khó khăn, tham gia chi viện và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo (từ năm 1986 đến nay). Với tinh thần đoàn kết nhất trí, Đảng bộ và Nhân dân thị trấn từng bước phát huy tiềm năng, thế mạnh đưa thị trấn Phùng phát triển vững chắc, toàn diện, xứng đáng là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, thương mại của huyện. Nhờ đó, hệ thống cơ sở hạ tầng điện, đường, trường, trạm, công sở, mạng lưới giao thông được xây dựng hiện đại, bền vững... đảm bảo nhu cầu phát triển của địa phương. Quốc phòng, an ninh được giữ vững. Đó là những tiền đề căn bản để Đảng bộ và Nhân dân thị trấn Phùng phấn đấu xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh.

III. Kinh tế

Nằm ở vị trí trung tâm huyện, thị trấn Phùng có nhiều điều kiện để phát triển đa dạng các ngành kinh tế. Quốc lộ 32A chạy qua thị trấn dài khoảng 3,5 km, có 7 tuyến đường liên huyện,

liên xã dài trên 10 km, thuận tiện cho giao thương với các địa phương lân cận. Địa bàn cũng có cụm công nghiệp, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ truyền thống, nhiều cửa hàng kinh doanh dịch vụ với quy mô lớn đảm bảo phục vụ nhu cầu đời sống của Nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy Đan Phượng, trong những năm qua, Đảng bộ và Nhân dân thị trấn Phùng đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực. Cán bộ và Nhân dân thị trấn Phùng vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2009); Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 2014) và nhiều bằng khen, giấy khen của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

IV. Văn hóa - xã hội

Người dân thị trấn có truyền thống văn hóa lâu đời, các phong tục tập quán, truyền thống văn hóa địa phương được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Trong suốt chiều dài phát triển cùng lịch sử dân tộc, vùng đất và con người thị trấn Phùng góp phần không nhỏ trong công cuộc xây dựng và bảo tồn những giá trị về đạo đức, lối sống, cách giao tiếp, ứng xử hàng ngày tạo nên những nét đẹp văn hóa đặc sắc. Cùng với những giá trị truyền thống tốt đẹp, các thế hệ người dân nơi đây đã xây dựng và giữ gìn nhiều công trình văn hóa, tín ngưỡng, trong đó có 5 di tích lịch sử - văn hóa cấp thành phố, gồm đình - chùa - quán Thụy Ứng, chùa - quán Phượng Trì.

Thị trấn Phùng là địa danh gắn liền với món nem Phùng truyền thống. Từ lâu, nem Phùng đã được xếp vào hàng các thức đặc sản miền Bắc bởi hương vị độc đáo và gia vị thơm ngon:

*Nem Phùng ăn với lá sung
Cho người tứ xứ nhớ nhung một đời*

XÃ ĐAN PHƯỢNG



Đình Đông Khê (xã Đan Phượng)

I. Điều kiện tự nhiên, lịch sử hình thành

Xã Đan Phượng nằm cách trung tâm Thành phố Hà Nội 22 km về phía Tây; phía Đông giáp xã Tân Hội, phía Tây giáp thị trấn Phùng, phía Nam giáp xã Song Phượng, phía Bắc giáp xã Phương Đình. Tổng diện tích tự nhiên của xã là 382,5 ha, trong đó đất nông nghiệp chiếm 50,76%, đất phi nông nghiệp chiếm 48,72%, còn lại là các loại đất khác. Tính đến tháng 9/2019, xã Đan Phượng có 2.624 hộ, 9.230 nhân khẩu.

Trong quá trình hình thành và phát triển, Đan Phượng đã trải qua nhiều lần thay đổi địa giới hành chính. Năm 1946, chính quyền cách mạng huyện Đan Phượng quyết định bỏ tổng để thành lập xã, chia tổng Đan Phượng Thượng (tổng Phùng) thành 3 xã: Đan Phượng, Song Phượng và Đồng Tháp. Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã ngày 04/3/1946, được sự chỉ đạo của Chi bộ Đảng và Ủy ban hành chính huyện, xã Đan Phượng chính thức được thành lập gồm 4 thôn: Đại Phùng, Đông Khê, Đoài Khê, Phượng Trì thuộc tỉnh Hà Đông. Ngày 01/01/2003,

thực hiện Nghị định số 38/2002/NĐ-CP ngày 08/4/2002 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng thị trấn Phùng, xã Đan Phượng chuyển thôn Phượng Trì sang thị trấn quản lý. Theo đó, xã còn lại 3 thôn: Đại Phùng, Đoài Khê, Đông Khê và ổn định cho đến hiện nay.

II. Chính trị

Đan Phượng là vùng đất giàu truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm. Khi đất nước bị xâm lăng, Nhân dân địa phương cùng Nhân dân cả nước đoàn kết, chung sức, anh dũng chiến đấu bảo vệ quê hương, đất nước.

Tháng 02/1946, Chi bộ Đảng xã Đan Phượng được thành lập, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương. Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, nhiều gia đình đã kiên cường bảo vệ cán bộ, du kích và được Chính phủ tặng bằng khen về thành tích phục vụ kháng chiến.

Tháng 01/1963, Đảng bộ xã Đan Phượng được thành lập. Từ khi ra đời, Đảng bộ xã đã lãnh đạo Nhân dân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Tổng kết các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, xã Đan Phượng có 128 liệt sĩ, 62 thương binh, 28 bệnh binh, 47 người nhiễm chất độc hóa học, 17 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng. Xã vinh dự được Nhà nước tặng thưởng 78 huân chương; 92 huy chương các loại cho cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu; 642 Bằng vàng danh dự cho các gia đình có con em tham gia bộ đội.

Miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, cán bộ, đảng viên và Nhân dân xã Đan Phượng cùng cả nước khắc phục hậu quả chiến tranh, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống Nhân dân. Từ khi thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ và Nhân dân xã Đan Phượng không ngừng phấn đấu vươn lên và đạt được những kết quả quan trọng làm thay đổi sâu sắc diện mạo quê hương. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững và ổn định. Nhiều năm liền, lực lượng vũ trang Đan Phượng được Bộ Chỉ huy quân sự Thành phố Hà Nội công nhận là Đơn vị Quyết thắng. Năng lực lãnh đạo

và sức chiến đấu của tổ chức Đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền được nâng cao. Tính đến hết năm 2018, Đảng bộ có 331 đảng viên, sinh hoạt trong 9 chi bộ.

Đan Phượng là xã đầu tiên của tỉnh Hà Tây được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (năm 2000). Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, năm 2013, Đan Phượng được công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015. Đến năm 2018, Đan Phượng là một trong ba xã đầu tiên của Thành phố Hà Nội đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

III. Kinh tế

Người dân xã Đan Phượng sống chủ yếu bằng nghề nông nghiệp với cây trồng chính là lúa nước. Ngoài ra, còn có nghề trồng dâu nuôi tằm, ương tơ, dệt lụa. Trong những năm gần đây, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ, Nhân dân đã tập trung phát triển nông nghiệp toàn diện, thực hiện thâm canh, kết hợp với tăng vụ, xen canh gối vụ và mở rộng diện tích nhằm tăng năng suất và đạt hiệu quả cao. Bên cạnh trồng trọt, ngành chăn nuôi theo hướng kinh doanh phát triển mạnh. Về thủ công nghiệp, Đảng bộ đã tăng cường chỉ đạo ổn định công việc, từng bước mở rộng và phát triển các nghề thủ công truyền thống. Với lợi thế ven đô, người dân còn phát triển dịch vụ vận tải, kinh doanh tạp hóa với các mặt hàng đa dạng đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của người dân.

Đan Phượng là một trong những xã duy trì tốt mô hình kinh tế tập thể với 3 hợp tác xã: Hợp tác xã Đan Phượng, Hợp tác xã năm Nghĩa Minh, Hợp tác xã rau hữu cơ Quý Cuối. Tính đến năm 2018, tổng giá trị sản xuất đạt 461,194 tỷ đồng; thu nhập bình quân đạt 49,99 triệu đồng/người. Hiện nay, trên địa bàn xã có 1 điểm công nghiệp và 1 làng nghề.

Phát huy truyền thống lao động cần cù trong sự nghiệp đổi mới đất nước, diện mạo xã Đan Phượng có nhiều thay đổi rõ rệt. Kinh tế phát triển, năng suất và sản lượng cây trồng ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Những thành tựu đó sẽ là động lực để cán bộ, đảng viên và Nhân dân Đan Phượng quyết tâm xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh.

IV. Văn hóa - xã hội

Đan Phượng là vùng đất có bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa. Nhân dân có truyền thống đoàn kết, nhân ái, hiếu học, lao động cần cù và tinh thần đấu tranh cách mạng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, quê hương. Trước đây, các thôn trong xã đều có đình, đền, chùa. Trải qua thời gian, do thiên tai và chiến tranh tàn phá, nhiều công trình đã bị phá hủy. Hiện nay, trên địa bàn xã có các di tích: đình Đại Phùng, chùa Đại Phùng, nhà thờ họ Tạ Đăng (thôn Đại Phùng), đình Đông Khê, chùa Đông Khê, chùa Đoài Khê, quán Đoài Khê (thôn Đoài Khê). Trong đó có 5 di tích được xếp hạng cấp quốc gia bao gồm: đình, chùa Đại Phùng; đình, chùa Đông Khê, quán Đoài Khê. Hiện nay, đình Đại Phùng được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia đặc biệt. Những năm gần đây, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, quyền tự do, tín ngưỡng được đề cao, nhiều công trình được tu bổ và phục dựng.

Đan Phượng là vùng đất có truyền thống hiếu học. Thời phong kiến, Đan Phượng có 3 tiến sĩ được khắc tên ở Văn Miếu Quốc Tử Giám. Ngày nay, con em trong xã thi đua học tập và giành được nhiều thành tích cao. Bên cạnh đó, Đảng bộ còn lãnh đạo Nhân dân thực hiện tốt các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn.

XÃ SONG PHƯỢNG



Cảnh quan làng Tháp Thượng (xã Song Phượng)

I. Điều kiện tự nhiên, lịch sử hình thành

Song Phượng là xã gần trung tâm huyện Đan Phượng, cách trung tâm Thành phố Hà Nội 20 km; phía Đông và phía Bắc giáp thị trấn Phùng; phía Tây giáp xã Đồng Tháp; phía Nam giáp xã Minh Khai và Đức Thượng (huyện Hoài Đức). Tổng diện tích tự nhiên của xã là 224,25 ha. Tính đến năm 2019, xã có 1.075 hộ, với 5.125 nhân khẩu.

Năm 1946, xã Song Phượng được thành lập. Đến tháng 11/1948, các xã Song Phượng, Đan Phượng, Liên Hợp (năm 1970 đổi tên là Đồng Tháp) hợp nhất thành xã chung là Đan Phượng. Năm 1956, xã Song Phượng được thành lập trên cơ sở tách từ xã chung Đan Phượng, gồm 4 làng: Thu Quế, Thuận Thượng, Tháp Thượng, Thụy Ứng. Từ năm 2003, làng Thụy Ứng được chuyển về thị trấn Phùng, xã Song Phượng còn 4 làng và ổn định cho đến nay: Thu Quế, Thuận Thượng, Tháp Thượng, Thống Nhất⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Làng Thống Nhất được tách ra từ làng Thu Quế.

II. Chính trị

Nhân dân Song Phượng có một lòng nồng nàn yêu nước. Khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, Nhân dân Song Phượng tham gia nhiều phong trào yêu nước và một số trận đánh như: trận Cầu Giấy năm 1883, trận đánh bột Phùng năm 1883 và đấu tranh bảo vệ làng xóm, nổi bật là trận đánh nhóm cướp Đại Đồng năm 1883 tại thôn Thu Quế và Thuận Thượng.

Ngày 03/02/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, Nhân dân Song Phượng quyết tâm đi theo Đảng, đi theo Bác Hồ làm cách mạng. Ở thôn Thu Quế sớm xuất hiện các tổ chức như Hội Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc thu hút đông đảo người dân tham gia. Năm 1944, Báo Cứu quốc được chuyển về hoạt động tại thôn Thu Quế, địa điểm in báo được đặt tại thôn Thống Nhất, các số báo được in ra góp phần động viên Nhân dân tích cực tham gia cách mạng.

Cách mạng tháng Tám thành công, Nhân dân Song Phượng được làm chủ vận mệnh của mình. Ngày 10/02/1946, Chi bộ Đảng đầu tiên của xã Song Phượng được thành lập gồm 9 đảng viên. Đến tháng 11/1946, chính quyền xã được thành lập và thống nhất tên gọi là xã Song Phượng. Căn cứ vào điều kiện địa phương và yêu cầu nhiệm vụ, năm 1964, Chi bộ xã Song Phượng được nâng lên thành Đảng bộ. Với khẩu hiệu “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, Nhân dân Song Phượng đóng góp hàng trăm tấn lương thực cho Nhà nước.

Trong các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, xã Song Phượng có 126 liệt sĩ; 28 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, trong đó có mẹ Tạ Thị Thiềm có 4 người con là liệt sĩ; 174 cá nhân và gia đình được khen thưởng, trong đó có 9 gia đình cách mạng và nhiều phần thưởng cao quý khác. Năm 1999, Song Phượng được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Sau khi đất nước hòa bình, Nhân dân Song Phượng bắt tay vào xây dựng quê hương, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Đến năm 2019, Đảng bộ có 238 đảng viên, sinh hoạt trong 8 chi bộ, nhiều năm liên Đảng bộ được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Nhờ làm tốt công tác an ninh, tình hình an ninh chính trị, trật tự trên địa bàn được giữ vững. Lực lượng công an xã Song Phượng nhiều năm liền được công nhận là Đơn vị Tiên tiến, Quyết thắng, được tặng nhiều bằng khen, giấy khen của công an và Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

Song Phượng là xã điểm về xây dựng nông thôn mới của Thành phố Hà Nội. Năm 2013, Song Phượng được công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới, được nhận Cờ thi đua của Chính phủ (năm 2012, 2014), Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 2014) cùng nhiều giấy khen, bằng khen và nhiều lần được các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước về thăm. Đến năm 2018, Song Phượng là 1 trong 3 xã đầu tiên của Thành phố Hà Nội đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và được tặng Cờ thi đua của Chính phủ.

III. Kinh tế

Được sông Hồng và sông Đáy bồi đắp phù sa, Song Phượng có những cánh đồng màu mỡ thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp với cây trồng chủ yếu là lúa và hoa màu. Ngoài ra, người dân trong xã còn trồng thêm một số cây trồng khác như: mía, ngô, khoai và chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm. Đến nay, xã không còn diện tích trồng lúa và đã chuyển đổi được 114,5 ha đất sang nuôi trồng những giống cây, con cho giá trị kinh tế cao như: 20 ha trồng hoa, 48 ha cây ăn quả và 15 ha kinh tế trang trại ven sông Đáy.

Trên địa bàn xã có nhiều làng nghề truyền thống, trong đó có làng nghề làm bánh kẹo ở thôn Thấp Thượng với một số sản phẩm như: kẹo lạc, kẹo vừng, kẹo dồi... Nhiều cơ sở sản xuất đã xây dựng được thương hiệu riêng như hộ gia đình ông Quách Văn Kỳ, Đỗ Văn Ngọc... Việc phát triển các làng nghề truyền thống giúp giải quyết được một phần vấn đề việc làm cho hàng trăm lao động trong xã.

Phát huy truyền thống lao động cần cù trong sự nghiệp đổi mới đất nước, diện mạo Song Phượng có nhiều thay đổi rõ rệt. Kinh tế phát triển, năng suất và sản lượng cây trồng ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng hàng hóa, lao động được phân công một cách hợp lý và hiệu quả. Tính đến năm 2019,

tổng thu ngân sách đạt 12 tỷ 650 triệu đồng, thu nhập bình quân đạt 54,6 triệu đồng/người. Những kết quả đạt được là động lực để Nhân dân Song Phượng tiếp tục xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

IV. Văn hóa - xã hội

Song Phượng tự hào là vùng đất mang nét văn hóa đặc trưng của nền văn minh lúa nước gắn với quá trình đấu tranh chinh phục tự nhiên, chống giặc ngoại xâm. Những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể đó được người dân Song Phượng giữ gìn và phát huy từ đời này qua đời khác.

Trên địa bàn xã có một số công trình kiến trúc như: đền Tam Phủ, chùa Đồi Hôi (thôn Thu Quế); đền, chùa Nhạn Tháp (thôn Tháp Thượng); đình làng Thu Quế; đình Thuận Thượng (thôn Thuận Thượng)... trong đó đền Tam Phủ, chùa Đồi Hôi được công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia và Di tích lịch sử cách mạng.

Thiên Chúa giáo xuất hiện ở Song Phượng từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Nhà thờ đạo được xây dựng từ năm 1926, qua nhiều lần trùng tu, đến nay quy mô nhà thờ được rộng rãi và khang trang hơn.

Bên cạnh những di sản văn hóa vật thể, Song Phượng còn lưu giữ được những lễ hội với các trò chơi dân gian và các loại hình ca múa nhạc được Nhân dân sáng tạo như: hát chèo, hò vè, hát trống quân... Các hoạt động văn hóa giúp cho đời sống tinh thần của người dân thêm phong phú, vui tươi.

XÃ ĐỒNG THÁP



Đình Thọ Vực (xã Đồng Tháp)

I. Điều kiện tự nhiên, lịch sử hình thành

Xã Đồng Tháp có vị trí địa lý: phía Đông giáp thị trấn Phùng và xã Song Phượng; phía Tây giáp xã Liên Hiệp và xã Hiệp Thuận (huyện Phúc Thọ); phía Nam giáp xã Minh Khai (huyện Hoài Đức); phía Bắc giáp xã Phương Đình. Tổng diện tích tự nhiên của xã là 276,69 ha; trong đó đất nông nghiệp là 144,495 ha, đất phi nông nghiệp là 132,195 ha.

Xã Đồng Tháp trước đây có tên là Liên Hợp, được thành lập năm 1956 trên cơ sở tách ra từ xã Đan Phượng cũ. Đến năm 1970, xã Liên Hợp đổi tên thành xã Đồng Tháp. Tính đến tháng 10/2019, xã Đồng Tháp có 5 thôn: Bãi Tháp, Bãi Thụy, Thọ Vực, Đồng Vân, Đại Thần; với 2.048 hộ và 8.742 nhân khẩu.

II. Chính trị

Đồng Tháp là vùng đất có truyền thống cách mạng từ lâu đời. Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập,

Nhân dân Đồng Tháp quyết tâm đi theo Đảng làm cách mạng. Tháng 4/1944, tại làng Đồng Lạc, các chiến sĩ yêu nước đã thành lập Tổ Thanh niên Cứu quốc nhằm tuyên truyền đường lối cách mạng, phong trào yêu nước, vận động Nhân dân đoàn kết đấu tranh giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, Nhân dân địa bàn xã Đồng Tháp cùng Nhân dân xã Đan Phượng chống lại các cuộc càn quét của quân địch, hưởng ứng các phong trào ủng hộ bộ đội, du kích, đồng thời vận động con em lên đường nhập ngũ.

Tháng 8/1956, Chi bộ xã Liên Hợp được thành lập. Năm 1968, Chi bộ xã Liên Hợp được nâng lên thành Đảng bộ. Đến năm 1970 đổi tên thành Đảng bộ xã Đồng Tháp. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền xã, với tinh thần "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", Nhân dân đã không tiếc của cải, công sức một lòng đoàn kết đánh đuổi quân thù, làm thất bại âm mưu của quân Mỹ, bảo vệ an toàn công trình đập Đáy ngày 28/4/1967. Cũng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đồng Tháp chi viện cho chiến trường hàng trăm tấn lương thực, thực phẩm.

Tổng kết các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, xã Đồng Tháp có 112 liệt sĩ, 24 thương binh, bệnh binh, 6 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng. Với những đóng góp đó, cán bộ, đảng viên và Nhân dân xã vinh dự được Đảng, Nhà nước tặng thưởng 348 Bằng gia đình vẻ vang; 39 Bằng vàng danh dự; 55 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Nhì, Ba; 160 Huy chương Kháng chiến và nhiều bằng khen, giấy khen.

Từ năm 1986 đến nay, Đồng Tháp luôn giữ vững được sự ổn định về chính trị và trật tự xã hội, quốc phòng, an ninh được đảm bảo. Tính đến tháng 11/2019, Đảng bộ xã Đồng Tháp có 379 đảng viên, sinh hoạt trong 10 chi bộ.

Năm 2013, xã Đồng Tháp được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015. Năm 2019, Đồng Tháp được công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

III. Kinh tế

Địa hình của xã tương đối bằng phẳng, đất đai màu mỡ do được hình thành từ phù sa sông Đáy và có nguồn nước dồi dào nên sản xuất nông nghiệp, thủy sản tương đối phát triển. Bên cạnh đó, người dân trong xã đẩy mạnh chăn nuôi và phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, góp phần tạo việc làm và tăng thêm thu nhập cho người dân. Đảng bộ và chính quyền xã đã tạo điều kiện hỗ trợ, khuyến khích các hộ gia đình phát triển thương mại, dịch vụ với các mặt hàng đa dạng, đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu tiêu dùng của Nhân dân.

Với lợi thế về giao thông đường bộ và đường thủy, đặc biệt có Quốc lộ 32 chạy qua, xã có nhiều thuận lợi trong việc giao lưu, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội với các địa phương lân cận.

Trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế, Đồng Tháp tập trung phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng dịch vụ, sinh thái như: vườn trại, trồng rau sạch, trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả... xây dựng cơ sở hạ tầng theo hướng đồng bộ và từng bước hiện đại. Năm 2019, thu nhập bình quân đạt 52,5 triệu đồng/người, đời sống người dân ngày càng được nâng cao.

IV. Văn hóa - xã hội

Nhân dân Đồng Tháp có đời sống văn hóa vô cùng phong phú. Phần lớn người dân trong xã lưu giữ được những tín ngưỡng dân gian như thờ cúng tổ tiên và thờ Thành hoàng làng. Để đáp ứng đời sống tâm linh của người dân, đình, chùa, miếu được xây dựng để thờ cúng các vị thần linh, thổ địa, thờ Phật và những người có công khai phá, lập làng. Hiện nay, trên địa bàn

xã Đồng Tháp có nhiều đình, đền, chùa, miếu; trong đó đình Thọ Vực, đền Sông (Đại Thần) được xếp hạng Di tích cấp quốc gia, đình Đồng Vân, đền Bãi Tháp được xếp hạng Di tích cấp tỉnh. Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có 1 nhà thờ chính xứ Thụy Ứng và 2 nhà thờ họ của đạo Thiên Chúa được người dân tôn tạo, trùng tu và bảo vệ.

Hàng năm, vào những ngày đầu xuân và ngày lễ, người dân các thôn tổ chức lễ hội truyền thống để tưởng nhớ đến công lao của các vị thánh, thần đối với dân làng. Đây là dịp để người dân gắn kết với nhau cùng phát huy những truyền thống văn hóa và bản sắc dân tộc, tình đoàn kết, tình yêu quê hương, đất nước.

XÃ PHƯƠNG ĐÌNH



Khung cảnh đường thôn La Thạch (xã Phương Đình)

I. Điều kiện tự nhiên, lịch sử hình thành

Xã Phương Đình có vị trí gần trung tâm huyện Đan Phượng, cách trung tâm Thành phố Hà Nội 22 km về phía Tây. Xã có vị trí địa lý: phía Đông giáp xã Thượng Mỗ; phía Tây giáp xã Thọ An và xã Thanh Đa (huyện Phúc Thọ); phía Nam giáp xã Đan Phượng và xã Đồng Tháp; phía Bắc giáp xã Trung Châu và Thọ An. Tổng diện tích tự nhiên của xã là 625,47 ha. Tính đến năm 2019, xã có 3.201 hộ, 13.556 nhân khẩu.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Phương Đình có nhiều lần thay đổi về địa giới hành chính. Địa bàn Phương Đình xưa thuộc tổng Thu Vỹ và tổng Thiên Mạc, huyện Đan Phượng, phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây. Đến năm 1888, Phương Đình thuộc phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội, gồm 5 xã: Phương Mạc, La Thạch, Ích Vĩnh, Dịch Vỹ, Cổ Ngõa.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc bãi bỏ cấp tổng, 5 xã cũ được sáp nhập

thành 3 xã: Tam Long, Dịch Vỹ, Cổ Ngõa. Đến năm 1948, 3 xã được sáp nhập thành xã Liên Minh. Năm 1972, xã Liên Minh được đổi tên thành xã Phương Đình.

Đến ngày 01/8/2008, theo Nghị quyết 15/2008/NQ-QH12 ngày 29/5/2008 của Quốc hội, xã Phương Đình thuộc huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, gồm 10 thôn: Phương Mạc, La Thạch, Ích Vịnh, Dịch Thượng, Dịch Trung, Dịch Đình, Cổ Thượng, Dịch Trong, Cổ Hạ, Cổ Ngõa.

II. Chính trị

Phương Đình là vùng đất có truyền thống yêu nước, kiên cường trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Ngày 15/7/1946, Chi bộ Đảng Dịch Vỹ - Cổ Ngõa (tiền thân của Đảng bộ xã Phương Đình ngày nay) được thành lập. Ngay từ khi ra đời, Chi bộ Đảng kịp thời lãnh đạo Nhân dân bước vào thời kỳ kháng chiến, kiến quốc. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, mặc dù nằm trong vùng o ép của địch, du kích và Nhân dân trong xã đã kháng chiến quyết liệt, lập nhiều thành tích, trong đó có chiến công vang dội: trận dịch vận lấy đồn La Thạch, góp phần giải phóng quê hương.

Tháng 4/1960, Đảng bộ 2 cấp xã Liên Minh⁽¹⁾ được thành lập, lãnh đạo Nhân dân vừa sản xuất vừa chiến đấu, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam.

Trong các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, Phương Đình có 834 thanh niên đi bộ đội, 209 liệt sĩ; vinh dự được Nhà nước tặng thưởng 563 Bằng gia đình vẻ vang, 54 Bằng vàng danh dự, 50 bằng khen cho các gia đình có công với nước, hàng nghìn huân, huy chương các loại và nhiều danh hiệu chiến sĩ thi đua, chiến sĩ quyết thắng, dũng sĩ diệt Mỹ và 15 mẹ được phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, Đảng bộ xã Phương Đình tiếp tục khắc phục khó khăn, lãnh đạo Nhân dân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng

⁽¹⁾ Liên Minh là tên gọi cũ của xã Phương Đình.

và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Từ năm 1986, Đảng bộ xã lãnh đạo Nhân dân thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và giành được nhiều thành tựu trên nhiều lĩnh vực. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, chính quyền, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã được giữ vững. Đến năm 2018, Đảng bộ xã Phương Đình có 392 đảng viên, sinh hoạt trong 17 chi bộ.

Năm 2014, Phương Đình được công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015. Đến năm 2019, Phương Đình được công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

III. Kinh tế

Phương Đình nằm trong vùng châu thổ sông Hồng, đất đai màu mỡ, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp với cây trồng chính là lúa. Bên cạnh đó, các ngành chăn nuôi, công nghiệp, thủ công nghiệp được chú trọng phát triển. Nhiều ngành nghề tiếp tục được giữ vững và phát triển như cơ khí, mộc, may, xây dựng... tạo thêm nhiều việc làm cũng như tăng thêm thu nhập cho người lao động địa phương. Thương mại - dịch vụ và vận chuyển hàng hóa trên địa bàn xã diễn ra sôi động, đặc biệt là tại các khu vực chợ Đình, ven đường 417 nhiều hộ dân mạnh dạn đầu tư buôn bán với các mặt hàng đa dạng, phong phú, đảm bảo tốt nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân. Tính đến năm 2018, tổng giá trị sản xuất đạt 656,5 tỷ đồng, thu nhập bình quân đạt 48,7 triệu đồng/người.

Những kết quả đạt được là động lực, nền tảng đưa Phương Đình tiến nhanh, tiến mạnh trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

IV. Văn hóa - xã hội

Phương Đình là vùng đất cổ, có bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa. Trên địa bàn xã hiện nay có 3 di tích cấp quốc gia: đình Phương Mạc, đình Địch Vỹ, đền - chùa Cổ Ngõa Thượng và 3 di tích xếp hạng cấp tỉnh: quán - miếu La Thạch, đình Ích Vĩnh, đình Cổ Hạ. Cùng với các di tích, các nghi thức sinh hoạt

văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo đã ra đời và phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của Nhân dân. Hiện nay, các lễ hội truyền thống trong xã vẫn duy trì. Lễ hội làng Phương Mạc là lễ hội làng tiêu biểu gắn với sự tích Thành hoàng làng - danh tướng Phạm Phòng Át (Phạm Bạch Hổ) đã có công với nước, với làng, được tổ chức từ ngày mùng 9 đến mùng 10 tháng Giêng với phần nghi lễ và phần hội diễn ra sôi nổi.

Trong những năm gần đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhân dân Phương Đình đã cùng nhau nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc tuyên truyền, gìn giữ bản sắc văn hóa địa phương. Nhân dân xã Phương Đình cùng nhau thực hiện nếp sống văn minh, thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao.

XÃ THỌ XUÂN



*Mô hình ao cá Bác Hồ được xây dựng năm 1980
(nay là ao môi trường trung tâm xã)*

I. Điều kiện tự nhiên, lịch sử hình thành

Tho Xuan là một đơn vị hành chính của huyện Đan Phượng, cách trung tâm huyện 4 km về phía Tây Bắc. Xã có vị trí địa lý: phía Đông giáp xã Trung Châu; phía Tây giáp xã Thọ An; phía Nam giáp xã Phương Đình; phía Bắc giáp sông Hồng. Bên kia sông là dải đất bãi bồi tự nhiên thuộc địa giới hành chính của xã. Tổng diện tích tự nhiên của xã là 490,97 ha.

Tho Xuan là vùng đất có từ lâu đời. Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, địa bàn xã Thọ Xuan gồm các làng Thọ Lão và Thanh Diêm. Cách mạng tháng Tám thành công, 2 xã Thanh Diêm và Thọ Lão được thành lập. Sau đó, Thanh Diêm hợp nhất với làng Yên Trung (thuộc tổng La Thạch cũ) thành xã An Diêm. Giữa tháng 6/1949, xã An Diêm và Thọ Lão sáp nhập thành xã Thọ An. Ngày 05/6/1956, xã Thọ An tách thành 2 xã: Thọ Xuan và Thọ An. Tại thời điểm thành lập, xã Thọ Xuan có 3.700 nhân khẩu. Đến năm 2018, xã Thọ Xuan có 4 thôn: Tiến Bộ, Thống Nhất, Chiến Thắng và Hòa Bình; với 2.420 hộ, và 10.747 nhân khẩu.

II. Chính trị

Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, Nhân dân Thọ Xuân hưởng ứng phong trào cách mạng, cùng Nhân dân cả nước đứng lên giành chính quyền.

Bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Nhân dân địa bàn Thọ Xuân tích cực tham gia kháng chiến, đóng góp công sức, tiền của, lương thực để nuôi quân, cùng bộ đội và du kích đập tan nhiều đợt càn quét, bắn phá của thực dân Pháp vào địa bàn xã.

Tháng 7/1956, Chi bộ xã Thọ Xuân được thành lập, đến năm 1964 được nâng lên thành Đảng bộ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ xã, với tinh thần “Tất cả vì miền Nam ruột thịt” và “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, Nhân dân Thọ Xuân vừa đẩy mạnh sản xuất vừa chi viện cho tiền tuyến.

Tổng kết các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, xã Thọ Xuân có 156 liệt sĩ, 37 thương binh, bệnh binh, 14 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, 766 gia đình được Chính phủ tặng Bằng gia đình vẻ vang, Bằng vàng danh dự; 63 cá nhân, cơ sở được Nhà nước tặng thưởng huân, huy chương các loại và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Từ năm 1986 đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, chính quyền và sự đoàn kết của Nhân dân, tình hình chính trị, trật tự xã hội của xã luôn được giữ vững. Tính đến hết năm 2018, Thọ Xuân có 275 đảng viên, sinh hoạt trong 16 chi bộ.

Sau khi đất nước hòa bình, thống nhất, Đảng bộ và Nhân dân Thọ Xuân đẩy mạnh sản xuất, ổn định cuộc sống, thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng năm 1986. Sau hơn 30 năm thực hiện đường lối đổi mới, Thọ Xuân đã có nhiều thay đổi và khởi sắc. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã được giữ vững. Đặc biệt, với việc đẩy mạnh công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, Đảng bộ đã không ngừng củng cố về tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, trở thành đơn vị nhiều năm liền được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Năm 2015, Thọ Xuân được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015, đồng thời được tặng danh hiệu đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2015.

III. Kinh tế

Trước đây, Nhân dân Thọ Xuân trồng lúa nước và một số loại cây khác như: khoai nước, khoai đốm, khoai lang... đời sống người dân còn nhiều khó khăn.

Trong những thập niên gần đây, với chủ trương tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xã đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành tiểu thủ công nghiệp, xây dựng và thương mại - dịch vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa. Khuyến khích các cá nhân, tập thể phát triển các hoạt động thương mại - dịch vụ, đồng thời đẩy mạnh đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn. Với sự phát triển của kinh tế, vấn đề việc làm của người dân cơ bản được giải quyết, đời sống vật chất và tinh thần được cải thiện. Năm 2018, thu nhập bình quân của xã đạt 41,5 triệu đồng/người.

Trải qua chặng đường đấu tranh và phát triển, Nhân dân Thọ Xuân tự hào về truyền thống quý báu và những thành tựu đạt được trên con đường xây dựng quê hương. Phát huy những truyền thống và kết quả đó, Nhân dân Thọ Xuân quyết tâm xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh.

IV. Văn hóa - xã hội

Thọ Xuân là vùng đất giàu truyền thống văn hóa, lịch sử. Các tín ngưỡng dân gian như thờ cúng tổ tiên, thờ Thành hoàng làng được Nhân dân duy trì và lưu giữ. Ngay từ năm 1929, đạo Thiên Chúa được truyền bá vào địa phương, tuy nhiên người dân theo đạo Thiên Chúa chiếm tỷ lệ thấp.

Trên địa bàn xã hiện còn lưu giữ nhiều công trình tín ngưỡng tâm linh như: đình Thọ Lão thờ tứ vị Đại vương nhà Trần⁽¹⁾, lễ hội được tổ chức từ ngày mùng 08 đến ngày 10/3 âm lịch. Năm 2013, đình được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội xếp hạng Di tích lịch sử - kiến trúc nghệ thuật cấp thành phố; đình Thanh Diềm thờ Thành hoàng Ngưu Lan Đại vương, đình tổ chức lễ hội từ ngày 05 đến ngày 06/3 âm lịch; đình An Thanh; chùa Bảo Lâm; miếu Cổ Bồng; nhà thờ giáo cực Nam, nhà thờ giáo họ ở Đạc 4, cụm 10...

Bên cạnh những giá trị văn hóa vật thể, địa phương còn lưu giữ được những giá trị văn hóa phi vật thể, đó là những trò chơi dân gian trong các lễ hội như: chọi gà, đấu vật, cờ người... Những trò chơi dân gian đó không chỉ bảo tồn những giá trị văn hóa của quê hương mà còn là cầu nối để tăng thêm sự đoàn kết giữa các thành viên trong cộng đồng.

⁽¹⁾ Tứ vị Đại vương: An Sinh vương Trần Liễu, Hoàng phu nhân Lã Thị Thái Nương, Tá bộ Đại vương Trần Quốc Thành, Chiêu Minh Đại vương Trần Quang Khải và thờ vọng Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn.

XÃ THỌ AN



Miếu Đình Nguyễn (xã Thọ An)

I. Điều kiện tự nhiên, lịch sử hình thành

Xã Thọ An nằm ở phía Tây Bắc của huyện Đan Phượng, cách trung tâm huyện 5 km. Xã có vị trí địa lý: phía Đông giáp xã Thọ Xuân; phía Tây giáp xã Trung Châu và xã Hát Môn (huyện Phúc Thọ); phía Nam giáp xã Phương Đình; phía Bắc giáp sông Hồng. Tổng diện tích đất tự nhiên của xã là 559,12 ha. Đến năm 2019, xã có 2.615 hộ, 11.475 nhân khẩu.

Thọ An là một vùng đất có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời. Theo tộc phả của các dòng họ ở các thôn, địa bàn Thọ An được hình thành cách đây khoảng trên 200 năm. Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, địa bàn xã Thọ An gồm 2 làng Thanh Diềm và Thọ Lão. Sau Cách mạng tháng Tám, xã Thanh Diềm và Thọ Lão được thành lập.

Sau đó, làng Yên Trung (thuộc tổng La Thạch cũ) hợp nhất với xã Thanh Diềm thành xã An Diềm. Ngày 15/6/1949, hai xã An Diềm và Thọ Lão hợp nhất thành xã Thọ An. Ngày 30/6/1956, xã Thọ An tách thành hai xã là Thọ An và Thọ Xuân. Đến năm 2018, xã Thọ An gồm 3 thôn: Bắc Hà, Đông Hải, Tây Sơn, 12 cụm dân cư và 14 xóm.

II. Chính trị

Nhân dân Thọ An luôn tự hào về truyền thống yêu nước vẻ vang của mình trong quá trình dựng nước và giữ nước của quê hương. Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta, phong trào chống thực dân Pháp ở địa phương diễn ra mạnh mẽ. Nhiều thanh niên trong xã tổ chức cướp súng giặc, tham gia phá thành Hà Nội và một số phong trào yêu nước do Đề Thám, Đốc Ngữ... lãnh đạo.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, dưới ánh sáng của Đảng, Nhân dân Thọ An một lòng đi theo Đảng, Bác Hồ để đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, cùng Nhân dân cả nước đứng lên giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. Trước những yêu cầu của tình hình mới, tháng 01/1949, thực hiện Quyết định của Huyện ủy Đan Phượng, Chi bộ Đảng xã Thọ An được thành lập.

Tháng 4/1968, Huyện ủy Đan Phượng ra quyết định thành lập Đảng bộ xã Thọ An. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ, Nhân dân Thọ An tích cực tham gia sản xuất và chi viện cho tiền tuyến.

Tổng kết cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, Thọ An có 14 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, 147 liệt sĩ, 17 chiến sĩ được phong tặng danh hiệu “Dũng sĩ diệt Mỹ”, 13 huân chương, 18 Bằng vàng danh dự, 577 bằng khen cho các gia đình có công với cách mạng và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Giai đoạn 1975 - 1986, Đảng bộ xã tập trung lãnh đạo nhanh chóng ổn định tình sau chiến tranh, tổ chức lại sản xuất, mở rộng quy mô hợp tác xã, nhất là đưa Chỉ thị số 100-CT/TW ngày 13/01/1981 của Ban Bí thư “về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp” vào sản xuất nông nghiệp. Từ năm 1986, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ và chính quyền xã đưa ra nhiều chủ trương, chính sách mới, sáng tạo, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương. Trải qua 70 năm

xây dựng và phát triển, đến tháng 10/2019, Đảng bộ xã có 289 đảng viên, sinh hoạt tại 18 chi bộ.

Xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, chương trình tổng thể mang tính dài hạn về phát triển kinh tế - xã hội, chính trị và quốc phòng, an ninh tại địa phương, Thọ An đã tập trung mọi nguồn lực xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2014.

III. Kinh tế

Là vùng đất nằm ở trung tâm đồng bằng sông Hồng, người dân trong xã sống chủ yếu bằng sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi. Phát huy truyền thống cần cù, chịu khó, trong công cuộc thực hiện đường lối đổi mới, xã Thọ An đạt được nhiều kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực. Kinh tế tiếp tục có bước tăng trưởng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, nhiều vùng chuyên canh được hình thành với các loại cây trồng như: cam Canh, táo xanh, chuối tiêu hồng, bưởi, rau, hoa... mang lại giá trị kinh tế cao.

Bên cạnh hoạt động sản xuất nông nghiệp, các hoạt động thương mại - dịch vụ và ngành nghề phát triển mạnh, tập trung vào các lĩnh vực: dịch vụ giao thông vận tải, vận chuyển hàng hóa, cung ứng vật tư, giống cây con, phân bón, thức ăn gia súc, hàng tạp hóa...

Kinh tế phát triển, đời sống văn hóa, tinh thần của người dân được cải thiện, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững đã tạo động lực để Thọ An đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng quê hương. Phát huy những giá trị truyền thống của quê hương sẽ là điều kiện thuận lợi để Thọ An tiếp tục thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

IV. Văn hóa - xã hội

Cũng như những miền quê khác, Thọ An là vùng đất có bề dày truyền thống văn hóa. Trong suốt chiều dài phát triển cùng lịch sử dân tộc, Nhân dân Thọ An góp phần không nhỏ

vào công cuộc xây dựng và bảo tồn những giá trị truyền thống của quê hương. Cùng với những giá trị truyền thống đó, Nhân dân Thọ An cùng nhau giữ gìn các công trình văn hóa, tín ngưỡng của địa phương như: đình, chùa, miếu, trong đó nổi bật là miếu Đình Nguyên và đền An Thịnh được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa.

Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có một số công trình tâm linh như: chùa Phúc Lâm, giếng thần xóm An Thịnh... Tại mỗi xóm đều có điểm tín ngưỡng dân gian được Nhân dân duy trì hương khói.

Bên cạnh những tín ngưỡng dân gian, trong xã còn có một bộ phận người dân theo đạo Thiên Chúa và đạo Tin Lành. Với tinh thần “Kính Chúa yêu nước”, sống “Tốt đời đẹp đạo”, những người theo đạo Thiên Chúa và Tin Lành luôn sống đoàn kết với những tôn giáo, tín ngưỡng khác trên địa bàn, nhờ đó phát huy được sức mạnh tổng hợp của các tôn giáo, góp phần xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp. Hiện nay, trên địa bàn xã có 1 nhà thờ đạo Tin Lành ở thôn Tây Sơn và nhà thờ Thiên Chúa giáo ở thôn Đông Hải.

...dụng và bảo tồn những giá trị truyền thống
...ng với những giá trị truyền thống đó, Nhân
...hau giữ gìn các công trình văn hóa, tín ngưỡng
... đình, chùa, miếu, trong đó nổi bật là miếu
...n An Thịnh được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà
...h lịch sử - văn hóa.

...địa bàn xã còn có một số công trình tâm linh
...giếng thần xóm An Thịnh... Tại mỗi xóm đều
...ân gian được Nhân dân duy trì hương khói.

...tín ngưỡng dân gian, trong xã còn có một
...theo đạo Thiên Chúa và đạo Tin Lành. Với
...a yêu nước", sống "Tốt đời đẹp đạo", những
...Chúa và Tin Lành luôn sống đoàn kết với
...guồng khác trên địa bàn, nhờ đó phát huy
...hợp của các tôn giáo, góp phần xây dựng
...tiêu đẹp. Hiện nay, trên địa bàn xã có 1 nhà
...môn Tây Sơn và nhà thờ Thiên Chúa giáo

XÃ TRUNG CHÂU



Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Trung Châu

I. Điều kiện tự nhiên, lịch sử hình thành

Trung Châu là xã thuần nông của huyện Đan Phượng. Xã có vị trí địa lý: phía Đông giáp xã Hồng Hà và Hạ Mỗ; phía Tây giáp xã Hát Môn, Vân Nam, Vân Hà của huyện Phúc Thọ; phía Nam giáp xã Phương Đình, Thọ Xuân, Thọ An; phía Bắc giáp sông Hồng. Tổng diện tích tự nhiên của xã là 807,79 ha. Năm 2019, xã có 2.070 hộ, với 8.959 nhân khẩu.

Trung Châu là xã có lịch sử hình thành từ lâu đời. Trước Cách mạng tháng Tám, vùng đất Trung Châu gồm các làng: Trung Hà, Hưu Trưng, Vân Môn, Chu Phan, Nại Sa, Yên Châu, Phương Lương Nội, Phương Lương Ngoại. Đến năm 1946, những làng này thuộc 3 xã: Ngũ Châu, Trung Hà và Vân Thủy. Cuối tháng 11/1948, 3 xã Ngũ Châu, Trung Hà, Vân Thủy sáp nhập thành xã Trung Châu.

Ngày 01/8/2008, tỉnh Hà Tây sáp nhập vào Thành phố Hà Nội. Xã Trung Châu thuộc huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Đến năm 2018, xã Trung Châu có 9 làng: Trung Hà, Hữu Trưng, Vân Môn, Chu Phan, Nại Sa, Yên Châu, Phương Ngoại, Hương Lương và Vạn Vỹ, trong đó thôn Vạn Vỹ chuyên sống bằng nghề chài lưới, đánh bắt cá tự nhiên và nuôi cá lồng trên sông Hồng.

II. Chính trị

Nhân dân Trung Châu luôn tự hào về truyền thống yêu nước của quê hương. Ngày 03/02/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, người dân các làng Trung Hà, Hữu Trưng, Vân Môn, Chu Phan, Nại Sa, Yên Châu, Phương Lương Nội, Phương Lương Ngoại cùng Nhân dân cả nước đứng lên giành chính quyền trong cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Năm 1946, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ. Để đáp ứng những yêu cầu của tình hình mới, đầu năm 1949, Chi bộ xã Trung Châu ra đời và trực tiếp lãnh đạo phong trào kháng chiến ở địa phương.

Trong 9 năm (1946 - 1954) kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Trung Châu nhiều lần bị giặc càn quét, tàn phá, song người dân nơi đây luôn đoàn kết, anh dũng đứng lên chống giặc, làm nên nhiều trận đánh vang dội. Tiêu biểu là chiến thắng chợ Gốc Ngô ngày 17/8/1948, khiến quân địch khiếp sợ.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tháng 5/1963, Đảng bộ xã Trung Châu được thành lập, trực tiếp lãnh đạo Nhân dân phát triển kinh tế - xã hội, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến, góp phần cùng cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Tổng kết các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, xã Trung Châu có 1.093 người nhập ngũ, 156 liệt sĩ, 60 gia đình được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng vàng danh dự, 524 gia đình được Bộ Quốc phòng tặng Bằng gia đình vẻ vang, 12 mẹ được Chủ tịch nước phong tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Sau ngày đất nước thống nhất, Đảng bộ xã lãnh đạo Nhân dân ổn định cuộc sống, đẩy mạnh sản xuất. Trong hơn 30 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986 - 2020), Đảng bộ xã Trung Châu đã vận dụng linh hoạt đường lối đổi mới vào đặc điểm cụ thể của địa phương, đề ra các giải pháp tích cực nhằm khai thác hiệu quả thế mạnh vùng bãi, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Trong đó, công tác quốc phòng, an ninh luôn nhận được sự lãnh đạo sát sao của Đảng ủy, sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể và quần chúng Nhân dân. Tính đến hết năm 2020, Đảng bộ xã Trung Châu có 289 đảng viên, sinh hoạt trong 18 chi bộ.

Với sự quyết tâm cao, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, năm 2014, Trung Châu được công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới. Đến năm 2019, xã Trung Châu được công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

III. Kinh tế

Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của Trung Châu đã tạo nhiều thuận lợi để người dân địa phương đẩy mạnh phát triển trồng cây rau màu, cây ăn quả, hình thành một số vùng chuyên canh hàng hóa như: rau an toàn Bãi Ngũ Châu, chuối tây, chuối tiêu hồng, vùng chăn nuôi Bãi Ngũ Châu xa khu dân cư rộng 10,09 ha để đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, góp phần tăng thêm thu nhập cho người dân trong xã.

Kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của người dân từng bước được nâng lên, 100% số hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh, số hộ nghèo theo tiêu chí nông thôn mới giảm còn 0,43% (năm 2020). Thu nhập bình quân năm 2019 đạt 54,47 triệu đồng/người.

Nhìn lại chặng đường đã đi qua, cán bộ, đảng viên và Nhân dân Trung Châu tự hào vì đã có những đóng góp vào quá trình đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc và trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phát huy những truyền thống quý báu của quê hương, Nhân dân Trung Châu quyết tâm thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng Trung Châu ngày càng giàu đẹp, văn minh.

IV. Văn hóa - xã hội

Trung Châu là vùng đất còn lưu giữ được nhiều phong tục tập quán tốt đẹp của quê hương với những lễ hội mang ý nghĩa sinh hoạt cộng đồng. Người dân Trung Châu theo tín ngưỡng dân gian thờ cúng tổ tiên, thờ Thành hoàng làng và đạo Phật. Những ngôi đình, đền, chùa được xây dựng và các lễ hội dân gian được tổ chức để phục vụ đời sống văn hóa tâm linh của người dân địa phương.

Hiện nay, trên địa bàn xã có 4 di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng cấp quốc gia là: đình Trung Hà, đình Phương Tiến, chùa Khánh Hưng, đền Vân Môn; 3 di tích xếp hạng cấp tỉnh, thành phố là: đình Hưu Trưng, đình Nại Sa, chùa Nại Sa. Ngoài ra, xã còn có 7 di tích lịch sử - văn hóa như: đình Phương Ngoại, đình Chu Phan, chùa Chu Phan, chùa Vân Môn, đình Yên Châu, chùa Yên Châu, chùa Trung Hà.

Lễ hội ở Trung Châu được tổ chức hằng năm vào mùa xuân để ghi nhớ công ơn các bậc công thần khai quốc, những vị Thành hoàng có công khai phá mảnh đất này. Nét đặc sắc trong phần hội ở Trung Châu là tục cướp cây bông được tổ chức tại đình Trung Hà nhằm dựng lại hình ảnh bà Vĩnh Hoa - một nữ tướng dưới thời Hai Bà Trưng chiêu mộ quân, đây là di sản văn hóa phi vật thể được lưu giữ và tổ chức hằng năm, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa độc đáo của quê hương.

xã hội

vùng đất còn lưu giữ được nhiều phong tục
a quê hương với những lễ hội mang ý nghĩa
g. Người dân Trung Châu theo tín ngưỡng
ổ tiên, thờ Thành hoàng làng và đạo Phật.
ền, chùa được xây dựng và các lễ hội dân
ổ phục vụ đời sống văn hóa tâm linh của
g.

Địa bàn xã có 4 di tích lịch sử - văn hóa
uốc gia là: đình Trung Hà, đình Phương
mg, đền Vân Môn; 3 di tích xếp hạng cấp
nh Hữu Trưng, đình Nại Sa, chùa Nại Sa.
di tích lịch sử - văn hóa như: đình Phương
n, chùa Chu Phan, chùa Vân Môn, đình
Châu, chùa Trung Hà.

rau được tổ chức hằng năm vào mùa xuân
các bậc công thần khai quốc, những vị
; khai phá mảnh đất này. Nét đặc sắc
g Châu là tục cướp cây bông được tổ chức
im dựng lại hình ảnh bà Vĩnh Hoa - một
i Bà Trưng chiêu mộ quân, đây là di sản
ợc lưu giữ và tổ chức hằng năm, góp phần
á trị văn hóa độc đáo của quê hương.

XÃ HỒNG HÀ



Hội vật võ dân tộc truyền thống xã Hồng Hà

I. Điều kiện tự nhiên, lịch sử hình thành

Hồng Hà là xã nằm ven sông Hồng, cách trung tâm huyện
Đan Phượng 7 km về phía Bắc. Xã có vị trí địa lý: phía Đông giáp
xã Liên Hồng, phía Tây giáp xã Trung Châu, phía Nam giáp xã
Hạ Mỗ, phía Bắc giáp huyện Mê Linh. Tổng diện tích tự nhiên
của xã là 996,93 ha. Tính đến năm 2019, xã có 3.068 hộ, 13.068
nhân khẩu.

Tháng 4/1956, xã Hồng Hà được thành lập trên cơ sở tách
ra từ xã Hồng Thái⁽¹⁾. Tại thời điểm thành lập, xã Hồng Hà có
6 làng: Bồng Lai, Bá Dương Nội, Bá Dương Thị, Tiên Tân, Nam
Châu, Nại Xá và vạn Thắng Lợi. Năm 1978, đất 2 làng Nam
Châu và Nại Xá bị lở do lũ nên xã Hồng Hà còn lại các làng:
Bá Dương Nội, Bá Dương Thị, Bồng Lai, Tiên Tân và xóm vạn
Thắng Lợi.

⁽¹⁾ Xã Hồng Thái tách ra thành 3 xã: Hồng Hà, Hồng Thái và Hồng Phong.

Ngày 01/8/2008, tỉnh Hà Tây sáp nhập vào Thành phố Hà Nội. Xã Hồng Hà thuộc huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Tại thời điểm năm 2018, xã Hồng Hà có 4 làng: Bá Dương Nội, Bá Dương Thị, Tiên Tân, Bồng Lai và xóm vạn Thắng Lợi.

II. Chính trị

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Nhân dân Hồng Hà nói riêng và Nhân dân cả nước nói chung phải chịu ách đô hộ và đàn áp của thực dân, phong kiến. Ngày 03/02/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhân dân Hồng Hà cùng Nhân dân cả nước đứng lên giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, Nhân dân các thôn Bá Dương Nội, Bá Dương Thị, Bồng Lai và Tiên Tân hăng hái tham gia phong trào cách mạng, đẩy mạnh sản xuất và phục vụ chiến đấu.

Năm 1956, Chi bộ xã Hồng Hà được thành lập với 13 đảng viên. Căn cứ vào tình hình thực tiễn của địa phương, ngày 07/01/1967, Huyện ủy Đan Phượng ban hành Quyết nghị số 56-QN/HU về việc thành lập Đảng bộ xã Hồng Hà với 54 đảng viên, sinh hoạt trong 5 chi bộ. Ngày 13/02/1967, Đảng bộ xã Hồng Hà chính thức ra mắt. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền xã, Nhân dân Hồng Hà không những hoàn thành các nhiệm vụ chính trị ở địa phương mà còn thực hiện tốt nhiệm vụ chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến.

Tổng kết các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, toàn xã có 804 thanh niên lên đường nhập ngũ, 239 liệt sĩ và nhiều người là thương binh, bệnh binh, 29 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng 129 huân, huy chương các loại và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Sau khi đất nước được thống nhất, Đảng bộ xã Hồng Hà tập trung phát triển nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, trong đó trọng tâm là phát triển nông nghiệp. Đây là giai đoạn Đảng bộ lãnh đạo tiến hành thực hiện

cuộc vận động lớn tổ chức lại sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất. Trong bối cảnh xảy ra cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc, Đảng bộ lãnh đạo Nhân dân hoàn thành nghĩa vụ lương thực, thực phẩm với Nhà nước và nghĩa vụ tuyển quân, góp phần vào thắng lợi của công cuộc xây dựng vào bảo vệ Tổ quốc trong 10 năm đầu sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Từ năm 1986 - 2020, Đảng bộ lãnh đạo Nhân dân trong xã thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh. Quốc phòng, an ninh được đảm bảo.

Năm 2015, Hồng Hà được công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015.

III. Kinh tế

Với những lợi thế về đất đai và nguồn nước, Hồng Hà có nhiều điều kiện để phát triển nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa nước. Trong những năm gần đây, Hồng Hà tích cực đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, khuyến khích đẩy mạnh các mô hình kinh tế hộ gia đình, trang trại cũng như áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và chăn nuôi. Bên cạnh sản xuất nông nghiệp, Hồng Hà tiếp tục đẩy mạnh phát triển các nghề truyền thống, đặc biệt là chế biến lương thực, thực phẩm. Với sự phát triển của nghề truyền thống, làng Bá Dương Nội được công nhận là Làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm.

Trong quá trình thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Hồng Hà tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ. Năm 2018, tổng giá trị sản xuất của xã đạt 558,014 tỷ đồng, thu nhập bình quân đạt 43,3 triệu đồng/người, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao.

Phát huy những truyền thống quý báu của quê hương, cán bộ, đảng viên và Nhân dân Hồng Hà đạt được nhiều kết quả

quan trọng trong sự nghiệp đổi mới. Những truyền thống của quê hương chính là tiền đề để Hồng Hà ngày càng phát triển và vững mạnh hơn trên con đường thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

IV. Văn hóa - xã hội

Hồng Hà là địa phương có truyền thống văn hóa lâu đời. Người dân trong xã theo tín ngưỡng dân gian thờ cúng tổ tiên, Thành hoàng làng và đạo Phật. Hiện nay, trên địa bàn xã có 13 ngôi đình, đền, chùa, miếu, trong đó có đình, đền Bồng Lai và chùa Hưng Khánh được Bộ Văn hóa - Thông tin và Thể thao (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia theo Quyết định số 2009/QĐ-BVHTT ngày 15/11/1991; đình làng Bá Dương Nội được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia năm 1990; đình Vạn Vỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa theo Quyết định số 82/QĐ-UB ngày 19/01/2004.

Về lễ hội, vào ngày mùng 03 tháng Giêng có lễ hội rước bánh giầy làng Bá Dương Nội; từ ngày mùng 04 đến mùng 08, 09 tháng Giêng tổ chức hội vật võ truyền thống; ngày 25 tháng Giêng có lễ hội Cầu Ngư vạn Thắng Lợi; ngày 13 - 14/3 âm lịch, lễ hội Rước nước làng Bồng Lai được tổ chức để tưởng nhớ ngày sinh Vương phi Hạo Nương - Thân mẫu Thái tử Linh Lang con Vua Lý Thái Tông; ngày 15/3 âm lịch có Lễ hội thi thả diều làng Bá Dương Nội. Lễ hội thả diều được xem là một lễ hội dân gian đặc sắc mà đông đảo Nhân dân trong và ngoài nước quan tâm. Trong thời gian tổ chức lễ hội, các thôn làng có tổ chức nấu cơm thi, các trò chơi dân gian như ô ăn quan, bịt mắt bắt dê, leo cầu, đua thuyền, chọi gà, cờ tướng...

XÃ LIÊN HỒNG



Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Liên Hồng

I. Điều kiện tự nhiên, lịch sử hình thành

Xã Liên Hồng cách trung tâm Thủ đô Hà Nội khoảng 20 km, phía Đông giáp xã Liên Hà; phía Tây giáp xã Hồng Hà; phía Nam giáp xã Hạ Mỗ; phía Bắc giáp huyện Mê Linh. Liên Hồng có địa hình tương đối bằng phẳng, đất đai màu mỡ, hệ thống giao thông đường thủy, đường bộ thuận lợi. Tổng diện tích tự nhiên của xã là 527,52 ha. Theo số liệu năm 2018, xã có 2.153 hộ, 8.058 nhân khẩu.

Liên Hồng có lịch sử hình thành từ lâu đời với tên gọi và địa giới hành chính thay đổi theo từng thời kỳ. Đầu thế kỷ XX, mỗi thôn Hữu Cước, Đông Lai, Thượng Trì được coi như một đơn vị hành chính cấp xã độc lập thuộc huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức. Cuối năm 1948, theo chủ trương của cấp trên, 3 xã Đông Lai, Hữu Cước, Thượng Trì và một số thôn khác sáp nhập thành xã Liên Trì. Đến năm 1956, xã Liên Trì được tách thành 3 xã: Liên Hồng, Liên Hà và Liên Trung. Tại thời điểm thành lập, xã Liên Hồng gồm 4 thôn: Đông Lai, Hữu Cước, Tổ Thôn, Thượng Trì và giữ nguyên địa giới hành chính, tên gọi đến ngày nay.

II. Chính trị

Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, Nhân dân Liên Hồng đi theo cách mạng, cùng Nhân dân cả nước đấu tranh lật đổ ách áp bức của chế độ thực dân, phong kiến, giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Năm 1948, Chi bộ Đảng xã Liên Trì được thành lập và lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, Nhân dân trong xã luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, chống mọi âm mưu, thủ đoạn phá hoại của kẻ thù, đập tan nhiều đợt càn quét của quân địch. Trong đó, nổi bật nhất là đợt chống càn quét của quân địch vào căn cứ Bãi Sậy - nơi cơ quan kháng chiến huyện Liên Bắc đóng trong những năm 1948 - 1954.

Năm 1956, Chi bộ xã Liên Hồng được thành lập. Để đáp ứng những yêu cầu nhiệm vụ mới và được sự phê chuẩn của cấp trên, ngày 15/02/1964, Đảng bộ xã Liên Hồng được thành lập, trực tiếp lãnh đạo Nhân dân phát triển kinh tế - xã hội, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra ngày càng ác liệt, nhiệm vụ chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến ngày càng trở nên cấp bách hơn nữa. Với tinh thần "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người", Nhân dân Liên Hồng "Tích cực làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt".

Tổng kết các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, xã Liên Hồng có 144 liệt sĩ, 23 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; 210 huân chương, 95 huy chương, 56 Bằng vàng danh dự, 357 Bằng gia đình vẻ vang, 1 cá nhân (chị Hoàng Thị Lê) được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Đặc biệt, Liên Hồng vinh dự là 1 trong 9 xã của huyện Đan Phượng được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba về thành tích tuyến quân.

Sau khi đất nước hòa bình, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Liên Hồng bắt tay vào xây dựng quê hương, đẩy mạnh sản xuất, ổn định cuộc sống, cùng cả nước tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện, củng cố hệ thống chính trị vững mạnh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Đảng bộ, chính quyền và các tổ chức đoàn thể phát huy tốt vai trò của mình trong việc thực hiện các công việc chung của địa phương. Tính đến hết năm 2018, Liên Hồng có 210 đảng viên, sinh hoạt trong 8 chi bộ.

Năm 2013, Liên Hồng được công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015.

III. Kinh tế

Mặc dù ruộng đất không nhiều nhưng đất đai ở Liên Hồng tương đối bằng phẳng, màu mỡ. Cùng với đó, xã có hơn 2 km đất bãi ven sông Hồng tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất nông nghiệp. Ngoài lúa là cây trồng chính, người dân còn sử dụng đất bãi ven sông để trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ, trồng rau màu. Bên cạnh đó, bao quanh xã Liên Hồng có một số chợ như chợ Dày, chợ Bá, chợ Gối... tạo điều kiện thuận lợi để Nhân dân trong xã giao lưu văn hóa và trao đổi buôn bán với các xã lân cận.

Trong những năm gần đây, nhờ đẩy mạnh thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, diện mạo Liên Hồng ngày càng thay đổi. Kinh tế tăng trưởng ổn định và chuyển dịch theo hướng hàng hóa, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản được chú trọng phát triển, các hoạt động thương mại - dịch vụ đa dạng, hoạt động kinh doanh, buôn bán và dịch vụ môi trường phát triển góp phần đem lại hiệu quả kinh tế cao. Ngoài ra, hệ thống đường giao thông được xây dựng góp phần phục vụ hoạt động sản xuất và phát triển kinh tế của người dân trong xã.

Với bề dày truyền thống lịch sử và những đặc điểm về điều kiện tự nhiên, Liên Hồng có nhiều thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội. Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, diện mạo quê hương ngày càng thay đổi, chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng được nâng cao, quốc phòng, an ninh được giữ vững. Đó là những tiền đề để Liên Hồng ngày càng phát triển hơn nữa.

IV. Văn hóa, xã hội

Nhân dân xã Liên Hồng có truyền thống văn hóa lâu đời. Người dân trong xã có tục thờ cúng tổ tiên và thờ Thành hoàng làng. Trên địa bàn xã có nhiều ngôi đình, chùa có niên đại từ khá sớm như chùa Thiên Phúc, đình Hữu Cước, chùa Già Lễ... đáp ứng nhu cầu tôn giáo, tín ngưỡng của Nhân dân.

Liên Hồng là nơi lưu giữ nhiều công trình tôn giáo, tín ngưỡng và các truyền thuyết dân gian phản ánh lịch sử tụ cư, xây dựng quê hương của người dân nơi đây. Nhiều công trình được xếp hạng di tích như: miếu Xương Rồng được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh năm 2002; đình Thượng Trì, chùa Thiên Phúc, đình Hữu Cước được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh năm 2006, đình - chùa Đông Lai được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp thành phố năm 2016.

Hiện nay, Liên Hồng có một phiên chợ ngày 27/12 âm lịch, họp 1 năm 1 lần. Theo quan niệm của người dân trong xã đây là phiên chợ báo hiếu ông, bà, bố mẹ, những người con xa quê mua những món quà quê như: bánh dày, bánh rán, bánh tẻ... trong phiên chợ để biếu ông bà, cha mẹ.

XÃ LIÊN HÀ



Quang cảnh làng nghề mộc truyền thống Liên Hà

I. Điều kiện tự nhiên, lịch sử hình thành

Liên Hà là một trong 16 đơn vị hành chính của huyện Đan Phượng. Xã có vị trí: phía Đông giáp xã Liên Trung; phía Tây giáp xã Liên Hồng, Hạ Mỗ; phía Nam giáp xã Tân Hội; phía Bắc giáp xã Tráng Việt (huyện Mê Linh). Tổng diện tích tự nhiên của xã là 348,24 ha.

Vùng đất Liên Hà trước đây có tên gọi là Hạ Trì gồm các thôn: Thượng, Đoài và Quý. Sau Cách mạng tháng Tám, các thôn của Hạ Trì sáp nhập với các thôn của Liên Hồng thành xã Liên Trì. Năm 1956, xã Liên Trì được tách thành 3 xã: Liên Hà, Liên Hồng và Liên Trung. Xã Liên Hà chính thức được thành lập.

Xã Liên Hà hiện có 3 thôn: thôn Thượng Thôn, thôn Đoài và thôn Quý; với 2.216 hộ và 9.252 nhân khẩu.

II. Chính trị

Nhân dân Liên Hà luôn tự hào về truyền thống yêu nước của quê hương. Bất kể trong thời kỳ nào, người dân Liên Hà đều tích cực tham gia vào các phong trào yêu nước. Ngay từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập (ngày 03/02/1930), dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhân dân Liên Hà (trong xã Hạ Trì) cùng Nhân dân cả nước đứng lên giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Bước vào 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Liên Trì, Nhân dân Liên Hà tích cực ủng hộ kháng chiến, tham gia xây dựng cơ sở, khắc phục những khó khăn, gian khổ, cùng bộ đội, du kích chiến đấu, phục vụ chiến đấu, đập tan cuộc tập kích của quân Pháp trên đê thôn Thượng ngày 08/9/1948.

Tháng 6/1956, xã Liên Hà được thành lập. Ngay sau đó, Chi bộ Liên Hà ra đời trên cơ sở tách từ Chi bộ Liên Trì. Sau một thời gian hoạt động, căn cứ vào tình hình thực tế ở địa phương và theo Điều lệ Đảng, thực hiện theo quyết định của Huyện ủy, Đảng bộ xã Liên Hà được thành lập, tiếp tục lãnh đạo công cuộc khôi phục, phát triển kinh tế và chi viện cho tiền tuyến. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền xã, Nhân dân Liên Hà tích cực sản xuất, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam.

Tổng kết các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, xã Liên Hà có hàng nghìn người đi bộ đội, tham gia lực lượng dân công hỏa tuyến, trong đó có 146 liệt sĩ. Ghi nhận những đóng góp đó, Liên Hà được Đảng, Nhà nước tặng 265 Huân, Huy chương Kháng chiến, 4 Huân chương Độc lập, 228 bằng khen cho cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong kháng chiến, 36 gia đình được công nhận là Gia đình cơ sở cách mạng và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Giai đoạn 1975 - 1986, Đảng bộ xã lãnh đạo Nhân dân tổ chức lại sản xuất, mở rộng quy mô hợp tác xã, nhất là đưa khoán

sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động. Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (từ 1986 đến nay), các nhiệm vụ trọng tâm được Đảng bộ và chính quyền xã thực hiện hiệu quả, tình hình chính trị, quốc phòng, an ninh của Liên Hà được giữ vững. Ngày 08/11/2002, Liên Hà được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì. Tính đến năm 2018, Liên Hà có 184 đảng viên, sinh hoạt trong 9 chi bộ.

Năm 2014, Liên Hà được công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015. Đến năm 2019, Liên Hà được công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

III. Kinh tế

Là địa phương nằm ở vùng trung tâm đồng bằng sông Hồng nên đất đai ở Liên Hà tương đối bằng phẳng, thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp. Trước kia, bên cạnh sản xuất nông nghiệp, người dân còn đánh bắt cá, nuôi trồng thủy sản, nuôi tằm kéo tơ, dệt vải, mang lại hiệu quả kinh tế và thu nhập cao cho người dân.

Liên Hà có hệ thống giao thông đường bộ và đường thủy thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế giữa các vùng miền. Bên cạnh đó, Liên Hà gần chợ Dày - nơi trao đổi hàng hóa của Nhân dân tổng Hạ Trì, là đầu mối để khách hàng từ khắp nơi đến trao đổi hàng hóa, tạo nên những ưu thế đặc biệt cho phát triển kinh tế ở địa phương.

Xã Liên Hà có nghề mộc từ lâu đời, chuyên sản xuất đồ gỗ, trang trí nội thất. Trước đây, những người thợ mộc chủ yếu sản xuất đồ gỗ phục vụ Nhân dân. Hiện nay, làng nghề mộc xã Liên Hà sản xuất hàng hóa đa dạng, phong phú, chất lượng cao, sản phẩm được tiêu thụ trên khắp các tỉnh, thành trong cả nước. Việc phát triển nghề mộc không những bảo tồn những giá trị truyền thống của quê hương mà còn góp phần tăng thêm thu nhập cho người dân trong xã. Năm 2001, làng nghề mộc thôn Thượng được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây công nhận là Làng nghề truyền thống.

Trong thời kỳ cả nước cùng đẩy mạnh thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Liên Hà chủ động chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, thương mại và dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Năm 2019, thu nhập bình quân đạt 54,2 triệu đồng/người.

IV. Văn hóa - xã hội

Liên Hà là vùng đất có bề dày truyền thống văn hóa từ lâu đời và vẫn còn lưu giữ được những giá trị văn hóa truyền thống của quê hương.

Hiện nay, trên địa bàn xã còn lưu giữ được nhiều di tích có niên đại lâu đời như: đình Liên Hà (Ngũ Giáp), đình Chợ Dày, đền thờ nữ tướng Sa Lãng, Đồng Lạc Linh từ (đền Quý), chùa Đại Bi tự, chùa Hưng Tích, chùa Linh Sơn, trong đó đình Liên Hà được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia.

Bên cạnh những giá trị văn hóa phi vật thể, Nhân dân Liên Hà còn có đời sống văn hóa vô cùng phong phú với một số lễ hội như hội vật võ truyền thống; thổi cơm thi ở hội Dày; cướp bông, bơi trải trong hội đền Sa Lãng; hội trống nhằm phục dựng lại hoạt động tập trận, luyện quân của nữ tướng Sa Lãng.

Những phong tục tập quán và lễ hội được duy trì tổ chức đã góp phần giữ gìn, bảo lưu và phát huy những giá trị truyền thống của quê hương và là cơ sở để thế hệ trẻ trong xã hiểu thêm về những nét đặc sắc trong văn hóa của Liên Hà.

XÃ LIÊN TRUNG



Đảng ủy - HĐND - UBND xã Liên Trung

I. Điều kiện tự nhiên, lịch sử hình thành

Xã Liên Trung là một trong 16 đơn vị hành chính của huyện Đan Phượng; phía Đông giáp xã Thượng Cát (huyện Từ Liêm); phía Tây giáp xã Liên Hà; phía Nam giáp xã Tân Lập và Tân Hội; phía Bắc giáp sông Hồng. Liên Trung có diện tích tự nhiên 464,67 ha; dân số năm 2018 là 8.524 người, với 2.152 hộ.

Liên Trung là vùng đất có lịch sử khai phá từ lâu đời. Trước thế kỷ XIX, Liên Trung có tên gọi là Kẻ Dày. Dưới thời vua Gia Long, Kẻ Dày được đổi tên thành Hạ Trì. Năm 1948, Hạ Trì sáp nhập với một số thôn, xã thành xã Liên Trì. Đến năm 1956, xã Liên Trì tách thành 3 xã: Liên Trung, Liên Hồng và Liên Hà. Tại thời điểm thành lập, xã Liên Trung gồm 2 thôn: thôn Hạ, thôn Trung (trong đó, thôn Trung có thôn Trung 1 và thôn Trung 2).

II. Chính trị

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta, Nhân dân Liên Trung nói riêng và Nhân dân cả nước nói chung phải chịu cảnh áp bức, đô hộ của thực dân, phong kiến. Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, lãnh đạo Nhân dân cả nước đứng lên giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Bước vào 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, với tinh thần cách mạng và dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Hạ Trì, Nhân dân Liên Trung kiên cường đấu tranh chống các cuộc càn quét của thực dân Pháp, đặc biệt là các trận chiến tại căn cứ Bãi Sậy, bốt Hạ Trì, góp phần bảo vệ an toàn cho cơ quan kháng chiến huyện Liên Bắc, đồng thời là nơi nuôi giấu cán bộ du kích của ta. Trong cuộc đấu tranh khốc liệt đó, nhiều gia đình không ngại hy sinh, gian khổ để nuôi giấu cán bộ, du kích. Nhiều cụ già, trẻ nhỏ cũng tích cực tham gia kháng chiến.

Năm 1956, Chi bộ Đảng xã Liên Trung được thành lập và trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương. Tháng 6/1966, Đảng bộ xã Liên Trung được thành lập với 5 chi bộ trực thuộc. Với tinh thần “Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt” và “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ xã, Nhân dân Liên Trung tích cực chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến. Liên Trung vinh dự được đón tiếp Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm, động viên Nhân dân đắp đê chống lụt ngày 21/8/1959; kiểm tra tình hình xây dựng trạm bơm Đan Hoài ngày 17/7/1962 và Thủ tướng Phạm Văn Đồng về thăm nhân dịp thu hoạch vụ đông xuân ngày 06/6/1971.

Tổng kết các cuộc kháng bảo vệ Tổ quốc, xã Liên Trung có 100 liệt sĩ, 6 thương binh; trong đó có đồng chí Hoàng Hữu Chuyên được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Trong giai đoạn 1975 - 1986, Đảng bộ xã lãnh đạo Nhân dân đẩy mạnh sản xuất, thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW ngày 13/01/1981

của Ban Bí thư về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp; hoàn thành nghĩa vụ lương thực, thực phẩm với Nhà nước và nghĩa vụ tuyển quân. Từ năm 1986, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ xã tập trung lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quyết tâm xây dựng địa phương phát triển về mọi mặt, hoàn thành xây dựng nông thôn mới, từng bước vươn lên mạnh mẽ trong thế kỷ XXI. Vai trò lãnh đạo của Đảng ngày càng được nâng cao. Quốc phòng, an ninh được giữ vững. Tính đến năm 2018, Liên Trung có 207 đảng viên, sinh hoạt trong 9 chi bộ.

Năm 2013, Liên Trung được công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015. Năm 2018, Liên Trung là 1 trong 3 xã đầu tiên của Thành phố Hà Nội đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

III. Kinh tế

Liên Trung có nhiều điều kiện để phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế nông nghiệp. Với địa hình bằng phẳng, đất đai ở Liên Trung thuận lợi cho việc trồng lúa, cây hoa màu, trồng dâu, nuôi tằm... Bên cạnh hệ thống giao thông đường bộ, Liên Trung có hệ thống giao thông đường thủy phát triển, tạo thuận lợi để xã giao lưu kinh tế với các địa phương khác trong và ngoài huyện.

Bên cạnh việc chú trọng phát triển kinh tế nông nghiệp, Liên Trung còn tập trung phát triển các nghề và làng nghề truyền thống như: mộc dân dụng, dệt vải, trồng dâu, nuôi tằm, kéo tơ... Năm 2001, làng nghề chế biến lâm sản thôn Trung và thôn Hạ được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây công nhận là Làng nghề truyền thống. Hiện nay, nghề chế biến lâm sản là nguồn thu nhập chính của Nhân dân địa phương.

Với sự phát triển của kinh tế, năm 2018, thu nhập bình quân đạt 62 triệu đồng/người, đời sống vật chất, diện mạo nông thôn ngày càng khởi sắc. Những kết quả đó là động lực để Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Liên Trung đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

IV. Văn hóa - xã hội

Người dân Liên Trung có truyền thống văn hóa lâu đời. Từ xưa đến nay, việc thờ cúng tổ tiên luôn được người dân Liên Trung coi trọng. Bên cạnh thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng còn gắn liền với quá trình hình thành, phát triển của làng và đời sống văn hóa, tinh thần của người dân. Hiện nay, trên địa bàn xã có nhiều công trình kiến trúc phục vụ nhu cầu tôn giáo, tín ngưỡng của người dân như: đền Bà Sa Lãng (được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Sơn Bình xếp hạng Di tích lịch sử cấp tỉnh theo Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 06/02/1979); chùa thôn Trung, chùa thôn Hạ được xây dựng từ thời Lý và được Bộ Văn hóa - Thông tin - Thể Thao và Du lịch (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia năm 1990.

Những nét đặc sắc trong văn hóa của địa phương được thể hiện rõ nét thông qua các lễ hội. Hằng năm, cứ vào đầu xuân, lễ hội ở Liên Trung được tổ chức, trong đó điển hình là Hội thổi cơm thi được diễn ra từ ngày 11 đến ngày 15/2 âm lịch tại đình thôn Trung và đình thôn Hạ. Sau Hội thổi cơm là trò cướp cờ, múa sư tử, bịt mắt, bắt vịt... Hội cướp cờ bông được tổ chức từ ngày 11 đến ngày 15/2 âm lịch, thu hút đông đảo người dân tham gia. Từ ngày 7 đến ngày 12/3 âm lịch, Liên Trung và Liên Hà tổ chức hội ở đình chợ Dày và đền Bà Sa Lãng để tưởng nhớ Sa Lãng tướng quân. Có thể thấy lễ hội mùa xuân ở Liên Trung đã khắc họa được phần nào cuộc sống lao động và chiến đấu nhằm xây dựng và bảo vệ cuộc sống của người dân nơi đây.

XÃ THƯỢNG MỠ



Mô hình bưởi tôm vàng tại xã Thượng Mỗ

I. Điều kiện tự nhiên

Thượng Mỗ là một trong 16 đơn vị hành chính của huyện Đan Phượng, cách trung tâm huyện 3 km. Xã có vị trí địa lý: phía Đông và phía Bắc giáp xã Hạ Mỗ và Trung Châu; phía Tây giáp xã Đan Phượng và Phương Đình; phía Nam giáp xã Tân Hội. Tổng diện tích tự nhiên của xã là 354,42 ha. Năm 2018, xã có 2.193 hộ, với 9.290 nhân khẩu.

Do thường xuyên được phù sa bồi đắp và nguồn nước tưới tiêu từ sông Hồng nên Thượng Mỗ có nhiều điều kiện để phát triển nghề nông, đặc biệt là trồng lúa nước và cây ăn quả.

Là vùng đất có từ lâu đời nên tên gọi, địa giới hành chính của Thượng Mỗ có nhiều thay đổi. Dưới thời Trần, Thượng Mỗ thuộc phủ Đông Đô. Sang thế kỷ XIX, thuộc tổng Thượng Hội, huyện Từ Liêm. Đến tháng 8/1945, địa bàn xã Thượng Mỗ thuộc tiểu khu Phạm Hồng Thái.

Tháng 5/1948, địa bàn xã Thượng Mỗ nằm trong xã Hồng Thái. Tháng 4/1956, xã Hồng Thái được tách thành 3 xã: Hồng Thái, Hồng Hà và Hồng Phong. Năm 1972, xã Hồng Phong được đổi tên thành Thượng Mỗ.

Từ ngày 01/8/2008, tỉnh Hà Tây sáp nhập vào Thành phố Hà Nội. Xã Thượng Mỗ thuộc huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Hiện nay, xã Thượng Mỗ có 8 thôn: An Sơn 1, An Sơn 2, Đại Phú, Hoa Chử, Tân Thịnh, Tiến Bộ, Trung Thành và Trung Hiền.

II. Chính trị

Cũng như những vùng đất khác, Nhân dân Thượng Mỗ phải chịu sự kìm kẹp của thực dân, phong kiến. Chính vì vậy, nhiều lần các toán cướp vào làng quấy nhiễu đã bị các cụ Đoàn Tổng, Cai Già, Bếp Lái tập hợp dân làng đánh đuổi.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), Nhân dân Thượng Mỗ cùng Nhân dân xã Hồng Thái phối hợp với bộ đội chủ lực tổ chức đánh hàng trăm trận lớn nhỏ, vừa sản xuất vừa chi viện cho tiền tuyến góp phần cùng Nhân dân cả nước đánh thắng thực dân Pháp và tay sai.

Năm 1956, Chi bộ xã Hồng Phong được thành lập. Ngày 11/5/1967, Huyện ủy Đan Phượng ban hành Quyết định về việc thành lập Đảng bộ xã Hồng Phong. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Nhân dân Thượng Mỗ thực hiện khẩu hiệu “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, tăng cường chi viện sức người, sức của cho chiến trường miền Nam, quyết tâm cùng cả nước “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”.

Tổng kết cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, xã Thượng Mỗ có 79 liệt sĩ, 21 Bằng vàng danh dự, 45 Bằng khen và hàng nghìn huân, huy chương các loại.

Trong hơn 10 năm đầu đất nước thống nhất (1975 - 1986), Đảng bộ xã tập trung lãnh đạo thực hiện các kế hoạch Nhà nước 5 năm, trong đó trọng tâm là thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW ngày 13/01/1981 của Ban Bí thư về cải tiến công tác khoán, mở rộng

khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp; chi viện sức người, sức của bảo vệ biên giới của Tổ quốc.

Từ năm 1986 đến nay, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Thượng Mỗ đạt được nhiều kết quả quan trọng trong sự nghiệp xây dựng quê hương. Diện mạo nông thôn ngày một thay đổi, đời sống của người dân ấm no, tình hình chính trị ổn định. Đến năm 2018, Đảng bộ xã có 249 đảng viên, sinh hoạt trong 13 chi bộ.

Năm 2014, Thượng Mỗ được công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015.

III. Kinh tế

Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên đã tạo nhiều thuận lợi để Thượng Mỗ phát triển kinh tế, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi. Hằng năm, người dân trong đề cấy 2 vụ lúa, ngoài đề vừa cấy lúa vừa trồng hoa màu và trồng dâu, nuôi tằm. Trong những năm gần đây, nông nghiệp ở Thượng Mỗ phát triển mạnh với nhiều mô hình sản xuất như VAC, mô hình trồng rau an toàn, nấm sạch, cam Canh, mô hình trồng bưởi tôm vàng... mang lại hiệu quả kinh tế cao. Bên cạnh đó, một số ngành nghề tiểu thủ công bắt đầu hình thành và phát triển như nghề làm mộc, dệt may, cơ khí... đã giải quyết được vấn đề việc làm cho nhiều hộ dân. Kinh tế phát triển, đời sống của người dân được cải thiện, cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động xã hội được đầu tư xây dựng. Năm 2018, thu nhập bình quân đạt 44,3 triệu đồng/người.

Phát huy truyền thống của quê hương, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Thượng Mỗ cùng nhau xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, đời sống Nhân dân ổn định, các tổ chức đoàn thể ngày càng vững mạnh. Những kết quả đạt được trong thời gian qua sẽ là động lực để Thượng Mỗ ngày càng phát triển hơn nữa.

IV. Văn hóa - xã hội

Ở Thượng Mỗ, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ Thành hoàng làng, theo đạo Phật đã trở thành một bộ phận quan trọng trong đời sống văn hóa tâm linh của Nhân dân. Tính đến năm 2018,

trên địa bàn xã có 4 đình, 4 chùa và 1 đền: đình Trung, đình - chùa Trung Hiền, đình Hoa Chủ, đình Đại Phú, chùa An Sơn, chùa Hoa Chủ, chùa Đại Phú và đền Đầm Giếng. Dựa vào kiến trúc của các ngôi đình, đền, chùa và những di vật còn lưu giữ được như: chuông, khánh, sắc phong... cho thấy những ngôi chùa, đình được người dân xây dựng từ thời Lê và Nguyễn. Với những giá trị về lịch sử và văn hóa, đền Đầm Giếng (thờ bà chúa ca trù Nguyễn Thị Hồng) và đình Trung (thờ Đốc Cước Đại vương, Phổ Hộ Đại vương và Lý Nhã Lang) được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh năm 2003; đình Trung Hiền và chùa Trung Hiền được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh năm 2004.

Trên địa bàn xã có một nhà thờ họ lẻ với khoảng 80 người dân theo đạo Thiên Chúa.

Thượng Mỗ còn được biết đến là cái nôi của nghệ thuật hát ca trù xứ Đoài gắn với vai trò của “Bà chúa ca trù” Nguyễn Thị Hồng. Tương truyền bà là người giỏi hát ca trù và có công dạy hát cho 12 dòng họ trong làng. Sau khi vào cung, bà được phong Đệ nhị cung phi Hoàng hậu, phụ trách dạy lễ nhạc, đặc biệt là dạy ca trù cho các phi tần. Kế thừa và phát huy truyền thống của quê hương, dòng họ Nguyễn Duy ở thôn Đại Phú luôn giữ gìn nghiệp tổ để đưa nghệ thuật hát ca trù phát triển hơn nữa. Xã Thượng Mỗ cũng thành lập câu lạc bộ ca trù để duy trì và phát huy vốn văn nghệ dân gian, xứng đáng là quê hương của “Bà chúa ca trù”.

XÃ HẠ MỠ



*Đình Vạn Xuân, làng Hạ Mỗ - nơi thờ Hoàng tử Lý Bát Lang,
Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia, xếp hạng năm 1991*

I. Điều kiện tự nhiên, lịch sử hình thành

Hạ Mỗ là xã nằm ở phía Đông Bắc huyện Đan Phượng; phía Đông giáp xã Liên Hà và Liên Hồng, phía Tây giáp xã Thượng Mỗ và Trung Châu, phía Nam giáp xã Tân Hội, phía Bắc giáp xã Hồng Hà. Tổng diện tích tự nhiên của xã là 377,07 ha. Năm 2018, xã có 2.006 hộ, với 9.112 nhân khẩu.

Hạ Mỗ được hình thành cách đây hơn 1.400 năm, nằm ở đầu nguồn sông Nhuệ, thuộc vùng ngã ba sông Hồng, sông Đáy và sông Nhuệ. Thế kỷ thứ VI, Hạ Mỗ có tên là hương Ô Diên, gồm 2 làng là Hạ Mỗ và Tiên Tân. Cuối thế kỷ thứ XIX, đầu thế kỷ XX, thôn Tiên Tân tách thành đơn vị hành chính độc lập. Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, địa bàn xã Hạ Mỗ thuộc tiểu khu Phạm Hồng Thái. Tháng 5/1948, địa bàn Hạ Mỗ nằm trong xã Hồng Thái. Năm 1956, xã Hồng Thái tách thành 3 xã: Hồng Thái, Hồng Hà và Hồng Phong. Năm 1972, xã Hồng Thái đổi tên thành Hạ Mỗ.

Từ ngày 01/8/2008, xã Hạ Mỗ thuộc huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Xã Hạ Mỗ hiện có 2 thôn: thôn Trúng Đích và thôn Hạ Mỗ.

II. Chính trị

Nhân dân Hạ Mỗ có lòng nồng nàn yêu nước. Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, Nhân dân Hạ Mỗ nhất tề đi theo cách mạng, cùng Nhân dân cả nước làm nên thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Ngày 13/6/1946, Chi bộ ghép tiểu khu Phạm Hồng Thái được thành lập⁽¹⁾. Đến năm 1947, Chi bộ ghép tách thành 3 chi bộ riêng, trong đó có Chi bộ Thượng - Hạ Mỗ. Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ và chính quyền xã, Nhân dân tích cực tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong cuộc kháng chiến, Hạ Mỗ có hàng trăm lượt người đi bộ đội, dân quân, hàng trăm gia đình là cơ sở cách mạng, 58 người hy sinh vì độc lập dân tộc, trong đó có liệt sĩ Lê Thao được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và nhiều thương binh, bệnh binh.

Tháng 6/1968, Đảng bộ xã Hồng Thái⁽²⁾ được thành lập. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Nhân dân Hồng Thái (Hạ Mỗ) tiếp tục tăng gia sản xuất, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến và chống lại các cuộc bắn phá của máy bay Mỹ.

Tổng kết các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, xã Hạ Mỗ có 139 liệt sĩ và hàng trăm người là thương binh, bệnh binh; 28 mẹ được phong tặng và truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, trong đó có mẹ Nguyễn Thị Tạo có 3 con là liệt sĩ và nhiều mẹ có con hy sinh trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Với những đóng góp đó, Hạ Mỗ được Nhà nước tặng 7 Huân chương Độc lập hạng Ba, 17 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, 48 Huân chương Kháng chiến hạng Nhì, 143 Huân chương Kháng chiến hạng Ba, 82 Huy chương Kháng chiến hạng Nhất, 51 Huy chương Kháng chiến hạng Nhì, 16 Bằng khen của Chính phủ cùng nhiều Huân, Huy chương Chiến sĩ giải phóng.

⁽¹⁾ Tháng 6/1948, tiểu khu Phạm Hồng Thái đổi thành xã Hồng Thái, 3 chi bộ: Bá Nội, Bồng Lai, Thượng - Hạ Mỗ sáp nhập thành Chi bộ Hồng Thái. Cùng thời gian này, xã Liên Trì được thành lập, thôn Trúng Đích thuộc xã Liên Trì.

⁽²⁾ Năm 1972, xã Hồng Thái đổi tên thành Hạ Mỗ.

Sau ngày đất nước thống nhất, Đảng bộ xã lãnh đạo Nhân dân nhanh chóng ổn định cuộc sống, đẩy mạnh sản xuất, trong đó trọng tâm phát triển nông nghiệp, thực hiện cuộc vận động lớn tổ chức lại sản xuất, mở rộng quy mô hợp tác xã. Trong hơn 30 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986 - 2020), Đảng bộ xã Hạ Mỗ cùng cả nước tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện và đồng bộ. Đảng bộ lãnh đạo Nhân dân đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế; nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hoàn thành các nhiệm vụ chính trị được giao. Năm 2019, Đảng bộ có 240 đảng viên, sinh hoạt trong 13 chi bộ.

Năm 2014, Hạ Mỗ được công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015.

III. Kinh tế

Hạ Mỗ vốn là địa bàn thuần nông, có nhiều điều kiện để phát triển kinh tế, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp. Từ xa xưa, người dân Hạ Mỗ đã biết kết hợp trồng trọt với chăn nuôi và có kỹ thuật làm phân bón đạt đến trình độ cao. Người dân địa phương có câu “Chiêm Chơi, củ Cấn”, “ngô Đầm Ngoài, khoai Chùa Hộn”⁽¹⁾ để nói về những “đặc sản nông nghiệp” của địa phương.

Bên cạnh nghề nông, các nghề tiểu thủ công nghiệp nhanh chóng phát triển. Nghề thêu ren được du nhập vào địa phương từ những năm 1919 - 1920 và nhanh chóng trở thành nơi đào tạo thợ, truyền nghề ren cho các xã trong huyện và nhiều nơi trên cả nước. Bên cạnh đó, Hạ Mỗ còn phát triển nhiều nghề truyền thống như: mộc, ép mật mía, nấu rượu, đậu phụ. Năm 2003, làng Trúng Đích được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây công nhận là Làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm với sản phẩm tiêu biểu là đậu phụ. Việc phát triển các làng nghề giúp giải quyết vấn đề việc làm cho người dân trong xã và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương. Năm 2018, thu nhập bình quân đạt 41 triệu đồng/người.

Phát huy những thuận lợi của địa phương, Hạ Mỗ đạt được nhiều kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực, diện mạo nông thôn thay đổi từng ngày, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao. Những kết quả quan trọng đó

⁽¹⁾ “Chơi”, “Cấn”, “Đầm Ngoài”, “Chùa Hộn” là tên các xứ đồng. “Chiêm”: lúa chiêm, “củ”: khoai lang, “khoai”: khoai sọ, còn gọi là khoai trứng.

là động lực để Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Hạ Mỗ tiếp tục phấn đấu, xây dựng quê hương giàu đẹp, văn minh.

IV. Văn hóa - xã hội

Hạ Mỗ là vùng đất cổ, có truyền thống văn hóa đa dạng và lâu đời. Xưa kia, nơi đây là đất Ô Diên, nơi đặt kinh đô của Nhà nước Vạn Xuân. Vì vậy, vùng đất Hạ Mỗ đã trở thành nơi sinh sống của dân cư nhiều vùng khác nhau, tạo nên sự phong phú và đa dạng trong đời sống văn hóa.

Trải qua quá trình hình thành, phát triển, Hạ Mỗ còn lưu giữ được gần 60 văn bia, ngọc phả, thần tích tại các di tích như: đền Chính Khí, đình Vạn Xuân, chùa Hải Giác và ở một số nhà thờ của các dòng họ. Bên cạnh đó, Hạ Mỗ còn lưu giữ được bộ mộc bản “Cổ kim truyền lục” với hơn 500 bài thơ Nôm của các nhà nho, nhà thơ Hạ Mỗ đương thời. Nội dung chính của các tác phẩm đều phản ánh hiện thực cuộc sống, tư tưởng, tình cảm, tình yêu quê hương, ca ngợi những tiên nhân đi trước và khuyên dạy các thế hệ con cháu đời sau phải biết phát huy truyền thống, giữ đạo làm người.

Hạ Mỗ là vùng đất hiếu học. Tiêu biểu cho tinh thần “sôi kinh nấu sử” là Thái úy, Thái học sinh Tô Hiến Thành, Hoàng giáp Đỗ Trí Trung, Tiến sĩ Đào Hoàng Thực.

Các công trình đình, chùa, đền, miếu... được xây dựng ở nhiều nơi trong xã. Mỗi di tích đều có nét đặc trưng riêng và phần lớn đều theo kiến trúc hình chữ Đinh (丁). Trên địa bàn xã có đình Vạn Xuân, chùa Hải Giác và đền Văn Hiến được Bộ Văn hóa - Thông tin và Thể thao xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia (tháng 10/1991).

Hạ Mỗ còn là nơi lưu giữ những giá trị văn hóa phi vật thể như: nghệ thuật ca hát, trò chơi và trò diễn dân gian. Nghệ thuật hát chèo sớm phát triển ở Hạ Mỗ và được biểu diễn trong những ngày hội làng hay biểu diễn ở từng nhà, từng họ theo yêu cầu. Ngoài ra, người dân trong xã còn hát trống quân khi đi cấy, hội làng. Bên cạnh nghệ thuật ca hát, trò chơi dân gian trong các lễ hội cũng chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa của người dân Hạ Mỗ như: đánh cờ người, thả chim bồ câu, chọi gà, đánh đu và đặc biệt là trò “đua thuyền, bắt vịt, nấu cơm thi” trong hội làng đình Vạn Xuân.

XÃ TÂN HỘI



Cảnh quan đường Phan Xích (xã Tân Hội)

I. Điều kiện tự nhiên, lịch sử hình thành

Xã Tân Hội nằm cách trung tâm huyện 3 km; phía Đông giáp xã Liên Trung, phía Tây giáp xã Đan Phượng, phía Nam giáp xã Tân Lập, phía Bắc giáp xã Hạ Mỗ. Tổng diện tích tự nhiên của xã là 532,61 ha. Đến năm 2019, xã có 5.962 hộ, 21.031 nhân khẩu.

Tân Hội là xã nằm trên vùng đất cổ, có lịch sử phát triển lâu đời. Địa bàn Tân Hội ngày đầu toàn quốc kháng chiến có tên là Khu Gối, gồm 8 thôn: Phan Long, Thượng Hội, Thúy Hội, Vĩnh Kỳ, Ngọc Kiệu, Đan Hội, Hạnh Đàn, Hạ Hội. Tháng 6/1948, xã Tân Hội được thành lập.

Năm 1956, Tân Hội được chia tách thành 2 xã là Tân Hội (mới) và Tân Lập.

Hiện nay, xã Tân Hội có 4 thôn: Phan Long, Thượng Hội, Thúy Hội, Vĩnh Kỳ.

II. Chính trị

Từ khi ánh sáng cách mạng của Đảng rọi về Tân Hội, tinh thần yêu nước nồng nàn, tinh thần tự chủ, dũng cảm đấu tranh của cha ông đã được khơi dậy, thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh giành độc lập dân tộc. Trong suốt 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, địa bàn Tân Hội nằm sâu trong vùng địch chiếm đóng, bị kiểm soát gắt gao. Năm 1946, Chi bộ ghép xã Tân Hội được thành lập. Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, cán bộ, đảng viên Tân Hội kiên cường bám đất, bám dân, giữ vững phong trào, xây dựng Tân Hội trở thành căn cứ của huyện, làm nên nhiều chiến thắng vang dội. Đặc biệt là chiến thắng “3 ngày 5 trận” gắn với tên tuổi của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Phan Xích.

Tháng 02/1963, Đảng bộ xã Tân Hội được thành lập. Với tinh thần “Tất cả để phát triển sản xuất, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, cán bộ, đảng viên và Nhân dân Tân Hội luôn nỗ lực cao nhất “Vì miền Nam ruột thịt”, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến, góp phần vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trong các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, Tân Hội có 225 liệt sĩ, hàng trăm thương binh, bệnh binh, 11 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng. Ghi nhận những đóng góp đó, Nhân dân Tân Hội được Đảng và Nhà nước tặng danh hiệu đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, 1 Huân chương Kháng chiến hạng Ba, 3 Bằng khen của Hội đồng Chính phủ về thành tích trong sản xuất và chiến đấu, 71 gia đình được tặng Bằng vàng danh dự. Cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong xã được tặng thưởng 879 huân chương và 320 huy chương các loại.

Miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất, thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ xã lãnh đạo Nhân dân nhanh chóng ổn định đời sống, tổ chức lại sản xuất, mở rộng quy mô hợp tác xã, hoàn thành nghĩa vụ quân sự, góp phần bảo vệ biên giới Tổ quốc. Từ năm 1986 - 2020, phát huy mọi nguồn lực, Đảng bộ lãnh đạo Nhân dân thực hiện đường lối đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tổ chức Đảng ngày càng trưởng thành, đến năm 2018, Đảng bộ xã Tân Hội có 588 đảng viên, sinh hoạt trong 20 chi bộ.

Với sự vào cuộc của hệ thống chính trị, năm 2013, Tân Hội được công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015; đến năm 2019 tiếp tục được công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

III. Kinh tế

Tân Hội là xã nằm trong vùng châu thổ ven sông, Nhân dân bao đời gắn bó với miền đất phù sa, cần mẫn cải tạo đất đai, đồng ruộng để sản xuất nông nghiệp. Trồng lúa nước là nguồn sống chính của Nhân dân Tân Hội.

Ngoài nghề nông, Nhân dân sớm có nghề thủ công, nổi tiếng nhất là nghề dệt vải, màn, may mặc và nghề rèn, ngoài ra có nghề mộc, chế biến nông sản... Ngày nay, hoạt động thương mại, dịch vụ ở Tân Hội ngày càng phát triển. Chợ Gối là nơi trao đổi, mua bán hàng hóa nổi tiếng trong vùng, đáp ứng nhu cầu mua sắm của Nhân dân từ vật dụng tiêu dùng đến các loại giống vật nuôi, cây trồng.

Tính đến năm 2018, tổng giá trị sản xuất của xã đạt gần 1.000 tỷ đồng, thu nhập bình quân đạt 50,497 triệu đồng/người. Năm 2013, Đảng bộ và Nhân dân Tân Hội được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.

IV. Văn hóa - xã hội

Tân Hội là vùng đất cổ, trải qua biến thiên của lịch sử, các thế hệ cư dân đã xây dựng quê hương trù phú và vun đắp các truyền thống quý báu, làm nên những trang sử vàng. Xã Tân Hội có khá nhiều hệ thống các di tích lịch sử - văn hóa. Các công trình đình, chùa, lăng, miếu có kiến trúc độc đáo mang đậm giá trị lịch sử, văn hóa như: miếu Voi Phục, lăng Văn Sơn, đền Giảng Thiện, Võ Chỉ... ở mỗi làng có một ngôi chùa để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân.

Đời sống văn hóa của Nhân dân Tân Hội phong phú, mang đậm nét văn minh nông nghiệp lúa nước. Lễ hội hát chèo tàu là một di sản văn hóa đặc sắc của địa phương, nhằm tôn vinh truyền thống đánh giặc cứu nước của cha ông.

XÃ TÂN LẬP



Khu di tích đình, chùa làng Hạ Hội

I. Điều kiện tự nhiên, lịch sử hình thành

Tân Lập là một trong 16 xã, thị trấn của huyện Đan Phượng; phía Đông giáp hai phường Tây Tựu và Thượng Cát (quận Bắc Từ Liêm), phía Tây giáp xã Tân Hội, phía Nam giáp thị trấn Tràm Trôi và xã Đức Thượng (huyện Hoài Đức), phía Bắc giáp xã Liên Trung. Tân Lập là xã đồng bằng nằm trong vùng châu thổ sông Hồng, có diện tích tự nhiên là 571,95 ha, trong đó diện tích canh tác là 312,26 ha và các loại đất khác. Đến năm 2019, xã có 6.605 hộ, 23.000 nhân khẩu.

Tân Lập là vùng đất có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời. Tháng 6/1956, xã Tân Lập được thành lập trên cơ sở chia tách từ xã Tân Hội.

Hiện nay, xã Tân Lập có 4 làng: Đan Hội, Hạ Hội, Ngọc Kiệu, Hạnh Đàn, 4 trại (trại Hạnh Đàn, trại Ngọc Kiệu, trại Ngọc Trúc, trại Kim Âu) và 3 tổ dân phố thuộc khu đô thị Tân Tây Đô.

II. Chính trị

Nhân dân Tân Lập từ lâu đã có truyền thống yêu nước, kiên cường, bất khuất chống giặc ngoại xâm. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, Nhân dân trên địa bàn xã hăng hái tham gia phong trào cách mạng, đẩy lùi nhiều cuộc tấn công, càn quét của địch cùng với quân dân xã Tân Hội lập nên chiến công hiển hách trong chiến thắng “3 ngày 5 trận”, góp phần giải phóng quê hương. Nhiều gia đình là cơ sở cách mạng, dù nhiều lần bị kẻ địch khủng bố, đốt cháy nhà, cướp phá tài sản nhưng vẫn tích cực nuôi giấu cán bộ, du kích.

Năm 1956, sau khi xã Tân Lập được thành lập, Chi bộ Đảng xã Tân Lập cũng ra đời (nay là Đảng bộ xã Tân Lập), trực tiếp lãnh đạo Nhân dân sản xuất, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam.

Tổng kết các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, toàn xã có 36 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, 321 liệt sĩ, 161 thương binh, bệnh binh, nhiều cá nhân và tập thể được tặng phần thưởng cao quý, trong đó có 721 Huân, Huy chương Kháng chiến và nhiều bằng khen, giấy khen. Năm 2005, xã Tân Lập được Nhà nước phong tặng danh hiệu đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

Trong giai đoạn 1975 - 1986, Đảng bộ xã lãnh đạo Nhân dân đẩy mạnh sản xuất, thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW ngày 13/01/1981 của Ban Bí thư về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp; hoàn thành nghĩa vụ lương thực, thực phẩm với Nhà nước và nghĩa vụ tuyển quân. Từ năm 1986 đến nay, Đảng bộ xã luôn giữ vững ngọn cờ lãnh đạo, động viên Nhân dân vượt qua khó khăn, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Vai trò lãnh đạo của Đảng ngày càng được nâng cao. Quốc phòng, an ninh được giữ vững. Đến năm 2019, Đảng bộ xã Tân Lập có 623 đảng viên, sinh hoạt trong 23 chi bộ.

Năm 2014, Tân Lập được công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015. Đến cuối năm 2019, Tân Lập tiếp tục được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

III. Kinh tế

Đời sống kinh tế chính của Nhân dân Tân Lập trước đây là nghề nông, với cây trồng chính là lúa nước. Ngoài trồng lúa người dân còn trồng các loại cây hoa màu, cây ăn quả và chăn nuôi gia súc, gia cầm, thả câu, chài lưới, dệt vải... Ngày nay, Nhân dân Tân Lập đã đưa nhiều giống cây trồng có giá trị kinh tế cao vào sản xuất. Nhân dân còn phát triển các nghề tiểu thủ công nghiệp như: rèn, hàn, gò, chế biến thực phẩm. Các hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển ngày càng đa dạng, tập trung vào các lĩnh vực như: dịch vụ vận tải, vật liệu xây dựng, kinh doanh tạp hóa... đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống dân sinh. Tính đến năm 2019, tổng giá trị sản xuất của xã đạt 1.038,14 tỷ đồng, thu nhập bình quân đạt 59,122 triệu đồng/người.

IV. Văn hóa - xã hội

Tân Lập nằm giữa vùng đất cổ xứ Đoài và vùng đất Thăng Long - Hà Nội. Trên địa bàn xã còn lưu giữ nhiều công trình văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo: đình Hạ Hội, đình Ngọc Kiệu, đình Đan Hội, đình Hạnh Đàn, chùa Kim Âu, chùa Hạ Hội (Hương Lâm tự), chùa Ngọc Kiệu (Kim Cốc tự), chùa Bảo Tán (chùa Đan Hội), chùa Bát Phúc (chùa Hạnh Đàn).

Đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân Tân Lập mang đậm truyền thống văn hóa nông nghiệp lúa nước đồng bằng sông Hồng. Đa số Nhân dân có tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, những người có công với làng, với nước, tưởng nhớ các bậc tiền bối, thờ thần và Phật. Đình, chùa được xây dựng ở nhiều nơi trên địa bàn xã đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	1
Một số vấn đề cần chú ý trong biên soạn - giảng dạy lịch sử địa phương	3
Bài mở đầu: Khái quát về huyện Đan Phượng (Dành chung cho các cấp)	7
PHẦN I: BÀI GIẢNG DÀNH CHO HỌC SINH TIỂU HỌC	23
Bài 1 (Lớp 4): Thái úy Tô Hiến Thành - 1 tiết	24
Bài 2 (Lớp 5): Bác Hồ về thăm Đan Phượng - 1 tiết	30
PHẦN II: BÀI GIẢNG DÀNH CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ	39
Bài 1 (Lớp 6): Các di tích lịch sử tiêu biểu trên địa bàn huyện - 2 tiết	40
Tiết 1: Tìm hiểu về di tích chùa Đồi Hôi và đền Sông	40
Tiết 2: Tìm hiểu về di tích đình Đại Phùng và đền Bà Sa Lãng	48
Bài 2 (Lớp 7): Lễ hội và trò chơi dân gian tiêu biểu trên địa bàn huyện Đan Phượng - 2 tiết	57
Tiết 1: Khái quát về lễ hội và trò chơi dân gian trên quê hương Đan Phượng	57
Tiết 2: Tìm hiểu nét đặc sắc của hội hát chèo tàu ở Tổng Gối (Tân Hội) và hội thả diều ở làng Bá Giang (Hong Hà)	61
Bài 3 (Lớp 8): Những tấm gương anh dũng của quê hương Đan Phượng - 2 tiết	69
Tiết 1: Những tấm gương anh dũng trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược	69
Tiết 2: Các anh hùng trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và thời kỳ bảo vệ biên giới phía Bắc	77
Bài 4 (Lớp 9): Những sự kiện tiêu biểu của quân dân Đan Phượng (giai đoạn 1945 - 1967) - 2 tiết	83
Tiết 1: Quá trình đấu tranh giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945	83

Tiết 2: Chiến thắng chợ Gốc Ngô (xã Trung Châu) ngày 17/8/1948 và chiến thắng “3 ngày 5 trận” (xã Tân Hội)	89
PHẦN III: BÀI GIẢNG DÀNH CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	95
Bài 1 (Lớp 10): Truyền thống ba đảm đang của phụ nữ Đan Phượng - 1 tiết	96
Bài 2 (Lớp 11): Một số nhân vật tiêu biểu trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật, âm nhạc - 1 tiết	104
Bài 3 (Lớp 12): Đan Phượng trong thời kỳ đổi mới (1986 - 2020) - 1 tiết	109
PHẦN IV: TÀI LIỆU THAM KHẢO	119
I. Một số tấm gương tiêu biểu trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và phong trào đào hầm nuôi giấu cán bộ bảo vệ cơ sở kháng chiến	120
II. Tài liệu tham khảo về các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	127
Thị trấn Phùng	127
Xã Đan Phượng	131
Xã Song Phượng	135
Xã Đồng Tháp	139
Xã Phương Đình	143
Xã Thọ Xuân	147
Xã Thọ An	151
Xã Trung Châu	155
Xã Hồng Hà	159
Xã Liên Hồng	163
Xã Liên Hà	167
Xã Liên Trung	171
Xã Thượng Mỗ	175
Xã Hạ Mỗ	179
Xã Tân Hội	183
Xã Tân Lập	186

Chịu trách nhiệm liên kết xuất bản

Ông Vũ Hải Đông

Giám đốc Công ty Truyền thông Nhất Nam

Cố vấn khoa học

Tiến sĩ Văn hóa học Nguyễn Văn Thắng

Nhóm biên soạn

Đặng Thị Trang

Hà Thị Huệ

Nguyễn Thanh Tuyên

Đào Thị Lệ Quyên

Thực hiện tại

CÔNG TY TRUYỀN THÔNG NHẤT NAM

Địa chỉ: Khương Trung - Thanh Xuân - Hà Nội

*Tel: 0989 359 111 * Fax: 024 3568 1347*

E-mail: nhatnammedia@gmail.com

Website: www.truyenthongnhatnam.com.vn

